

SƠ GIAO DỊCH CHUNG KHOAN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHUNG KHOAN CHI CỐ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẠM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



**BẢN CÁO BẠCH**  
**viettel**  
construction

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104753865 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 327./QĐ-SGDHCM do Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27. tháng 12. năm 2021.)

#### TỜ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)



**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### **TỜ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Trụ sở chính: Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: Số 06 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6275 1783 Fax: (024) 6275 1783

Website: <https://viettelconstruction.com.vn/>

#### **TỜ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209 Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999 Fax: (84-24) 6278 2688

#### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên: Ông Phạm Đình Trường

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 0989.044.456

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104753865 do Sở KH&ĐT TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021

**viettel**  
construction

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU  
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu:	Cổ Phiếu Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	CTR
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	92.923.873 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	929.238.730.000 đồng

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

VIET CAPITAL  
SECURITIES 

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều. Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC**

 **aasc**  
since 1991

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website: <https://aasc.com.vn/>

## MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....	6
1. RỦI RO KINH TẾ .....	6
1.1. Tăng trưởng kinh tế .....	6
1.2. Lạm phát .....	8
1.3. Lãi suất .....	8
1.4. Tỷ giá .....	9
2. RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT .....	9
3. RỦI RO ĐẶC THÙ, RỦI RO NGÀNH .....	10
3.1. Rủi ro doanh thu tập trung .....	10
3.2. Rủi ro liên quan đến hoạt động xây lắp .....	10
3.3. Rủi ro trong hoạt động .....	11
3.4. Rủi ro danh tiếng .....	11
3.5. Rủi ro về nguồn nhân lực .....	12
3.6. Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng .....	12
3.7. Rủi ro về tiến độ triển khai dự án .....	12
4. RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CÒ PHIẾU .....	13
5. RỦI RO KHÁC .....	13
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	15
1. TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	15
2. TÒ CHỨC TƯ VẤN .....	15
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT .....	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	17
1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	17
1.1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết .....	17
1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết .....	17
1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết .....	20
2. CƠ CẤU TÒ CHỨC VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	28
2.1. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty trong mối quan hệ với Tập đoàn .....	28
2.2. Bộ máy quản lý của Tổng Công ty .....	29
3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NÂM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT; DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NÂM GIỮ; CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	31
4. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ, CÔNG TY CON CỦA TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TÒ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NÂM GIỮ QUYỀN KIỂM	

SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẴM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	32
<b>5. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....</b>	<b>34</b>
5.1. Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty.....	34
5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm.....	40
5.3. Nguyên vật liệu .....	43
5.4. Chi phí sản xuất.....	45
5.5. Trình độ công nghệ .....	46
5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	49
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ .....	50
5.8. Hoạt động marketing.....	51
5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	52
5.10. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết .....	52
<b>6. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 02 NĂM GẦN NHẤT VÀ LŨY KẾ ĐÊN QUÝ GẦN NHẤT .....</b>	<b>57</b>
6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất.....	57
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo .....	63
<b>7. VỊ THẾ CỦA TỔNG CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP TRONG CÙNG NGÀNH.....</b>	<b>64</b>
7.1. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY TRONG NGÀNH .....	64
7.2. TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN NGÀNH .....	66
<b>8. CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG.....</b>	<b>75</b>
<b>9. CHÍNH SÁCH CỔ TỨC.....</b>	<b>78</b>
<b>10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH .....</b>	<b>79</b>
10.1. Trích khấu hao tài sản cố định .....	79
10.2. Mức lương bình quân người lao động .....	79
10.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn.....	80
10.4. Các khoản phải nộp theo luật định.....	80
10.5. Trích lập các quỹ theo luật định .....	81
10.6. Tổng dư nợ vay .....	81
10.7. Tình hình công nợ hiện nay.....	83
10.8. Đầu tư tài chính.....	87
10.9. Hàng tồn kho .....	87
10.10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	88
<b>11. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>	

11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty.....	90
11.2. Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.....	90
12. TÀI SẢN.....	104
13. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG CÁC NĂM TIẾP THEO.....	108
13.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.....	108
13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên.....	108
13.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHCĐ thông qua.....	110
13.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ.....	112
14. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN.....	112
15. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	112
16. CÁC THÔNG TIN, TRANH CHẤP LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	113
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	115
1. LOẠI CỔ PHIẾU.....	115
2. Mã CỔ PHIẾU.....	115
3. MỆNH GIÁ.....	115
4. TỔNG SỐ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	115
5. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYÊN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOẶC CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.....	115
6. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ.....	117
7. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẪM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	120
8. CÁC LOẠI THUẾ VÀ PHÍ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	120
8.2. Đối với nhà đầu tư mua cổ phiếu.....	121
8.2.1. Thuế thu nhập cá nhân.....	121
8.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp.....	122
8.2.3. Thuế giá trị gia tăng.....	123
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	124
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT.....	124
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.....	125
VII. GIỚI THIỆU NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	125
VIII. PHỤ LỤC.....	126

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Báo Bạch này, nhà đầu tư tiềm năng nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi quyết định mua cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Việc xảy ra một hoặc nhiều yếu tố rủi ro được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và giá cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Ngoài ra, có thể có những rủi ro khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết chưa biết đến hoặc được coi là không trọng yếu tại thời điểm hiện tại cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

### **1. Rủi ro kinh tế**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính Phủ cũng như chính sách phát triển ngành dịch vụ viễn thông và xây dựng.

Phần lớn doanh thu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đều phát sinh tại Việt Nam và phần lớn hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn, bao gồm mức độ can thiệp của nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả và hạn chế đối với hàng hoá nhập khẩu. Từ cuối những năm 1980, nhà nước Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách kinh tế bao gồm giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước với tư liệu sản xuất và thiết lập bộ máy quản lý mới trong các doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình hình kinh doanh và năng lực tài chính cũng như triển vọng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi chính sách và biện pháp đó.

#### **1.1. Tăng trưởng kinh tế**

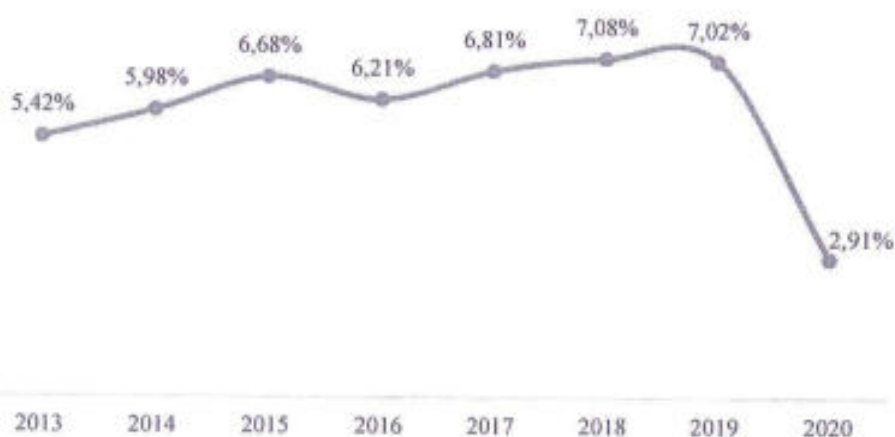
Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong 03 năm 2017 - 2019, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được duy trì ở mức cao, lần lượt đạt 6,81% (năm 2017), 7,08% (năm 2018) và 7,02% (năm 2019) và thuộc nhóm các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất khu vực và thế giới. Tốc độ tăng trưởng cũng được cải thiện qua các năm cho thấy nền kinh tế của Việt Nam đang dần lấy lại được đà tăng trưởng nhờ sức mua được cải thiện và hoạt động sản xuất kinh doanh có những chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, từ năm 2020 tới nay, các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng trước sự bùng phát và lan rộng nhanh chóng của đại dịch Covid-19. Hàng loạt quốc gia đã phải đóng cửa để ngăn chặn bệnh dịch khiến các chuỗi cung ứng trên toàn cầu đứt gãy, nhiều lĩnh vực dịch vụ, sản xuất bị đóng băng. Nền kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng nặng nề khi tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của Việt Nam chỉ đạt 2,91%,

mức thấp nhất trong vòng 10 năm trở lại đây (2011-2020). Tuy vậy, đây vẫn là một thành tích đáng tự hào khi Việt Nam vẫn là một trong số ít các quốc gia khu vực châu Á - Thái Bình Dương có mức tăng trưởng dương sau khi kiểm soát thành công sự lây lan của dịch bệnh.

Bước sang năm 2021, GDP 09 tháng đầu năm 2021 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng dương so với cùng kỳ, đạt 1,42% bất chấp sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 từ cuối tháng 04. Tuy nhiên, trước bối cảnh tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp kéo dài, các tổ chức quốc tế đã lần lượt điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam trong năm 2021. Cụ thể, Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 3,8% trong năm 2021, Ngân hàng Thế giới (World Bank) hạ dự báo tăng trưởng GDP xuống còn 4,8%. Tuy chưa thể hồi phục lại mức 6% - 7% của giai đoạn trước, tốc độ tăng trưởng GDP như các dự báo trên vẫn có thể được xem là thành công của Việt Nam trong bối cảnh dịch bệnh phức tạp và mức nền tăng trưởng dương của năm 2020.

**Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2013 - 2020**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước nói chung cũng như cho Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh diễn biến phức tạp kéo dài của đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế, chính trị xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động tiêu cực đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

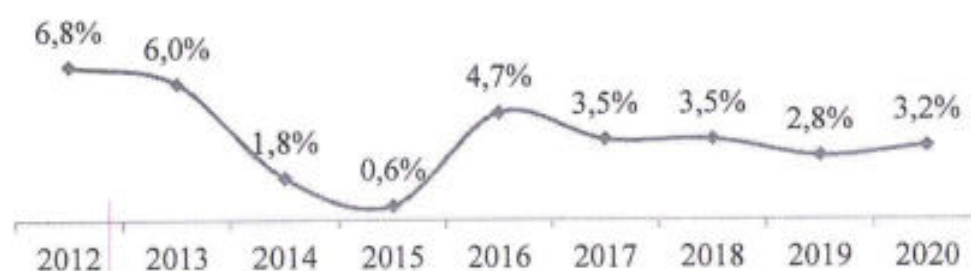
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Suy thoái của nền kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tuy nhiên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất cũng như không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm giữ vững thị phần trong các lĩnh vực kinh doanh.

## **1.2. Lạm phát**

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiểm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó lạm phát trong năm 2014 đã giảm mạnh còn 4,09% từ mức 6,6% năm 2013 và 9,21% năm 2012. Trong năm 2015, mức lạm phát chỉ có 0,63% và là mức thấp nhất kể từ năm 2001 đến nay. Tuy nhiên, lạm phát đã tăng trở lại từ năm 2016 với mức tăng CPI là 4,74% và giảm xuống còn 3,5% năm 2018, 2,79% năm 2019 và 3,23% trong năm 2020. Dù mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong giai đoạn 2017 - 2020 đã thành công ở mức dưới 4%, song việc kiểm soát lạm phát năm 2021 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức khi tình hình thiên tai, dịch bệnh trong nước còn diễn biến phức tạp, sẽ ảnh hưởng lớn đến các hoạt động sản xuất, cung cầu hàng hóa trên thị trường.

Ngoài ra, năm 2021 khi dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn nhờ có vắc xin, đồng thời kinh tế trong nước và thế giới phục hồi, lạm phát so với cùng kỳ năm trước sẽ có xu hướng tăng trở lại.

**Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm**



*Nguồn: Tổng cục thống kê*

Trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên vật liệu, xây dựng, nhân công, lãi vay, v.v... Ảnh hưởng nhiều nhất tại lĩnh vực xây dựng và đầu tư hạ tầng cho thuê.

Tỷ lệ lạm phát nếu được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, giúp Tổng Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

## **1.3. Lãi suất**

Mặt bằng lãi suất tăng sẽ kéo theo xu hướng cắt giảm, thu hẹp quy mô và phạm vi của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế, hoặc ngược lại sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh. Lãi



suất cho vay thấp luôn là động lực khuyến khích doanh nghiệp mở rộng đầu tư, phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh và qua đó kích thích tăng trưởng toàn bộ nền kinh tế.

Trong Quý III/2021, mặt bằng lãi suất huy động dao động ở mức 3,3-3,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 06 tháng, 4,2-5,7%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng và 5,4-6,9%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng. Trong khi đó, thông tin từ Ngân hàng Nhà nước cho biết, mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và xu hướng tiếp tục giảm trong hơn nửa năm 2021 với mức giảm khoảng 0,55%/năm, tổng cộng giảm 1,55%/năm so với thời điểm trước dịch. Đây là yếu tố hỗ trợ rất thuận lợi cho các doanh nghiệp có được nguồn vốn rẻ để duy trì dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh, phục hồi tăng trưởng để từng bước khắc phục những khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19.

Riêng đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, rủi ro về biến động lãi suất có thể được kiểm soát và hạn chế do cơ cấu nguồn vốn an toàn với giá trị nguồn vốn vay cả ngắn hạn và dài hạn chỉ chiếm khoảng 4,1% tổng tài sản Tổng Công ty tại thời điểm 30/09/2021 (theo Báo cáo tài chính hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021).

#### **1.4. Tỷ giá**

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động mạnh và theo chiều hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết ít chịu rủi ro về tỷ giá ngoại tệ do doanh thu và chi phí tại các thị trường nước ngoài (Lào, Cambodia, Myanmar, Mozambique, Tanzania và Peru) chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu (chiếm khoảng 6 – 11%) và các khoản lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ chỉ tương đương không quá 0,1% doanh thu thuần của Tổng Công ty trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021. Tuy nhiên, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cũng lưu tâm đến việc hạn chế rủi ro ngoại tệ và sẽ dùng các công cụ phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá khi giá trị doanh thu từ thị trường nước ngoài tăng cao trong thời gian tới.

#### **2. Rủi ro về pháp luật**

Là một công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật chuyên ngành liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Các văn bản pháp luật chuyên ngành có thể kể đến như Luật Viễn thông, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, các bộ luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không đảm bảo rằng các luật, quy định và quy chế điều chỉnh hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông, xây dựng sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc các luật, quy định và quy chế nghiêm ngặt hơn điều chỉnh các lĩnh vực đó sẽ được ban hành.

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

### **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

Những thay đổi đó có thể yêu cầu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết phải sửa đổi, điều chỉnh cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Để hạn chế những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết luôn chủ động theo dõi, nghiên cứu và cập nhật những thay đổi về các quy định của luật pháp có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn (nếu xét thấy cần thiết) đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Nhìn chung, với chủ trương của Nhà nước là tạo môi trường kinh tế và pháp lý ngày càng thông thoáng, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cùng với ý thức chấp hành pháp luật tốt, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cho rằng rủi ro về mặt pháp luật là không đáng kể.

### **3. Rủi ro đặc thù, rủi ro ngành**

#### **3.1. Rủi ro doanh thu tập trung**

Với đặc thù hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là đơn vị kinh doanh dịch vụ hạ tầng viễn thông (Đầu tư hạ tầng, Xây dựng hạ tầng, Vận hành khai thác hạ tầng ...), khách hàng chính của Tổng công ty là các tổng công ty, công ty trong Tập đoàn Viễn thông mà chủ yếu là liên quan đến Tập đoàn Viettel. Tổng Công ty nhận thấy có rủi ro nhất định khi doanh thu từ nhóm công ty liên quan chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Tổng Công ty nhận định rằng, rủi ro luôn song hành với khả năng sinh lời, luôn có tác động hai mặt tích cực hoặc tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Bởi vì, nhóm các công ty liên quan của Tập đoàn Viettel đều là các Công ty có quy mô lớn, tiềm lực tài chính mạnh, tập khách hàng ổn định và tiềm năng, thương hiệu và uy tín cao do đó giúp Tổng công ty ổn định về dòng tiền hạn chế rủi ro về thanh toán, rủi ro biến động trong kinh doanh. Việc hợp tác với các Công ty liên quan đến Tập đoàn Viettel mang lại cho Tổng công ty những giá trị vô hình khác như nâng cao được chất lượng dịch vụ, năng lực quản trị từ yêu cầu khắt khe của đối tác, nâng cao hình ảnh, thương hiệu ... . Trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty cũng đã thực hiện chuyển dịch theo Chiến lược sản xuất kinh doanh 05 năm tới với mục tiêu đến năm 2025, Tổng công ty trở thành công ty đầu tư và cho thuê hạ tầng hàng đầu Việt Nam; Mở rộng cung cấp dịch vụ vận hành khai thác chuyên nghiệp ra các thị trường nước ngoài; Phát triển các giải pháp về nguồn, năng lượng thông minh cho ngành viễn thông cũng như các ngành nghề khác, theo đó tỷ trọng doanh thu từ nhóm các công ty liên quan đã giảm dần từ mức 84% trong năm 2019 xuống lần lượt còn 71% năm 2020 và 68% 09 tháng đầu năm 2021.

#### **3.2. Rủi ro liên quan đến hoạt động xây lắp**

Những rủi ro trong lĩnh vực xây lắp có thể gây ảnh hưởng bất lợi tới việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết như thay đổi liên quan đến điều chỉnh thay đổi quy hoạch, thi công xây dựng, giá vật tư, thiết bị; rủi ro liên

quan đến an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy, nổ; thay đổi ảnh hưởng đến an toàn, chất lượng và tiến độ thực hiện dự án và thay đổi giá dịch vụ trên thị trường; nguồn lao động thiếu hụt và không được đào tạo. Bên cạnh đó, sự bùng phát trở lại của đại dịch Covid-19 từ cuối tháng 04/2021 và những quy định phòng chống dịch bệnh nghiêm ngặt của Chính phủ và các chính quyền địa phương để kiểm soát đợt bùng phát này cũng gây ra những khó khăn đáng kể, ảnh hưởng đến tiến độ xây lắp và bàn giao sản phẩm của Tổng Công ty với khách hàng.

### **3.3. Rủi ro trong hoạt động**

Đây là rủi ro hoạt động trong việc quản lý gian lận và cải thiện hiệu quả vận hành tại các khâu nghiệp vụ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Rủi ro này có thể phát sinh do các nguyên nhân liên quan đến:

- Con người: Các hành vi thiếu sót, gian lận của cán bộ nhân viên hoặc thực hiện không đúng theo các quy định/quy trình hiện hành của Tổng Công ty;
- Quy trình: Quy định/quy trình không đầy đủ, không rõ ràng, mâu thuẫn, bị chông chéo do những hạn chế trong khâu thiết kế quy trình;
- Hệ thống: Sự không đầy đủ hoặc vận hành không tốt, gián đoạn của hệ thống từ việc không có dữ liệu hoặc dữ liệu không chính xác.

Ba yếu tố chính này có thể gây ra tổn thất về tài chính và tác động tiêu cực phi tài chính đối với Tổng Công ty như làm giảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ dẫn đến khách hàng phàn nàn, làm giảm uy tín của Tổng Công ty.

Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quy định, quy trình theo các tiêu chuẩn tiên tiến nhất trên thế giới và thường xuyên cập nhật định kỳ (06 tháng/1 năm) các hệ thống quy định này. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cho cán bộ nhân viên về các quy định, quy trình của Tổng Công ty và thực hiện định kỳ cũng như đột xuất công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để phát hiện các hành vi gian lận, không tuân thủ quy định của người lao động.

### **3.4. Rủi ro danh tiếng**

Rủi ro danh tiếng có thể xảy ra với những khiếu nại của khách hàng về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoặc các bài báo, bình luận tiêu cực trên báo chí, phương tiện truyền thông, mạng xã hội... dẫn đến sự suy giảm về hình ảnh thương hiệu và uy tín của Tổng Công ty trên thị trường. Để kiểm soát rủi ro này, Tổng Công ty đã thiết lập các cơ chế (bao gồm các quy định, quy trình, hệ thống và đơn vị dịch vụ khách hàng chuyên trách) để giải quyết hiệu quả các khiếu nại, đề xuất của khách hàng, xử lý khủng hoảng truyền thông và định kỳ khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng và các bên liên quan nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến dịch vụ. Đồng thời, Tổng Công ty cũng liên tục triển khai các hoạt động quan hệ công chúng thông qua các phương tiện truyền thông khác nhau để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

### **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

giúp khách hàng, đối tác, cổ đông, báo chí, cơ quan nhà nước hiểu đúng về Tổng Công ty. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng thường xuyên thực hiện các hoạt động trách nhiệm xã hội doanh nghiệp - CSR (Corporate Social Responsibility) để cải thiện và duy trì suy nghĩ tích cực của công chúng đối với hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

#### **3.5. Rủi ro về nguồn nhân lực**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng trên khắp các tỉnh thành Việt Nam, Tổng Công ty luôn sử dụng một lượng lớn lao động để đáp ứng yêu cầu trong hoạt động vận hành và cung cấp sản phẩm, dịch vụ, đồng thời cần tuyển dụng và giữ chân nhiều nhân sự quản lý các cấp có kinh nghiệm, chuyên môn cao trong lĩnh vực viễn thông và xây dựng. Nhằm giảm thiểu rủi ro thiếu hụt về nguồn nhân lực ở mức thấp nhất, Tổng Công ty luôn đưa ra các chế độ, chính sách hấp dẫn với CBCNV như luôn tạo môi trường làm việc tốt nhất cho CBCNV, thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ nhân viên cũng như có các chính sách đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ có năng lực, tạo cơ hội cho đội ngũ nhân sự trẻ để bổ sung cho các cấp quản lý.

#### **3.6. Rủi ro bảo mật thông tin và rủi ro an ninh mạng**

Thông tin là một trong những tài sản vô cùng quan trọng của Tổng Công ty. Những rủi ro liên quan đến bảo mật thông tin như bị lộ thông tin, bị thay đổi, bị mất sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh và uy tín của Công ty trên thị trường. Để ngăn chặn triệt để những rủi ro này, Tổng Công ty đã áp dụng các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin (ATTT) và chống thất thoát dữ liệu, gồm tổng hòa các giải pháp sau:

- ATTT cho mạng máy tính văn phòng (mạng LAN): Firewall cứng, NetAD, NAC với độ phủ của từng giải pháp đạt mức 100% trên tổng số mạng LAN của đơn vị;
- ATTT cho phân vùng mạng đặt máy chủ (Server Farm): Firewall cứng, DDoS, NetAD, IDS/IPS, Antivirus mạng với độ phủ của giải pháp đạt mức 100% trên tổng số các phân vùng mạng;
- ATTT cho máy chủ: Giám sát ATTT máy chủ (Server Endpoint), Firewall phần mềm, Antivirus, IDS/IPS, ...;
- ATTT mức ứng dụng: Web Application Firewall, Web Filter, DDoS, Antivirus cho ứng dụng, Antispam email;
- ATTT cho máy tính người dùng cuối: Phần mềm Giám sát ATTT (One Agent), giải pháp phần mềm quản lý Antivirus tập trung Kaspersky, giải pháp quản lý máy tính tập trung (AD), Proxy và WSUS.

#### **3.7. Rủi ro về tiến độ triển khai dự án**

Tổng Công ty hiện đang đẩy mạnh triển khai các dự án liên quan đến đầu tư hạ tầng kinh doanh cho thuê (như hạ tầng trạm viễn thông BTS, hạ tầng năng lượng mặt trời ...). Những hạng mục công việc liên quan như đảm bảo mặt bằng thi công, tổ chức đấu thầu, tổ chức thi

công, nghiệm thu đưa vào khai thác ... đều có thể phát sinh những yếu tố, sự kiện làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty. Nhận diện được rủi ro tiềm tàng này, Tổng Công ty đã xây dựng quy trình và danh mục chi tiết các nhóm việc, đầu việc, phân công trách nhiệm cụ thể đến từng cơ quan đơn vị tham gia từ giai đoạn chuẩn bị dự án đến kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng đồng thời xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ trong suốt quy trình triển khai dự án. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng luôn duy trì việc cập nhật danh sách các doanh nghiệp tư vấn, thi công, cung cấp thiết bị có năng lực, uy tín và theo dõi các xu thế công nghệ, sản phẩm/thiết bị mới liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

### **3.8. Rủi ro hoạt động tại thị trường nước ngoài**

Với đặc thù hoạt động tại nhiều thị trường nước ngoài ở khắp các châu lục, các rủi ro gắn liền với các thị trường đó là rủi ro về pháp luật, tỷ giá, chính sách ... bên cạnh đó là các rào cản ngôn ngữ, khác biệt văn hóa, thủ tục pháp lý và tư duy của khách hàng, nhân tố con người, quy trình và hệ thống. Để quản trị rủi ro trên, trước khi quyết định đầu tư, Tổng Công ty cử các đoàn chuyên gia của từng lĩnh vực kinh doanh, kỹ thuật, tài chính, pháp lý ... nghiên cứu chi tiết về quốc gia chuẩn bị đầu tư (văn hóa, tập quán sinh hoạt, thói quen tiêu dùng của người dân...), báo cáo phân tích chi tiết nhằm tham mưu cho quyết định của lãnh đạo Tổng Công ty. Khi thực thi, Tổng Công ty cử các cán bộ đã được bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và môi trường kinh doanh trước khi đi nhận nhiệm vụ..

### **4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu**

Việc niêm yết cổ phiếu CTR trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) sẽ giúp Tổng Công ty nâng cao hình ảnh, tính minh bạch trong hoạt động kinh doanh cũng như mở rộng khả năng tiếp cận với các nguồn tài chính trong và ngoài nước, đồng thời cải thiện tính thanh khoản cho cổ phiếu và tạo điều kiện cho cổ đông chuyển nhượng vốn dễ dàng.

Tuy nhiên, khi cổ phiếu CTR được niêm yết trên HOSE, các cổ đông của Tổng Công ty có thể chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, nhiều yếu tố bên ngoài khác như các yếu tố liên quan đến kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, cung - cầu cổ phiếu, tâm lý nhà đầu tư, biến động trong môi trường kinh doanh và các sự kiện khác không lường trước được có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín và việc huy động vốn của Tổng Công ty, đồng thời gây thiệt hại cho cổ đông.

### **5. Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, động đất, dịch bệnh, lũ lụt, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh ... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại đến tài sản cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU.**

**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

**1. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

Ông Nguyễn Thanh Nam	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Đình Trường	Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quang Tuệ	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Bùi Duy Bảo	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý .

**2. Tổ Chức Tư Vấn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Ông Nguyễn Quang Bảo Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Quyết định số 17/2020/QĐ.TGD/VCSC ngày 30/06/2020 của Tổng Giám đốc về việc Ủy quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc.

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết cung cấp.

4753  
CÔNG  
PHẦN  
TRÌNH  
TEL  
TP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

**III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT**


Tổng Công ty/Viettel Construction	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết	Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
Tổ Chức Tư Vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt
Tập đoàn Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
BKS	Ban kiểm soát
HĐQT	Hội đồng Quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính
Người có liên quan	Gồm cá nhân hoặc tổ chức được quy định theo quy định của pháp luật
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
DTT	Doanh thu thuần
LNNT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VCSH	Vốn chủ sở hữu
TSCĐ	Tài sản cố định
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
CNTT	Công nghệ thông tin
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
DTT	Doanh thu thuần
VCSH	Vốn chủ sở hữu
GTGT	Giá trị gia tăng
EPS	Lợi nhuận sau thuế trên mỗi cổ phần
ROA	LNST/Tổng tài sản bình quân
ROE	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân
CTCP	Công ty cổ phần
CP	Cổ phần
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
GCNQSĐĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước
HOSE	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Thông tin chung về Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tên đầy đủ	:	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel
Tên viết tắt	:	Viettel Construction
Trụ sở chính	:	Số 1 Giang Văn Minh, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Địa chỉ giao dịch	:	Số 06 Phạm Văn Bạch, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(024) 6275 1783 Fax: (024) 6275 1783
Website	:	<a href="https://viettelconstruction.com.vn/">https://viettelconstruction.com.vn/</a>
Logo	:	
Vốn điều lệ đăng ký	:	929.238.730.000 đồng ( <i>Chín trăm hai mươi chín tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng</i> )
Vốn điều lệ thực góp	:	929.238.730.000 đồng ( <i>Chín trăm hai mươi chín tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng</i> )
Giấy CNĐKDN	:	Giấy CNĐKDN số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021
Mã số thuế	:	0104753865
Người đại diện theo pháp luật	:	Phạm Đình Trường – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

##### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Tổng Công ty CP Công trình Viettel được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 1995, là đơn vị hạch toán độc lập, một phần không thể thiếu trong hệ sinh thái Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội. Sở hữu nguồn lực lên đến 10.000 người và mạng lưới hoạt động trải dài khắp 63 tỉnh thành trên cả nước và 06 quốc gia, Viettel Construction là đơn vị cung cấp dịch vụ trên nền tảng kỹ thuật hàng đầu Việt Nam thông qua 5 trụ kinh doanh chiến lược chính: Đầu tư hạ tầng; Xây dựng (bao gồm xây dựng hạ tầng viễn thông, xây dựng dân dụng B2B và B2C); Công nghệ thông tin; Giải pháp tích hợp và Vận hành khai thác.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

Đến nay sau 26 năm hoạt động, Viettel Construction đã xây dựng được hệ thống hạ tầng mạng lưới Viễn thông trong nước với hơn 50.000 trạm phát sóng, 320.000 km cáp quang (tương đương 8 vòng trái đất), bao phủ 100% lãnh thổ Việt Nam bao gồm vùng biển hải đảo và vùng sâu vùng xa. Đồng thời còn là đơn vị tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông tại 10 quốc gia thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ.

➤ **Một số cột mốc chính trong quá trình hình thành và phát triển của Tổng Công ty:**

---

	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>30/10/1995:</b> Thành lập Xí nghiệp khảo sát thiết kế và Xí nghiệp Xây lắp Công trình (tiền thân của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel) trực thuộc Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội (tiền thân của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội (Viettel)).</li></ul>
<b>Giai đoạn 1995 – 2003</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xí nghiệp đã tham gia thi công móng cột và lắp dựng các cột anten trong nước, quốc tế có chất lượng cao với các công trình tiêu biểu như: cột anten 120 m Đài truyền hình Tuyên Quang, cột anten 140 m Đài truyền hình Trung ương Lào, các cột anten cho Công ty Lào Telecom tại Viêng Chăn (Lào).</li><li>- Trong giai đoạn này, doanh thu của Xí nghiệp chiếm 2/3 doanh thu của toàn Công ty Điện tử Viễn thông Quân đội.</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Năm 2005:</b> Xí nghiệp Xây lắp Công trình đổi tên thành Công ty Công trình Viettel.</li><li>- <b>Năm 2006:</b> Quyết định chuyển đổi hình thức hoạt động từ Công ty hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập với tên giao dịch mới: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên Công trình Viettel.</li></ul>
<b>Giai đoạn 2004 – 2009</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Tháng 12/2007:</b> Viettel Construction thực hiện triển khai thi công mạng lưới tại Vương quốc Campuchia.</li><li>- Trong giai đoạn này, Viettel Construction được Tổng Công ty Viễn thông Quân đội giao thực hiện toàn bộ công trình xây lắp hạ tầng cơ sở mạng viễn thông trong nước và quốc tế của Tổng Công ty Viễn thông Quân đội</li></ul>
	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Năm 2010:</b> Viettel Construction tập trung mạnh vào xây dựng hạ tầng mạng lưới 3G. Hạ tầng mạng 2G và 3G của Tập đoàn Viettel là mạng lớn nhất Việt Nam.</li></ul>
<b>Giai đoạn 2010 – 2016</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- <b>Ngày 15/01/2010:</b> Bộ trưởng Bộ quốc phòng quyết định về việc chuyển đổi Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên Công trình Viettel thành Công ty cổ phần Công trình Viettel.</li><li>- <b>Ngày 08/04/2010:</b> Viettel Construction đã tiến hành bán đấu giá cổ phần</li></ul>

---

lần đầu ra công chúng (IPO) thành công tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **Ngày 09/06/2010:** Viettel Construction chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 238 tỷ đồng
- **Năm 2011:** Viettel Construction tổ chức lực lượng triển khai thi công tại Haiti.
- **Năm 2012:** Viettel Construction được cấp Giấy phép đầu tư tại thị trường Peru.
- **Năm 2014:** Viettel Construction thành lập 03 Công ty tại thị trường nước ngoài là Cameroon, Burundi và Tanzania và được cấp Giấy phép đầu tư tại Mozambique.
- **Năm 2015:** Hoàn thiện thủ tục với Bộ Kế hoạch và đầu tư về cấp phép hoạt động tại 03 thị trường Lào, Myanmar và Cambodia.

---

- **Tháng 04/2017:** Viettel Construction chính thức mở rộng ngành nghề sang hướng dịch vụ: dịch vụ vận hành khai thác toàn bộ hạ tầng mạng viễn thông của Tập đoàn Viettel trong nước (62 tỉnh/thành phố trên cả nước).

- **Ngày 31/10/2017:** cổ phiếu của Viettel Construction chính thức được đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom với tổng giá trị đăng ký giao dịch đạt hơn 471,2 tỷ đồng, đánh dấu một cột mốc phát triển mới của Tổng Công ty hướng đến tiêu chuẩn quản trị và minh bạch cao hơn.

**Giai đoạn**  
**2017 – nay**

- **Tháng 07/2018:** sau nhiều lần chuyển đổi tên giao dịch, Công trình Viettel chính thức mang tên Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel (Tên giao dịch quốc tế Viettel Construction Joint Stock Corporation)

- Chính thức hoạt động trên 5 lĩnh vực kinh doanh chính: Xây dựng hạ tầng viễn thông và dân dụng; Dịch vụ vận hành khai thác; Dịch vụ cho thuê hạ tầng; Giải pháp tích hợp; Tư vấn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ thông tin.

- **Năm 2020:** Doanh thu đạt mốc 6.381 tỷ đồng (tương đương 106% kế hoạch) và lợi nhuận sau thuế đạt 274 tỷ (tương đương 136% kế hoạch). Vốn chủ sở hữu đạt trên 1.000 tỷ đồng tăng 2,13 lần so với năm 2015.

---

➤ **Các thành tựu của Viettel Construction trong thời gian qua:**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

- Năm 2021: Giải Vàng IT World Awards hạng mục phần mềm quản lý doanh thu và khách hàng tích hợp.
- Năm 2021: Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng “nhANH NHẤT” Việt Nam và Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng “xuất sắc nhất” Việt Nam năm 2020 (Vietnam Report)
- Năm 2020: Giải Vàng International Business Awards - Công ty của năm trong lĩnh vực xây dựng.
- Năm 2020: Công ty được công chúng bình chọn yêu thích nhất People’s Choice Stevie Awards trong lĩnh vực vật liệu - xây dựng.
- Năm 2020: Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất.
- Năm 2020: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ
- Năm 2020: Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng
- Năm 2017: Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng
- Năm 2015: Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì.
- Năm 2013: Bằng khen của Bộ Quốc Phòng
- Năm 2010: Huân chương Lao động hạng Ba.
- Năm 2008: Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ

**1.3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104753865 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/06/2010, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021, Công ty có những ngành nghề kinh doanh chính như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
2.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
5.	Đúc sắt, thép	2431
6.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
7.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
8.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

9.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
10.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
11.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
12.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
13.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
14.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
15.	Phá dỡ	4311
16.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động rà phá bom mìn, nổ mìn)	4312
17.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
18.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
	Chi tiết:	
	- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy	
	- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống pin mặt trời, công trình điện gió	
19.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
	Chi tiết: Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông	
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
	Chi tiết: Kinh doanh phương tiện phòng cháy và chữa cháy	
24.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
27.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
28.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
29.	Hoạt động viễn thông khác	6190

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

	Chi tiết: Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông	
30.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
31.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
33.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
34.	Khai thác và thu gom than non	0520
35.	Khai thác quặng sắt	0710
36.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
37.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
38.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
39.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
40.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
41.	Khai thác muối	0893
42.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
45.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
46.	Đúc kim loại màu	2432
47.	Xây dựng nhà để ở	4101
48.	Xây dựng nhà không để ở	4102
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
50.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
51.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
52.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
54.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa tại cảng hàng không)	5224

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

55.	Xây dựng công trình điện	4221
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	5229
57.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
58.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
59.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
60.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
61.	Xây dựng công trình thủy	4291
62.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
63.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
64.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
65.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
66.	Xuất bản phần mềm	5820
67.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
68.	Lập trình máy vi tính	6201
69.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
70.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê công trình, máy móc, thiết bị, hạ tầng viễn thông, hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng cơ điện, hạ tầng đô thị thông minh, hạ tầng khác	7730
71.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
72.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
73.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
74.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và BHXH)	6619
75.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết:	7110

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

	- Tư vấn quản lý, khảo sát, thiết kế, xây dựng, giám sát, lập dự án, quản lý dự án đầu tư	
	- Tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, tư vấn thẩm định, tư vấn kiểm tra kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.	
	- Tư vấn quản lý, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công công trình điện	
76.	Cho thuê xe có động cơ	7710
77.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
78.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
79.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
80.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
83.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
	Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện phòng cháy chữa cháy	
84.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ các hoạt động liên quan đến đấu giá)	4610
85.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
	Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy	
86.	Sản xuất điện	3511
	Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh mua bán điện năng (trừ truyền tải và phân phối điện)	
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
	Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử	

**1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Viettel Construction trước đây là doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa và chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 09/06/2010 với vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hóa là 238.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ đồng), tương ứng với 23.800.000 cổ phần.

Sau 11 năm hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và 10 lần tăng vốn với các hình thức khác nhau, vốn điều lệ hiện tại của Tổng Công ty là 929.238.730.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm hai mươi chín tỷ hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng), tương ứng 92.923.873 cổ phần.

➤ **Tóm tắt quá trình tăng vốn:**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Thời điểm	Mức vốn điều lệ phát hành thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
Năm 2010	-	238.000.000.000	Vốn điều lệ tại thời điểm thực hiện cổ phần hóa (Theo GCN ĐKKD ngày 09/06/2010)	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/06/2010.
Lần 1 Tháng 04/2015	35.695.650.000	273.695.650.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:15	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 322/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2014;  UBCKNN theo Công văn số 1235/UBCK-QLPH ngày 20/03/2015;  Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 03 ngày 27/07/2015.
Lần 2 Tháng 09/2015	32.835.250.000	306.530.900.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:12	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015;  UBCKNN theo Công văn số 5655/UBCK-QLPH tháng 04/2015;  Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 04 ngày 04/02/2016.
Lần 3 Tháng 04/2016	75.979.940.000	382.510.840.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 112:30	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 347/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2015;  UBCKNN theo GCN đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 01/GCN-UBCK ngày

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

				13/01/2016; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 05 ngày 28/07/2016.
Lần 4 Tháng 10/2016	45.889.500.000	428.400.340.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:12	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 435/NQ-CTR-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016; UBCKNN theo Công văn số 6483/UBCK-QLCB ngày 26/09/2016; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 06 ngày 14/11/2016.
Lần 5 Tháng 06/2017	42.833.070.000	471.233.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 13/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2017; UBCKNN theo Công văn số 2828/UBCK-QLCB ngày 22/05/2017; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 07 ngày 18/08/2017.
Lần 6 Tháng 11/2018	47.117.020.000	518.350.430.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 10:1	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 1192/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2018; UBCKNN theo Công văn số 7322/UBCK-QLCB ngày 29/10/2018; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

				theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 11 ngày 17/01/2019.
Lần 7 Tháng 09/2019	88.624.660.000	606.975.090.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:17,1	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/NQ-CT-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2019; UBCKNN theo Công văn số 4781/UBCK-QLCB ngày 08/08/2019; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2019.
Lần 8 Tháng 08/2020	97.106.160.000	704.081.250.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:16	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; UBCKNN theo Công văn số 4567/UBCK-QLCB ngày 23/07/2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 13 ngày 29/09/2020.
Lần 9 Tháng 11/2020	13.737.030.000	717.818.280.000	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên (ESOP) năm 2020	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 060602/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 06/06/2020; UBCKNN theo Công văn số 6395/UBCK-QLCB ngày 26/10/2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

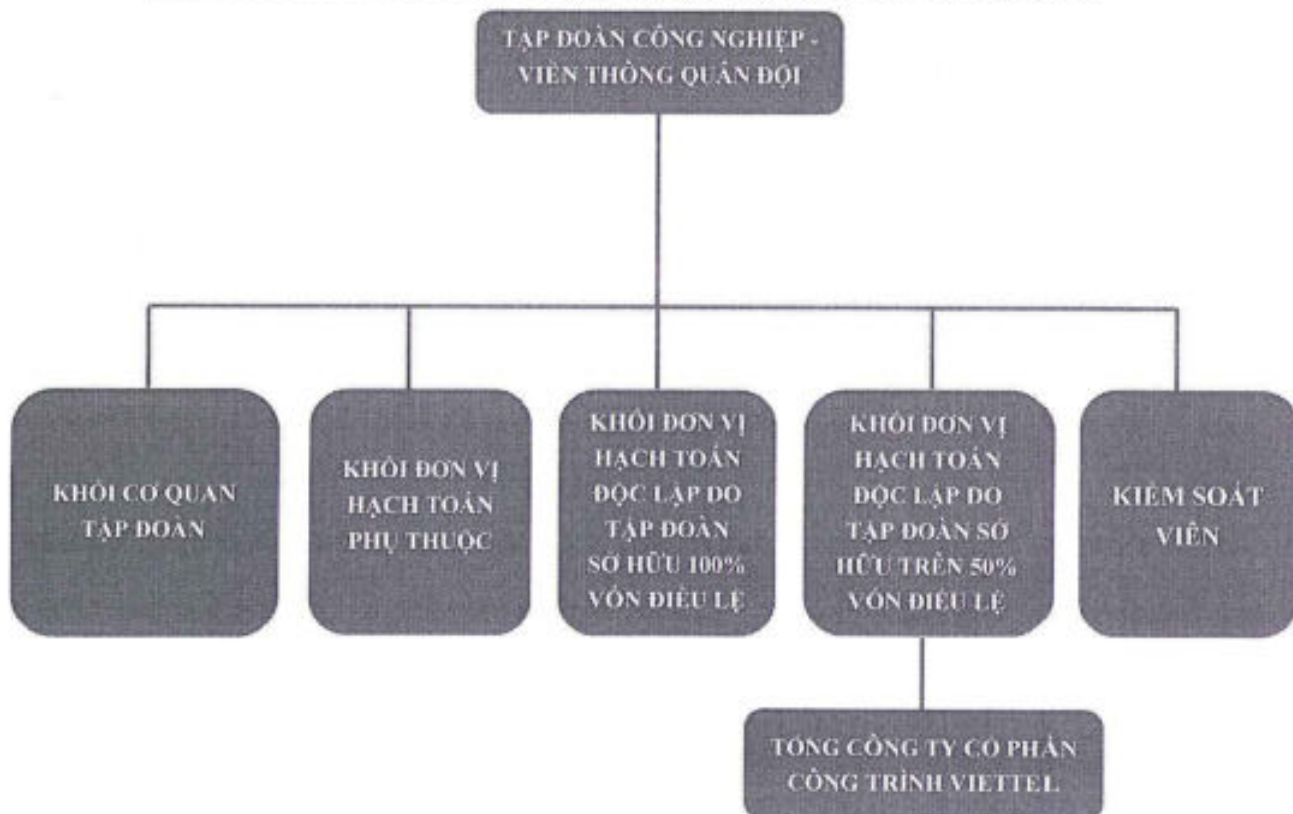
				đổi lần thứ 14 ngày 15/12/2020.
Lần 10 Tháng 06/2021	211.420.450.000	929.238.730.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 100:22,676  Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu với tỷ lệ 100:6,782	ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/NQ-VCC-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021;  UBCKNN theo Công văn số 2753/UBCK-QLCB ngày 10/06/2021;  Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội theo GCN ĐKKD thay đổi lần thứ 16 ngày 02/08/2021.

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**2. Cơ cấu tổ chức và Bộ máy quản lý của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**2.1. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty trong mối quan hệ với Tập đoàn**

**Hình 3: Sơ đồ tổ chức của Tổng Công ty trong cấu trúc của Tập đoàn**



*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

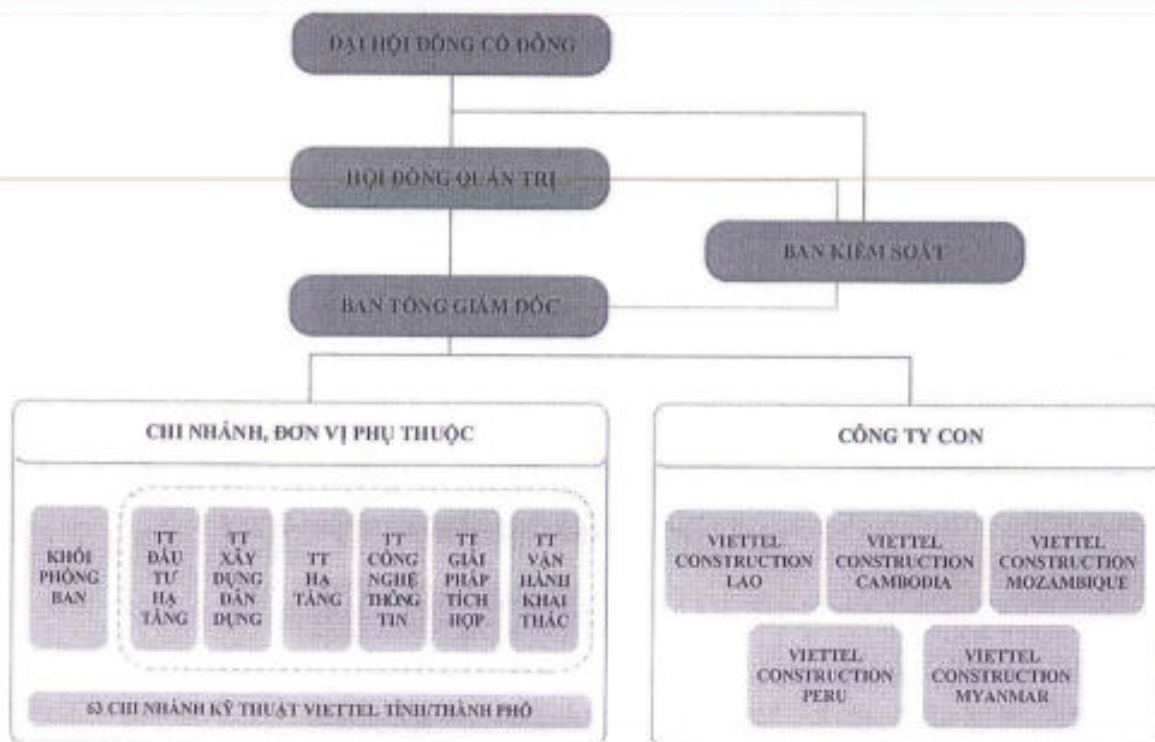
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Tổng công ty là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội Viettel (Viettel sở hữu 65,66% vốn điều lệ của Tổng Công ty).

**2.2. Bộ máy quản lý của Tổng Công ty**

Tổng Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020. Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được xây dựng theo cấu trúc, chức năng phù hợp với lĩnh vực hoạt động và được mô tả theo sơ đồ sau:

**Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty**



Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

♦ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Ngoài ra, ĐHĐCĐ có thẩm quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS hoặc các chức danh khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

♦ **Hội đồng quản trị**

HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Công ty thông qua Ban

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Tổng Giám đốc và các phòng/ban/trung tâm nghiệp vụ khác. Hội đồng quản trị Tổng Công ty hiện có 05 thành viên bao gồm: 01 Chủ tịch và 04 thành viên.

**Bảng 1: Thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT
3	Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT
4	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

♦ **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính Tổng Công ty. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Bộ máy quản lý.

BKS Tổng Công ty hiện có 03 thành viên bao gồm: 01 Trưởng Ban và 02 thành viên.

**Bảng 2: Thành viên Ban Kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng BKS
2	Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên BKS
3	Bà Mai Thị Anh	Thành viên BKS

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

♦ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty được HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc và các nhân sự quản lý cấp cao khác có nhiệm vụ hoạch định chiến lược phát triển, giám sát và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên của Tổng Công ty, kiểm soát tình hình tài chính - kế toán, quản lý vốn và kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực Tổng Giám đốc phân

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

công, chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty hiện nay gồm có 01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc.

**Bảng 3: Thành viên Ban Tổng Giám đốc**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Bùi Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

♦ **Các phòng/ban/trung tâm**

Giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty là các phòng/ban/trung tâm nghiệp vụ, được chia làm 03 nhóm chính như sau:

**Khối cơ quan (gồm 12 Phòng):** (1) Phòng Chính trị; (2) Phòng Tổ chức lao động; (3) Phòng Kế hoạch; (4) Phòng Tài chính kế toán; (5) Phòng Đầu tư; (6) Phòng Quản lý tài sản; (7) Phòng Đào tạo và Truyền thông; (8) Phòng Hành chính; (9) Phòng Pháp chế và Kiểm toán nội bộ; (10) Phòng Kỹ thuật công nghệ; (11) Phòng Kinh doanh và (12) Phòng Chăm sóc khách hàng.

**Khối kinh doanh (gồm 06 Trung tâm):** (1) Trung tâm Vận hành khai thác; (2) Trung tâm Hạ tầng; (3) Trung tâm Xây dựng dân dụng; (4) Trung tâm Giải pháp tích hợp; (5) Trung tâm Đầu tư hạ tầng và (6) Trung tâm Công nghệ thông tin.

**Khối trực tiếp SXKD:** gồm 63 Chi nhánh Kỹ thuật Viettel tỉnh/TP và Các Công ty con tại thị trường nước ngoài là Peru, Myanmar, Cambodia, Laos và Mozambique.

Các Khối nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm theo sự phân công của cấp trên, đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty được thông suốt.

3. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**
- 3.1. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

**Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại ngày 12/11/2021**

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/DKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội	0100109106	Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	61.013.603	65,66%
	<b>Tổng cộng</b>			<b>61.013.603</b>	<b>65,66%</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**3.2. Danh sách cổ đông sáng lập của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Viettel Construction là doanh nghiệp cổ phần hóa nên không có cổ đông sáng lập.

**3.3. Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**Bảng 5: Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 12/11/2021**

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>8.707</b>	<b>89.655.259</b>	<b>96,48%</b>
1	Cổ đông tổ chức	25	63.433.232	68,26%
2	Cổ đông cá nhân	8.682	26.222.027	28,22%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>137</b>	<b>3.268.614</b>	<b>3,52%</b>
1	Cổ đông tổ chức	13	2.931.557	3,15%
2	Cổ đông cá nhân	124	337.057	0,36%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8.844</b>	<b>92.923.873</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**4. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**4.1. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối cổ phần đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Tên Công ty: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI  
 Tên tiếng anh: VIETTEL GROUP  
 Tên viết tắt: VIETTEL



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Trụ sở: Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.6255.6789

Fax: 024.6299.6789

Website: [www.viettel.com.vn](http://www.viettel.com.vn)

Logo:

**viettel**

Theo cách của bạn

Giấy CNĐKKD: Số 0100109106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 15/12/2020

Vốn điều lệ đã đăng ký: 149.992.851.188.039 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 149.992.851.188.039 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại Viettel Construction: 65,66%

Ngành nghề kinh doanh chính: Viễn thông, công nghệ thông tin, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu, phát triển, sản xuất vũ khí.

**4.2. Danh sách những công ty do Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

**Bảng 6: Danh sách công ty con của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại thời điểm 30/09/2021**

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chủ yếu	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	Vốn điều lệ thực góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ	Doanh thu 2020	LNST 2020
Viettel Construction Peru S.A.C	Av.Mcal.Oscar R.Benavides No 2788 Bellavista, Callao, Peru	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông tại thị trường Peru	208	07/12/2011	208	100%	100%	64.868	4.224
Viettel Construction Myanmar Co., Ltd	Số (39), đường Inya Myaing, phường Golden Valley (1), quận Bahan, Yangon Myanmar	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông tại thị trường Myanmar	3.379	26/06/2015	3.379	100%	100%	168.740	6.177
Viettel Construction (Cambodia) Co., Ltd	No. 57, Street No. 109, Khabal Damrey Village, Sangkat Kakab 2, Khan Posenchey, PhnomPenh,	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông tại thị trường	215	01/04/2015	215	99,6%	99,6%	71.952	578

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề chủ yếu	Vốn điều lệ đăng ký	Thời điểm thành lập	Vốn điều lệ thực góp	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ nắm giữ	Doanh thu 2020	LNST 2020
	Cambodia	Cambodia							
Viettel Construction Laos Co., Ltd (**)	Bản Phanpapau, Huyện Sisattanak, Thủ đô Viêng Chăn, Lào	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông tại thị trường Lào	890	28/05/2015	890	100%	100%	28.962	589
Viettel Construction Mozambique, LDA (**)	Số 525, Quận Alto Mae, Đại lộ Guerra Popular, Huyện 1, Thủ đô Maputo, Mozambique	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông thị trường Mozambique	340	04/06/2014	340	100%	100%	41.662	1.219
Viettel Construction Tanzania Limited (*)	Số 353 Regent Estate, Mikicheni A, Kinodoni, Dar es Salaam, Tanzania	Thi công lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông; Đo kiểm, kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông tại thị trường Tanzania	106	19/11/2014	106	99,8%	99,8%	-	-

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Ghi chú:**

(\*) Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 97C/NQ-VCC-HĐQT ngày 04/09/2019 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư và giải thể Viettel Construction Tanzania Limited. Hiện tại, Tổng Công ty và Viettel Construction Tanzania Limited đang tiến hành các thủ tục giải thể công ty con này theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

(\*\*) Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/NQ-VCC ngày 08/11/2021 về việc chấm dứt hoạt động đầu tư và đóng cửa/giải thể Viettel Construction Mozambique, LDA. và Viettel Construction Laos Co., Ltd. Hiện tại, Tổng Công ty, Viettel Construction Mozambique, LDA. và Viettel Construction Laos Co., Ltd đang tiến hành các thủ tục đóng cửa/giải thể 02 công ty con này theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

**5. Hoạt động kinh doanh**

**5.1. Các mảng hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty**

Hiện tại Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel hoạt động với 05 ngành nghề kinh doanh chủ yếu gồm: (i) Xây dựng hạ tầng viễn thông và dân dụng; (ii) Dịch vụ vận hành khai thác; (iii) Dịch vụ cho thuê hạ tầng; (iv) Giải pháp tích hợp và (v) Tư vấn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ thông tin.

### 5.1.1. Xây dựng hạ tầng viễn thông và dân dụng (Lĩnh vực xây lắp)

**Xây dựng hạ tầng viễn thông:** Với gói dịch vụ khép kín, Viettel Construction cung cấp giải pháp toàn trình từ khâu thiết kế, tối ưu hệ thống đến xây dựng, lắp đặt thiết bị hạ tầng viễn thông – công nghệ thông tin cho các nhà cung cấp dịch vụ di động và các doanh nghiệp sở hữu hạ tầng (truyền hình, bưu điện, viễn thông, công nghệ thông tin). Tính đến nay, trải qua quá trình hơn 25 năm hoạt động, Viettel Construction đã vươn lên trở thành đơn vị xây lắp các công trình viễn thông đứng đầu Việt Nam, đã xây dựng được hệ thống hạ tầng mạng lưới viễn thông Việt Nam với hơn 50.000 trạm phát sóng, hơn 320.000 km cáp quang, đến 100% các huyện, hầu hết các xã trong cả nước, vùng đảo Trường Sa, và thị trường nước ngoài tại các khu vực châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ. Một số công trình tiêu biểu của Viettel Construction trong lĩnh vực này có thể kể đến như:

- Công trình thi công tuyến trục thông tin cáp quang quân sự từ Bắc vào Nam giai đoạn 1 dài gần 2.000 km của Tập đoàn Viettel;
- Công trình thi công ngầm hóa các tuyến cáp trên các tuyến phố tại nhiều địa phương trên khắp cả nước như công trình ngầm hóa lưới điện trung hạ thế trên đường Hàm Nghi, đường Lê Lợi, đường Nguyễn Huệ của Công ty Điện lực Sài Gòn; công trình ngầm hóa các tuyến cáp tại Hà Nội;
- Công trình thi công cố định băng rộng, lắp đặt tuyến viba trên toàn quốc như tuyến viba quân sự khu vực Tây Bắc từ Sơn Tây đi Sơn La, đi Điện Biên cùng nhiều trạm viba tại vùng hải đảo.

**Xây dựng dân dụng:** Đối với lĩnh vực xây dựng dân dụng, Viettel Construction cũng cung cấp dịch vụ toàn trình từ khâu thiết kế kiến trúc nội ngoại thất, thi công xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ điện, tích hợp giải pháp thông minh, nguồn năng lượng tái tạo cho từng hộ gia đình. Sản phẩm được Tổng Công ty hoàn thiện và cá nhân hóa theo yêu cầu của mỗi hộ gia đình, căn cứ vào các yếu tố địa lý, văn hóa, phong thủy và công năng sử dụng. Một số dự án tiêu biểu của Viettel Construction đã và đang thực hiện trong lĩnh vực xây dựng dân dụng như:

- Tổng thầu thi công xây dựng 59 căn hộ giai đoạn 1 và 94 căn biệt thự giai đoạn dự án Hinode Royal Park (xã Kim Chung – xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, Hà Nội) thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thương Mại Hà Nội;
- Thi công xây dựng 266 căn biệt thự dự án Louis City (Hoàng Mai, Hà Nội) của Tập đoàn VFI;
- Thi công xây dựng 41 căn biệt thự dự án Golden Hill Đà Nẵng của Tập đoàn Trung Nam;
- Thi công xây thô và hoàn thiện 12 căn biệt thự liền kề dự án Apec Golden Valley Mường Lò (Nghĩa Lộ, Yên Bái) của Chủ đầu tư Apec Group;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

- Thi công hạ tầng kỹ thuật dự án Eurowindow Twin Parks Gia Lâm (Hà Nội) thuộc chủ đầu tư Eurowindow Holdings;
- Thi công hạng mục phụ trợ tòa CT4 Ký túc xá công nhân Bắc Giang của Công ty cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh.

**Hình 5: Hình ảnh một số dự án tiêu biểu lĩnh vực xây dựng dân dụng của Tổng Công ty**

**Dự án Hinode Royal Park**



**Dự án Louis City**



**Dự án Apec Golden Valley Mường Lò**



**Dự án Eurowindow Twin Parks Gia Lâm**



**5.1.2. Dịch vụ vận hành khai thác (Lĩnh vực vận hành khai thác)**

Trong lĩnh vực dịch vụ vận hành khai thác, Tổng Công ty chia làm 04 nhóm dịch vụ như sau:

**Dịch vụ vận hành hạ tầng viễn thông (Fiber care – Tower care):** Dịch vụ bao gồm triển khai lắp đặt, bảo dưỡng, tối ưu vận hành, xử lý sự cố hệ thống cố định băng rộng và hệ thống di động, truyền dẫn cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và Chính phủ; vận hành cáp quang; vận hành nhà trạm viễn thông.

Khách hàng lớn nhất của Tổng Công ty trong lĩnh vực này là Tổng Công ty Viễn thông Viettel (thuộc nhóm Công ty liên quan của Tập đoàn Viettel). Hiện nay toàn bộ hệ thống hạ tầng mạng viễn thông trong nước của Viettel (bao gồm các trạm viễn thông di động và Internet cố định) đều do Viettel Construction quản lý vận hành, khai thác. Ngoài Việt Nam, Viettel Construction cũng đã quản lý lớp mạng truy nhập viễn thông của Tập đoàn Viettel tại thị trường Myanmar và Cambodia từ năm 2019.

Bên cạnh nhóm khách hàng Viettel, Viettel Construction cũng đang cung cấp dịch vụ vận hành cho các cơ quan Chính phủ (vận hành bảo dưỡng 1.500 km cáp quang cho Bộ Công an) và các Công ty hạ tầng viễn thông khác như Công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC (CMC Telecom) ở thị trường Việt Nam với gói dịch vụ thi công vận hành, bảo trì bảo dưỡng, ứng cứu sự cố và các công việc liên quan đến tuyến cáp quang của CMC Telecom trên địa bàn khắp các

ting Miền Bắc – Trung – Nam với tổng chiều dài 2.750km cáp quang các loại (bao gồm cả cáp treo, cáp ngầm) và Công ty MNTI (Myanmar National Telecom Infra Company Limited), Công ty NTD (National Tower Development Co.,Ltd) với dịch vụ vận hành khai thác hạ tầng viễn thông của MNTI và NTD ở thị trường Myanmar.

**Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị điện (Home care):** Dịch vụ bao gồm sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng toàn bộ thiết bị điện cho hộ gia đình, văn phòng, nhà máy, công ty, xí nghiệp, ví dụ như: Bảo dưỡng điều hòa treo tường, âm trần; Bảo dưỡng vệ sinh máy giặt; Bảo dưỡng vệ sinh bình nóng lạnh; Bảo dưỡng quạt điện, quạt điều hòa; Bảo dưỡng vệ sinh máy lọc nước; Bảo dưỡng vệ sinh tủ lạnh; Sửa chữa điện nhẹ.

**Dịch vụ chăm sóc pin năng lượng mặt trời (Solar care):** Nhằm mục đích nâng cao hiệu suất hoạt động của tấm pin năng lượng mặt trời, Viettel Construction cung cấp dịch vụ chăm sóc toàn diện hệ thống năng lượng mặt trời cho khách hàng cá nhân/doanh nghiệp với 03 gói dịch vụ nổi bật như sau:

- Gói giám sát, cảnh báo: Giám sát hiệu suất và phân tích dự báo, lập báo cáo theo dõi sản lượng định kỳ;
- Gói kiểm tra, tư vấn: Kết hợp thiết bị tiên tiến để kiểm tra và tư vấn đảm bảo tấm pin luôn đạt sản lượng cao nhất;
- Gói vệ sinh chuyên nghiệp: Vệ sinh tấm pin tránh bụi bẩn, lá cây ... nâng cao hiệu suất hoạt động của tấm pin.

**Dịch vụ hạ tầng công nghệ thông tin (IT support):** Viettel Construction cung cấp giải pháp cho các vấn đề về công nghệ thông tin của doanh nghiệp gặp phải trong quá trình hoạt động, đảm bảo công việc cốt lõi của doanh nghiệp luôn hoạt động ổn định. Sản phẩm dịch vụ bao gồm:

- Máy tính/laptop, máy in, máy photocopy, máy fax, máy scan, máy chiếu;
- Tổng đài điện thoại;
- Quản lý hệ thống mạng;
- Xử lý sự cố phần mềm/phần cứng máy.

### **5.1.3. Dịch vụ cho thuê hạ tầng (Lĩnh vực hạ tầng cho thuê)**

Dịch vụ cho thuê hạ tầng được Tổng Công ty chia làm hai nhóm:

**Dịch vụ cho thuê hạ tầng viễn thông:** Dịch vụ cho thuê hạ tầng viễn thông bao gồm:

- Cho thuê trạm phát sóng BTS, RRU, Smallcell;
- Cho thuê hệ thống truyền dẫn;
- Cho thuê hệ thống phủ sóng tòa nhà (cố định băng rộng, hệ thống ăng ten phân tán – DAS).

**Dịch vụ cho thuê hạ tầng công nghệ:** Dịch vụ cho thuê hạ tầng công nghệ bao gồm:

- Cho thuê hạ tầng năng lượng thông minh (Hệ thống pin mặt trời, hệ thống năng lượng trạm BTS ...);
- Cho thuê hạ tầng công nghệ thông tin, IOT (Internet of things).

#### **5.1.4. Giải pháp tích hợp (Lĩnh vực giải pháp tích hợp)**

Là mảng kinh doanh hoàn toàn mới, với định hướng thay đổi phù hợp xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, hiện tại Tổng Công ty cung cấp 4 nhóm dịch vụ giải pháp tích hợp như sau:

**Giải pháp Công nghệ thông tin (ICT):** Cung cấp cho khách hàng cá nhân/doanh nghiệp các giải pháp liên quan đến giám sát (camera an ninh, tòa nhà, khu vực; camera giám sát cửa hàng; camera giao thông, ngân hàng, trường học, camera nhận diện khuôn mặt), các giải pháp liên quan đến kết nối không dây (Wifi hộ gia đình quy mô vừa và nhỏ; wifi chuyên dụng cho doanh nghiệp; wifi nhà hàng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng; wifi sân bay, nhà ga, bến xe), giải pháp phần cứng khác (điện thoại, laptop, máy tính để bàn, máy chiếu, webcam, CPU, chuột, bàn phím, máy in và các thiết bị văn phòng, thiết bị liên quan đến CNTT và truyền thông) và các giải pháp phần mềm (phần mềm diệt virus, ...).

**Giải pháp cung cấp và lắp đặt cơ điện, thiết bị gia dụng (M&E):** Viettel Construction cung cấp thiết bị và dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống cơ điện, thiết bị gia dụng, bao gồm:

- Thiết bị điện gia dụng: Điều hòa, lọc không khí, lọc nước, tivi, tủ lạnh, máy giặt, ổn áp;
- Hệ thống điều hòa, thông gió (HVAC);
- Hệ thống điện: Hệ thống cấp điện; Hệ thống trạm trung/hạ thế; Hệ thống máy phát điện; Hệ thống chống sét/tiếp địa; Hệ thống chiếu sáng/chiếu sáng khẩn cấp;
- Hệ thống cấp thoát nước;
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy;
- Hệ thống Datacenter;
- Hệ thống điện nhẹ (ELV): Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS/BAS); Hệ thống tổng đài (PABX); Hệ thống mạng LAN, WAN và internet; Hệ thống camera giám sát (CCTV); Hệ thống âm thanh công cộng PA (Public address system); Hệ thống kiểm soát ra vào (Access Control); Hệ thống báo cháy (Fire Alarm); Hệ thống cảnh báo xâm nhập (Intrusion); Hệ thống quản lý bãi đỗ xe (Car Parking); Hệ thống liên lạc nội bộ (Intercom); Hệ thống truyền hình vệ tinh, cáp và internet (MATV, CATV, IPTV); Hệ thống quản lý chiếu sáng (Lighting Control); Hệ thống tích hợp hình ảnh và âm thanh (AV); Hệ thống đăng ký xếp hàng (Queue System); Hệ thống hội nghị truyền hình (Teleconferencing); Hệ thống âm thanh hội nghị và hội thảo; Hệ thống đồng hồ trung tâm (Master Clock); Hệ thống hiển thị thông tin (FIDS); Hệ thống hiển thị màn hình ghép (MPDP); Hệ thống camera giám sát giao thông; Hệ thống nhà ở thông minh (Smarthome).

**Giải pháp năng lượng mặt trời (Solar Energy):** Viettel Construction cung cấp dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện mặt trời cho gia đình, chung cư, nhà nghỉ, phòng trọ, khách sạn, hộ kinh doanh, nhà xưởng ... trên toàn quốc và giải pháp quản lý giám sát/đo kiểm tập trung, tối ưu tiết kiệm năng lượng cho các doanh nghiệp. Bên cạnh dịch vụ thi công, lắp đặt, nhờ lợi thế từ mô hình kinh doanh theo hệ sinh thái, Viettel Construction còn cung cấp miễn phí 5 gói dịch vụ liên quan: Tư vấn hệ thống – thiết bị; thiết kế hướng lắp đặt hiệu quả nhất; lắp đặt công tơ hai chiều; hỗ trợ hợp đồng mua bán điện với EVN và hỗ trợ thủ tục vay vốn ngân hàng.

**Giải pháp công trình thông minh (Smart Solutions):** Viettel cung cấp 04 gói giải pháp thông minh cho các hộ gia đình, doanh nghiệp và các cơ quan Chính phủ như sau:

- Giải pháp nhà thông minh và thiết bị thông minh đơn lẻ (khóa cửa thông minh, thiết bị cảm biến, robot hút bụi và các thiết bị tự động, ...);
- Giải pháp quản lý tòa nhà và khách sạn thông minh;
- Giải pháp doanh nghiệp thông minh;
- Giải pháp đô thị thông minh.

#### 5.1.5. Tư vấn dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ thông tin (Lĩnh vực Công nghệ thông tin)

Viettel Construction cung cấp các giải pháp chuyển đổi số để tối ưu hóa mọi hoạt động, chi phí của doanh nghiệp, bao gồm:

**Nhóm giải pháp phần hỗ trợ kinh doanh:** Phần mềm quản lý công việc Collaboration; Phần mềm quản lý xây lắp; Phần mềm vận hành khai thác hệ thống viễn thông, công nghệ thông tin, IoT, năng lượng mặt trời; Phần mềm quản lý kênh bán lẻ trực tiếp AIO; Phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (CRM); Giải pháp phần mềm Business Intelligence.

**Tư vấn chuyển đổi số doanh nghiệp:** Rà soát đánh giá mức độ trưởng thành số của doanh nghiệp theo tiêu chuẩn DMM của TM Forum; Xây dựng Chiến lược số (Digital strategy) – Văn hóa số (Digital Culture); Tư vấn hoặc xây dựng hạ tầng thiết bị kết nối, dữ liệu doanh nghiệp và các bộ chỉ số KPI.

**Dịch vụ thuê ngoài (outsourcing) giải pháp công nghệ thông tin:** Viettel Construction cung cấp các dịch vụ thuê ngoài các giải pháp phần mềm phục vụ quản trị và kinh doanh của doanh nghiệp như: Phát triển giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin theo yêu cầu; Triển khai hệ thống Big Data/Business Intelligence/AI; Kiểm thử tự động; Triển khai hệ thống công nghệ thông tin.

**Dịch vụ triển khai và vận hành khai thác IT:** Tư vấn triển khai hạ tầng IT cho doanh nghiệp; Gói vận hành IT cho doanh nghiệp.

**Nhóm giải pháp phần mềm quản trị doanh nghiệp (ERP):** bao gồm các giải pháp phần mềm: Quản lý tài chính kế toán; Quản lý kho tài sản; Quản lý hoạt động tính lương; Quản lý sử dụng xe ô tô; Xây dựng website truyền thông nội bộ cho doanh nghiệp.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

**5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

**5.2.1. Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

**Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	1.223.715	25,30%	1.417.110	23,61%	950.122	19,48%
Vận hành khai thác	2.966.449	61,33%	3.183.087	53,04%	2.819.772	57,80%
Hạ tầng cho thuê	8.617	0,18%	65.260	1,09%	138.273	2,83%
Giải pháp tích hợp	592.708	12,25%	1.309.239	21,82%	951.046	19,50%
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật & CNTT (*)	45.562	0,94%	26.640	0,44%	18.984	0,39%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.836.950</b>	<b>100%</b>	<b>6.001.336</b>	<b>100%</b>	<b>4.878.197</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 8: Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	1.520.676	29,82%	1.606.936	25,27%	1.093.796	20,02%
Vận hành khai thác	2.966.449	58,17%	3.369.444	52,99%	3.277.385	59,98%
Hạ tầng cho thuê	8.617	0,17%	65.260	1,03%	138.273	2,53%
Giải pháp tích hợp	592.708	11,62%	1.309.239	20,59%	951.046	17,40%
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật & CNTT (*)	11.440	0,22%	8.308	0,13%	3.821	0,07%
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.099.890</b>	<b>100%</b>	<b>6.359.187</b>	<b>100%</b>	<b>5.464.322</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

*(\*) Lưu ý: Trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 Tổng Công ty có phát sinh các khoản doanh thu dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật với các công ty con trong khi các công ty con không*



*phát sinh doanh thu trong lĩnh vực này. Khi hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản doanh thu phát sinh từ các giao dịch nội bộ này bị loại trừ, do vậy Doanh thu Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật & CNTT của Tổng Công ty theo số liệu riêng lẻ lớn hơn số liệu hợp nhất giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021.*

Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng Công ty năm 2020 đạt 6.359 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh mẽ 24,7% so với cùng kỳ năm 2019. Sự tăng trưởng này bám sát với chiến lược sản xuất kinh doanh đến năm 2025 của Tổng Công ty, theo đó những mảng kinh doanh mới đã bắt đầu ghi nhận doanh thu và tăng trưởng đột biến như mảng Cho thuê hạ tầng và mảng Giải pháp tích hợp. Hai mảng kinh doanh cốt lõi khác là xây dựng công trình và vận hành khai thác vận duy trì hoạt động và tăng trưởng ổn định. Trong giai đoạn 2019 đến 09 tháng đầu năm 2021, Tổng Công ty vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức 2 con số, doanh thu thuần hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty đạt 5.464 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể các lĩnh vực như sau:

- Lĩnh vực hạ tầng cho thuê: Có mức tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 với mức tăng xấp xỉ 7,6 lần và 3,8 lần trong năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ. Doanh thu thuần 09 tháng đầu năm 2021 đạt 138,3 tỷ đồng. Tính đến 30/09/2021, Tổng công ty sở hữu 1.740 trạm BTS; 2.582 km cáp quang, 4 tuyến cống bê tông, 3 triệu m<sup>2</sup> DAS, 47 hệ thống năng lượng mặt trời (tương đương 17,7 MWp) cho thuê.
- Lĩnh vực vận hành khai thác: Là lĩnh vực chiếm tỷ trọng cao nhất, khoảng 53 – 60% doanh thu thuần hợp nhất toàn Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021. Theo đó, doanh thu thuần vận hành khai thác năm 2020 đạt 3.369 tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2019 nhờ sự tăng trưởng ổn định từ thị trường trong nước với việc mở rộng hạ tầng của Tập đoàn Viettel. Bên cạnh đó, trong năm 2020, Tổng Công ty cũng bắt đầu ghi nhận doanh thu vận hành khai thác tại 02 thị trường nước ngoài là Myanmar và Cambodia với khách hàng Mytel và Metfone. 09 tháng đầu năm 2021, doanh thu thuần vận hành khai thác đạt 3.277 tỷ đồng, tăng mạnh 33,5% so với cùng kỳ 2020, chiếm tỷ trọng 60% trong cơ cấu doanh thu hợp nhất toàn Tổng Công ty.
- Lĩnh vực xây lắp: Chiếm tỷ trọng lớn thứ hai trong cơ cấu doanh thu hợp nhất toàn Tổng Công ty năm 2020 (25,3%), đạt 1.607 tỷ đồng, tăng 5,7% so với năm 2019. Trong bối cảnh các nguồn việc từ xây dựng viễn thông giảm dần, Tổng Công ty đã đẩy mạnh hoạt động xây dựng dân dụng trong năm 2020 và ký được nhiều hợp đồng với các chủ đầu tư lớn, tiêu biểu như tập đoàn Eurowindow Holdings, Tập đoàn VFI, Apec Group, Tổng Công ty Xây dựng Thương Mại Hà Nội, ... Doanh thu thuần xây lắp 09 tháng đầu năm 2021 duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, đạt mức 12,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Lĩnh vực Giải pháp tích hợp: Trong năm 2020, lĩnh vực giải pháp tích hợp của Tổng Công ty ghi nhận doanh thu 1.309 tỷ đồng, gấp hơn 2,2 lần so với năm 2019, qua đó trở

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

thành động lực tăng trưởng mới của Tổng Công ty. Cụ thể, việc đẩy mạnh các dự án lắp pin mặt trời áp mái, camera xã hội hóa, giải pháp nhà thông minh đã góp công lớn giúp mảng giải pháp tích hợp, bán hàng thương mại của Tổng Công ty tăng trưởng mạnh. Một số dự án tiêu biểu đã hoàn thành trong năm 2020 có thể kể đến như Dự án lắp đặt điện mặt trời áp mái quy mô 10MWp cho CTCP Dệt Đông Quang, Dự án lắp đặt wifi và hệ thống camera giám sát cho Công ty TNHH MTV Signature Home Furnishings. 09 tháng đầu năm 2021, lĩnh vực giải pháp tích hợp tiếp tục tốc độ tăng trưởng cao với mức tăng trưởng doanh thu thuần đạt 23,3%/năm so với cùng kỳ năm trước.

**5.2.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty**

**Bảng 9: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	124.325	43,58%	178.625	40,45%	102.911	26,37%
Vận hành khai thác	137.510	48,21%	159.582	36,14%	165.840	42,49%
Hạ tầng cho thuê	2.366	0,83%	18.507	4,19%	60.786	15,57%
Giải pháp tích hợp	19.357	6,79%	84.241	19,08%	59.515	15,25%
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật & CNTT	5.487	1,92%	4.002	0,91%	2.103	0,54%
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.798)	(1,33%)	(3.396)	(0,77%)	(875)	(0,22%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>285.247</b>	<b>100%</b>	<b>441.561</b>	<b>100%</b>	<b>390.282</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 10: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Xây lắp	147.894	48,67%	206.722	43,56%	119.619	28,71%
Vận hành khai thác	137.510	45,25%	168.053	35,41%	175.993	42,24%

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Hạ tầng cho thuê	2.366	0,78%	18.507	3,90%	60.786	14,59%
Giải pháp tích hợp	19.357	6,37%	84.241	17,75%	59.515	14,29%
Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật & CNTT	573	0,19%	431	0,09%	1.573	0,38%
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.798)	(1,25%)	(3.396)	(0,72%)	(875)	(0,21%)
<b>Tổng cộng</b>	<b>303.902</b>	<b>100%</b>	<b>474.557</b>	<b>100%</b>	<b>416.612</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty tăng trưởng mạnh với tốc độ tăng trưởng 56,2% so với cùng kỳ 2019. Đóng góp lớn nhất vào lợi nhuận gộp là lĩnh vực Xây lắp với 43,56% và vận hành khai thác với 35,41%. Tuy nhiên, 2 lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng lớn nhất là Hạ tầng cho thuê tăng 682% và giải pháp tích hợp tăng 335% so với cùng kỳ.

09 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận gộp hợp nhất tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng rất cao, đạt 38,2% so với cùng kỳ. Trong đó lĩnh vực hạ tầng cho thuê tiếp tục gây ấn tượng mạnh với lợi nhuận gộp gấp hơn 6,3 lần so với cùng kỳ. Mức tăng tỷ trọng ấn tượng của lĩnh vực cho thuê hạ tầng do 02 nguyên nhân chính: (i) tốc độ tăng trưởng doanh thu cao (gấp gần 3,8 lần cùng kỳ 2020) và (ii) biên lợi nhuận gộp cao vượt trội so với các lĩnh vực kinh doanh khác (từ 27,5% - 44% so với mức 9,3 - 12,9% của lĩnh vực xây dựng, 4,6% - 5,5% lĩnh vực vận hành khai thác và 3,3% - 6,4% lĩnh vực giải pháp tích hợp trong giai đoạn 2019 - 09 tháng đầu năm 2021. Mạng vận hành khai thác trở thành lĩnh vực đóng góp tỷ trọng lớn nhất (42,2%), tăng 37,1% so với cùng kỳ trong khi lĩnh vực xây dựng ghi nhận mức tăng trưởng âm (-6,5%). Lợi nhuận gộp lĩnh vực xây dựng giảm nhẹ do biên lợi nhuận gộp lĩnh vực này giảm từ 13,2% 09 tháng đầu năm 2020 xuống còn 10,9% 09 tháng đầu năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu của sự suy giảm này là do doanh thu xây dựng của nhóm khách hàng trong Tập đoàn Viettel (xây dựng, củng cố, bảo dưỡng trạm BTS, cáp ngầm) có biên lợi nhuận gộp cao hơn (xấp xỉ 14%) giảm tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu xây dựng (từ 69% 09 tháng đầu năm 2020 xuống còn 31% 09 tháng đầu năm 2021) trong khi doanh thu xây dựng của những khách hàng ngoài Tập đoàn Viettel có biên lợi nhuận gộp thấp hơn (từ 5-10%) tăng tỷ trọng trong cơ cấu doanh thu xây dựng (từ 31% 09 tháng đầu năm 2020 lên 58% 09 tháng đầu năm 2021). Bên cạnh đó, biên lợi nhuận gộp 09 tháng đầu năm 2021 lĩnh vực xây dựng cũng giảm do Tổng Công ty chủ động giảm giá dịch vụ nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

### 5.3. Nguyên vật liệu

#### 5.3.1. Nguồn nguyên vật liệu và sự ổn định của các nguồn cung cấp này

753  
 CỘNG  
 PHÁP  
 3 TR  
 :TT  
 H. T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Đối với lĩnh vực xây dựng và đầu tư hạ tầng cho thuê, các loại nguyên vật liệu chủ yếu của Tổng Công ty là xi măng, cát, đá, sỏi gạch, thép các loại và vật liệu điện (dây đồng, cáp điện, cáp thép, ...). Do đặc thù hoạt động trên khắp các tỉnh thành trong cả nước, nguồn cung cấp nguyên vật liệu chủ yếu là từ các nhà cung cấp, theo từng địa phương mà Tổng Công ty triển khai dự án.

Lĩnh vực vận hành khai thác có nguyên vật liệu chính là các công cụ dụng cụ, trang thiết bị kỹ thuật, dụng cụ bảo hộ lao động. Đây là các mặt hàng sản phẩm phổ thông, Tổng Công ty có thể dễ dàng tìm kiếm được nguồn cung cấp dồi dào từ các nhà cung cấp trong nước.

Đối với lĩnh vực giải pháp tích hợp, tư vấn dịch vụ kỹ thuật và công nghệ thông tin, nguyên vật liệu đầu vào chính là các vật tư, hàng hóa thuộc ngành hàng cơ điện, ICT, Smart Home, năng lượng mặt trời như tấm pin mặt trời, camera, đèn năng lượng mặt trời, điều hòa, ... Tổng Công ty đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp để đảm bảo các mặt hàng nhập vào luôn giữ vững mức độ ổn định về chất lượng, số lượng và nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

**Bảng 11: Một số đối tác cung cấp hàng hoá, dịch vụ tiêu biểu của Tổng Công ty**

STT	Nhà cung cấp	Sản phẩm/ Dịch vụ cung cấp
1	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Kỹ Thuật	Tấm pin mặt trời; tủ nguồn tích hợp; cột ăng ten dây co
2	CTCP Công nghệ Bách Châu	Tấm pin mặt trời
3	Công ty TNHH MTV Thông tin M3	Cáp quang
4	CTCP Đầu tư Viễn Tin	Hệ thống phủ sóng di động (IBS)
5	Công ty TNHH Cơ khí Chính xác Thăng Long	Cột ăng ten dây co
6	CTCP Dịch vụ & Kỹ thuật Nhật Minh	Vật tư, thiết bị triển khai DAS
7	Tổng Công ty Viễn thông Viettel	Vật tư phục vụ phát triển mới thuê bao dịch vụ cố định băng thông rộng
8	Công ty TNHH Công nghệ và Truyền thông Comtec	Máy đo máy hàn
9	CTCP Thương mại và Dịch vụ HTC	Đồ bảo hộ lao động
10	Công ty TNHH Kim khí Thiên Sơn	Thép các loại
11	CTCP Kỹ thuật Thành Hưng Phát	Cáp thép, cáp dây co, công cụ dụng cụ xây dựng
12	CTCP Dây cáp điện Việt Nam	Dây đồng, cáp điện
13	CTCP Công nghệ DSS Việt Nam	Camera
14	Daikin Việt Nam	Điều hòa
15	Công ty TNHH MTV Suntek Việt Nam	Đèn năng lượng mặt trời

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**5.3.2. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

Đối với lĩnh vực xây dựng, sự biến động của các nguyên vật liệu đầu vào như thép, đá, xi măng, cát, sỏi ... sẽ có tác động đến doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty do các yếu tố này chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu giá thành. Để hạn chế việc giá nguyên vật liệu tăng quá cao trong quá trình triển khai thi công dự án, khi tiến hành ký kết hợp đồng xây dựng với chủ đầu tư, Tổng Công ty cũng đề xuất việc điều chỉnh giá trị hợp đồng nếu biến động giá vật tư nguyên liệu vượt quá một tỷ lệ nhất định của nhà thầu.

Đối với nguyên vật liệu trong lĩnh vực vận hành khai thác như các công cụ dụng cụ, trang thiết bị kỹ thuật, dụng cụ bảo hộ lao động, do đây là các mặt hàng sản phẩm phổ thông với nguồn cung cấp dồi dào từ rất nhiều nhà cung cấp trong nước và chi phí chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong hoạt động kinh doanh nên sự biến động giá của các nguyên vật liệu này sẽ có ảnh hưởng không đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Đối với lĩnh vực giải pháp tích hợp, tư vấn dịch vụ kỹ thuật và công nghệ thông tin, sự biến động của hàng hóa nguyên liệu đầu vào nếu phát sinh sẽ có ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty trong kỳ do đặc thù của lĩnh vực này có biên lợi nhuận không cao. Để hạn chế sự biến động giá của các mặt hàng này, Tổng Công ty sẽ thực hiện đấu thầu, lựa chọn đối tác cung cấp sản phẩm/dịch vụ có giá cả cạnh tranh và điều kiện thanh toán thuận lợi cũng như liên tục cập nhật danh sách các đối tác, nhà cung cấp có năng lực tài chính và uy tín trên thị trường để có nguồn cung cấp sản phẩm/dịch vụ có giá cả ổn định, chất lượng cao.

**5.4. Chi phí sản xuất**

Chi phí hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm gần nhất được trình bày trong bảng dưới đây:

**Bảng 12: Cơ cấu chi phí của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**  
**(Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT
Giá vốn hàng bán	4.551.703	94,10%	5.559.775	92,64%	4.487.915	92,00%
Chi phí tài chính	1.179	0,02%	1.803	0,03%	3.309	0,07%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	93.318	1,93%	138.558	2,31%	103.234	2,12%
Chi phí khác	2.044	0,04%	128	0,00%	1.761	0,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.648.244</b>	<b>96,10%</b>	<b>5.700.264</b>	<b>94,98%</b>	<b>4.596.219</b>	<b>94,22%</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 13: Cơ cấu chi phí sản xuất của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Lĩnh vực	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT	Giá trị	Tỷ lệ %/DTT
Giá vốn hàng bán	4.795.988	94,04%	5.884.630	92,54%	5.047.710	92,38%
Chi phí tài chính	1.773	0,03%	2.608	0,04%	3.686	0,07%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.088	1,98%	147.544	2,32%	110.459	2,02%
Chi phí khác	2.105	0,04%	484	0,01%	1.836	0,03%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.900.954</b>	<b>96,10%</b>	<b>6.035.266</b>	<b>94,91%</b>	<b>5.163.692</b>	<b>94,50%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Chi phí chủ yếu của Tổng Công ty là giá vốn hàng bán, chiếm tỷ lệ trên 90% doanh thu thuần qua các năm theo số liệu hợp nhất. Giá vốn hàng bán có xu hướng giảm dần trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021, từ mức 94% doanh thu thuần năm 2019 xuống còn lần lượt 92,5% và 92,4% năm 2020 và 09 tháng đầu năm 2021. Giá vốn giảm đặc biệt trong bối cảnh biến động mạnh của giá nguyên vật liệu đã góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp và tăng biên lợi nhuận cho Tổng công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng lớn thứ hai, khoảng 1,8% - 2,3% doanh thu thuần giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021, là các định phí liên quan đến bộ phận quản lý. Mức chi phí này tăng trong năm 2020 so với năm 2019 chủ yếu do tăng các chi phí lương bộ phận quản lý chung, sau đó giảm mạnh trong 09 tháng đầu năm 2021, xuống còn 2% doanh thu thuần.

Đối với các chi phí còn lại, chi phí tài chính chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với doanh thu thuần do Công ty không vay nợ trong năm 2019, năm 2020 các khoản vay nợ chịu lãi suất chỉ chiếm khoảng 1,2% tổng tài sản Tổng Công ty. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng không phát sinh chi phí bán hàng.

### **5.5. Trình độ công nghệ**

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, hệ thống công nghệ thông tin đóng vai trò xương sống, đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được vận

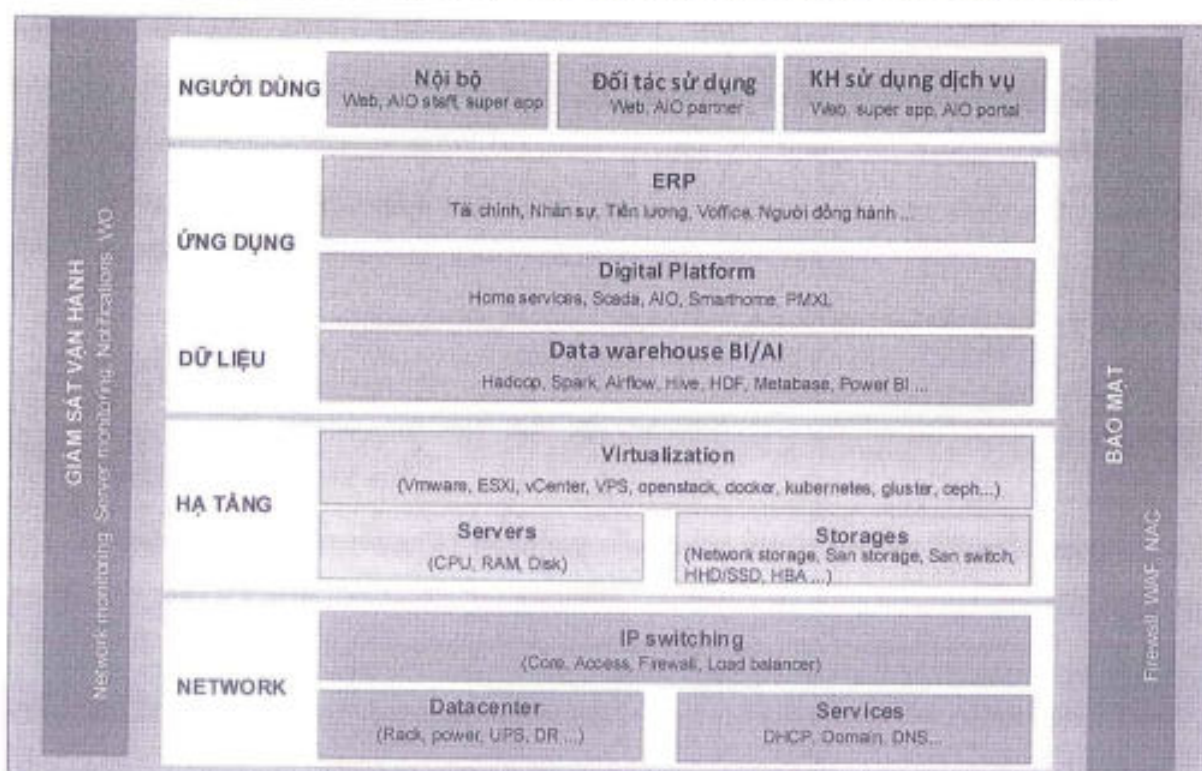
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

hành ổn định, an toàn và chính xác với tốc độ cao. Do đó, Viettel Construction luôn chú trọng việc đầu tư, phát triển và ứng dụng những công nghệ thông tin hiện đại, an toàn, bảo mật nhằm đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của khách hàng đồng thời cải tiến các quy trình hoạt động của Tổng Công ty, bắt nhịp với những xu hướng công nghệ mới, đặc biệt là những công nghệ liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty.

Hiện tại, hệ thống CNTT của Tổng Công ty đã được đầu tư bài bản từ tổ chức nhân sự, quy trình, thiết kế theo mô hình phân lớp tiêu chuẩn để thực hiện các công việc chính sau:

- Cung cấp các phần mềm chất lượng tốt nhất để số hóa các quy trình quản trị doanh nghiệp và điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty
- Đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu người dùng nội bộ và khách hàng của Tổng Công ty
- Áp dụng các công nghệ mới nhất vào quản trị, điều hành kinh doanh và sản phẩm mới: BI/AI, bigdata, IoT

**Hình 6: Kiến trúc tổng thể hệ thống công nghệ thông tin của Tổng Công ty**



*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Một số hệ thống phần mềm tiêu biểu đã được Tổng Công ty triển khai, xây dựng trên nền tảng hệ thống CNTT như sau:

**Giải pháp phần mềm ERP tài chính:** Phần mềm đồng bộ các dữ liệu giữa 7 phân hệ của bộ phận kế toán, bao gồm: Quản lý chi phí; quản lý doanh thu; quản lý kho; quản lý tiền; quản lý

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

### BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

TSCD; Kế toán tổng hợp; Hệ thống báo cáo tập hợp các báo cáo tài chính. Các tính năng nổi bật của giải pháp bao gồm:

- Với tính liên kết dữ liệu đồng nhất giữa các phần mềm hiện có của doanh nghiệp, phần mềm ERP tài chính sẽ có sự kế thừa dữ liệu chặt chẽ, chính xác và tức thời từ các bộ phận khác trong doanh nghiệp, giúp tối đa hóa năng suất làm việc của cán bộ nhân viên hay giúp nhà quản trị, ban lãnh đạo luôn có được những thông tin chính xác, kịp thời về tình hình hoạt động của doanh nghiệp;
- Hệ thống phần mềm ERP tài chính xử lý đối chiếu dữ liệu đầu vào và đầu ra một cách linh hoạt, dễ kiểm soát, soát xét số liệu một cách chính xác và nhanh chóng. Từ cơ sở dữ liệu đó, thông qua các công thức, thủ tục, quy trình được thiết lập sẵn, phần mềm tài chính sẽ xử lý để lên báo cáo tài chính và các báo cáo chi tiết khác theo biểu mẫu kế toán hiện hành chuẩn với chế độ Kế toán Nhà nước Việt Nam hoặc theo những yêu cầu quản lý đặc thù của các doanh nghiệp;
- Hệ thống ERP tài chính có giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành;
- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel;
- Dễ dàng truy xuất thông tin.

**Giải pháp phần mềm Quản lý kho tàng tài sản:** Là phần mềm chuyên dụng thực hiện các chức năng hướng dẫn, kiểm soát và theo dõi các hoạt động xuất hàng, nhập hàng, lưu trữ, tồn kho, lao động,... trong kho hàng. Hệ thống quản lý toàn diện, tự động, chính xác và nhanh chóng từ nhập xuất hàng đến hình thành bản giao tài sản. Các lợi ích vượt trội khi sử dụng Giải pháp phần mềm bao gồm:

- Thông qua phần mềm, các hoạt động nhập xuất tồn kho sẽ được thể hiện chi tiết và cụ thể. Đồng thời kết hợp với công nghệ mã vạch, barcode và hệ thống chuỗi liên kết thông tin tức thì (real on time) sẽ giúp kết nối bộ phận kho đến các bộ phận liên quan khác, như bộ phận lập kế hoạch sản xuất, thu mua, tính giá thành sản phẩm, tài chính ... nhằm có đầy đủ dữ liệu để dự báo nhu cầu vật tư, tối ưu hóa chi phí tồn kho và đẩy nhanh tốc độ vòng quay sản phẩm;
- Phần mềm cho phép người sử dụng xác định ngay lập tức số dư hàng tồn trong kho, theo dõi các mặt hàng dự trữ, sắp xếp các mặt hàng theo chủng loại hay khác loại. Tự động ghi lại theo dõi các giao dịch xuất nhập kho, quản lý thành phẩm/bán thành phẩm, quản lý nguyên liệu, quản lý thất thoát và nhiều tính năng khác...;
- Tự động gửi tin nhắn, email cảnh báo khi tồn hàng nhiều hoặc tồn hàng quá lâu;
- Giao diện hỗ trợ trên mọi nền tảng web, smartphone, tablet;
- Xuất báo cáo ra dạng excel, PDF và máy in theo chuẩn mực thông dụng.



**Giải pháp phần mềm quản lý quan hệ khách hàng (CRM):** CRM là một hệ thống tổng hợp nhiều kỹ thuật từ nghiên cứu khách hàng, phân tích hành vi khách hàng, chia đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị sản phẩm đến khách hàng, dịch vụ khách hàng với nền tảng kết nối mở có thể kết nối được nhiều hệ thống khác nhau. Phần mềm giúp nâng cấp và phát triển hệ thống quản lý quan hệ khách hàng, giúp doanh nghiệp vận hành khoa học và hoàn toàn tự động. CRM đồng bộ trên mọi nền tảng web, smartphone, tablet.

**Các giải pháp công nghệ về Data Science (Bigdata, BI, AI, Data mining):** Hiện tại, Tổng Công ty đã phát triển thành công hệ thống Data warehouse & BI/AI gồm 06 thành phần chính:

- Data Sources: Nguồn dữ liệu từ tất cả các phần mềm nội bộ của Tổng Công ty;
- Data Integration: Tổng hợp dữ liệu từ các nguồn dữ liệu và tiền xử lý dữ liệu;
- Data Lake: Gồm các cơ sở dữ liệu để lưu trữ các dữ liệu đã tích hợp về đồng thời các dữ liệu phục vụ các báo cáo cho phần BI Reporting ;
- BI Reporting: Hệ thống các báo cáo để quản trị và ra quyết định dựa trên dữ liệu ;
- Data Governance: Quản lý chất lượng, bảo mật, phân quyền dữ liệu;
- AI & Data Mining: Ứng dụng công nghệ Trí thông minh nhân tạo (AI) và Khai phá dữ liệu (Data Mining) để khai thác, xử lý, và tổng hợp đưa ra các báo cáo;

Trên nền tảng hệ thống, Tổng Công ty đã cung cấp gần 100 báo cáo số liệu phục vụ điều hành kinh doanh các đơn vị phòng ban, các trung tâm và chi nhánh kỹ thuật. Ngoài ra, Hệ thống Data warehouse & BI đóng vai trò tập trung, liên kết dữ liệu cho các hệ thống khác như: Thẻ điểm cân bằng - Balanced Scorecard (BSC), Trung tâm vận hành kinh doanh toàn cầu - Global Business Operation Center (GBOC), Quản lý quan hệ khách hàng (CRM) ... giúp nâng cao hiệu quả quản trị cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong các năm qua.

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số (CDS) một cách mạnh mẽ, toàn diện đã tạo nền tảng về con người, quy trình, công nghệ, quản trị thúc đẩy năng suất, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giúp Tổng Công ty dần hiện thực hóa định hướng đa dạng hóa hoạt động kinh doanh bên ngoài Tập đoàn Viettel. Sau 06 tháng triển khai hoạt động CDS, điểm CDS đã tăng từ 2,1/5 điểm lên 3,2/5 điểm (thang 5 điểm theo TM Forum). Hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ cũng được Tổng Công ty chú trọng với các hoạt động tiêu biểu như: Xây dựng chức năng, bổ sung nguồn lực cho bộ phận nghiên cứu công nghệ; Năm 2020 đã thực hiện hơn 30 buổi hội thảo công nghệ, nghiên cứu, thử nghiệm hệ thống home controller, Smart City (xây dựng khung tri thức công nghệ, thiết kế mẫu, thuyết trình với đối tác CityLand Group), lĩnh vực năng lượng mặt trời, xây dựng dân dụng công nghệ cao.

#### **5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Phát triển sản phẩm/dịch vụ mới luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển dài hạn của Tổng Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao trong kinh doanh cũng như

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**

### **BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

tạo động lực tăng trưởng mới trong quá trình hoạt động. Theo đó, hàng năm, Tổng Công ty luôn cung cấp cho thị trường các sản phẩm/dịch vụ mới với hàm lượng công nghệ và tính ứng dụng ở mức cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Tiêu biểu có thể kể đến như trong năm 2019, Viettel Construction đã bước đầu triển khai dịch vụ cho thuê hạ tầng với 03 sản phẩm chính gồm: trạm BTS, hệ thống ăng ten phân tán DAS và các tuyến cống ngầm hóa cáp quang. Theo đó, tổng đầu tư cho xây dựng hạ tầng cho thuê năm 2019 đạt 160,4 tỷ đồng, đồng thời Tổng Công ty cũng đã hoàn thiện pháp lý các dự án (BTS, DAS, cố định băng rộng, năng lượng) với tổng số 505 trạm BTS, 2,5 triệu m<sup>2</sup> DAS, cung cấp năng lượng cho 35 trạm không điện, triển khai 2.600 km cáp quang cho Mobifone thuê, qua đó tạo đà tăng trưởng doanh thu hạ tầng cho các năm tiếp theo.

Ngoài sản phẩm cho thuê hạ tầng mang tính chiến lược nêu trên, Công ty cũng tích cực chủ động nghiên cứu nhu cầu thị trường để đưa ra các sản phẩm/dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa doanh thu và tối ưu hóa các nguồn lực mà Tổng Công ty đang sở hữu. Cụ thể, đầu năm 2021, Tổng Công ty đã cho ra mắt thị trường gói dịch vụ “Home Services”, theo đó Tổng Công ty cung cấp dịch vụ sửa chữa, kiểm tra - bảo dưỡng định kỳ cho toàn bộ hệ thống điện và các đồ gia dụng trong nhà như thiết bị điều hòa, tủ lạnh, bình nóng lạnh, máy giặt,... cho các hộ gia đình trên khắp 63 tỉnh/thành toàn quốc. Dịch vụ này mang lại lợi ích rất lớn cho người tiêu dùng, góp phần nâng cao hiệu suất làm việc của thiết bị, cải thiện tuổi thọ hoạt động và tối ưu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng so với việc chỉ sửa chữa khi phát sinh sự cố. Tính đến hết tháng 07/2021, ứng dụng Home Services đã thu hút hơn 26.000 lượt tải sử dụng, doanh thu ghi nhận hơn 80 tỷ đồng với hơn 93.000 khách hàng đã đăng ký sử dụng dịch vụ (bao gồm các khách hàng được người thân giới thiệu và lượng khách hàng đông đảo biết đến Viettel Construction thông qua tờ rơi, chương trình tiếp xúc ngày thứ 7).

Hiện tại, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm, dịch vụ mới do 02 bộ phận của Tổng Công ty phụ trách, bao gồm Ban R&D trực thuộc phòng Kỹ thuật công nghệ (4 nhân sự) và Bộ phận Chuyển đổi số trực thuộc Trung tâm Công nghệ thông tin (30 nhân sự chuyên trách) với ngân sách hàng năm cho hoạt động R&D khoảng 3% doanh thu.

#### **5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Đối với một công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ và xây dựng, chất lượng sản phẩm/dịch vụ là yếu tố đảm bảo sức mạnh thương hiệu của Viettel Construction trên thị trường. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Viettel Construction đã tiến hành áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 tại tất cả các bộ phận của Tổng Công ty với hệ thống các quy tắc, chính sách, quy trình và thủ tục nhằm cung cấp các sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng và cải thiện sự hài lòng của khách hàng. Việc quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO một cách đồng bộ đã chứng tỏ được sự cần thiết và mang lại nhiều lợi ích cũng như góp phần làm tăng tính hiệu quả trong quá trình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, ngày 13/05/2021, tổ chức Bureau Veritas Việt Nam (BVC) đã công nhận

Viettel Construction đạt chứng nhận ISO 20000-1:2018 chỉ sau 03 tháng triển khai thẩm định. ISO 20000-1:2018 là tiêu chuẩn quốc tế đầu tiên dành cho hệ thống quản lý dịch vụ công nghệ thông tin. Tiêu chuẩn này xác định phương thức áp dụng dịch vụ IT được định hướng và hỗ trợ bởi các mục tiêu kinh doanh hơn là những nhu cầu công nghệ. Tiêu chuẩn này sẽ mang lại nhiều lợi ích lớn cho Tổng Công ty như: Tăng năng suất hoạt động; Cung cấp hình ảnh tốt hơn về doanh nghiệp và trên hết là độ tin cậy, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; Nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng tốt nhất các nhu cầu và mong đợi của khách hàng; Tạo ra một nền văn hóa cải tiến liên tục; Giúp doanh nghiệp linh hoạt hơn, dễ dàng thay đổi và thích ứng với thay đổi.

Ngoài ra, Viettel Construction cũng đang tổ chức đào tạo trên diện rộng cho các nhân sự kinh doanh, đồng thời tập trung số hóa bằng cách xây dựng và nâng cấp các phần mềm theo tiêu chuẩn ISO 10002:2018 sau khi được áp dụng chính thức. Đây là một tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các hướng dẫn để doanh nghiệp xây dựng được một hệ thống chăm sóc khách hàng hiệu quả, đặc biệt là cách thức tiếp nhận, xử lý và đánh giá khi phát sinh các khiếu nại từ phía khách hàng nhằm giải quyết các khiếu nại một cách hiệu quả và nhanh chóng nhất, góp phần mang lại trải nghiệm khách hàng hoàn hảo.

Có thể thấy, hoạt động ứng dụng các tiêu chuẩn ISO đồng bộ của Viettel Construction ngoài mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường và nâng tầm trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng, nó còn là một khoản đầu tư dài hạn của doanh nghiệp trong hành trình thúc đẩy cuộc cách mạng công nghiệp số đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

### **5.8. Hoạt động marketing**

Hệ thống nhận diện thương hiệu được thiết lập đồng bộ từ Tập đoàn Viettel tới các đơn vị thành viên bao gồm Viettel Construction nhằm thể hiện sự chuyên nghiệp, thống nhất về hình ảnh, thương hiệu. Cùng với đó, Viettel Construction luôn chú trọng đến hoạt động Marketing, nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Hiện tại, hoạt động marketing của Tổng Công ty chú trọng đến việc nghiên cứu thị trường, quảng bá thương hiệu và chăm sóc khách hàng.

**Hoạt động nghiên cứu thị trường:** Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường do Phòng Chiến lược kinh doanh phụ trách. Bên cạnh đó, Phòng Chiến lược Kinh doanh cũng thực hiện việc theo dõi, thống kê, phân tích và nghiên cứu những biến động có thể ảnh hưởng đến giá sản phẩm/dịch vụ nhằm hỗ trợ Ban điều hành Tổng Công ty đưa ra những quyết định phù hợp với từng thời điểm sản xuất kinh doanh, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty.

**Hoạt động quảng bá thương hiệu:** Tổng Công ty đã tạo dựng được một vị thế vững vàng trong ngành từ chính chất lượng sản phẩm dịch vụ của mình thông qua hàng loạt các giải thưởng do các Tổ chức quốc tế và trong nước ghi nhận: Giải Vàng IT World Awards; Giải Vàng International Business Awards; Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng “nhanh nhất” Việt Nam và Top 50 doanh nghiệp tăng trưởng “xuất sắc nhất” Việt Nam năm 2020 (Vietnam Report), ... Tổng Công ty cũng thường xuyên cập nhật thông tin về các sản phẩm, dịch vụ,

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

chính sách, kết quả hoạt động trên các báo kinh tế, tài chính lớn cũng như trên website của doanh nghiệp.

**Hoạt động chăm sóc khách hàng:** Phòng Chăm sóc khách hàng có trách nhiệm hỗ trợ giải quyết sự cố/khiếu nại cho khách hàng, tư vấn và bán hàng cho khách hàng theo các chiến dịch Marketing và tiếp tục các chương trình chăm sóc, tri ân khách hàng sau bán hàng.

**5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền**

Thương hiệu hình ảnh của Viettel Construction bao gồm:

- Chữ viết tắt : **Viettel Construction**
- Website: <https://viettelconstruction.com.vn/>



- Logo:

Ngoài ra, giải pháp VCC Smarthome của Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả bởi Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ngày 11/12/2020.

**5.10. Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

**Bảng 14: Các hợp đồng lớn Tổng Công ty đang thực hiện hoặc đã được ký kết**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
<b>Hợp đồng đầu vào</b>					
1.	311001-ĐT/HĐMB-2018/CTCT-VIETDANG	41.844	2018	Xe ô tô tải và xe ô tô bán tải phục vụ sản xuất kinh doanh	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cơ khí Ô tô Việt Đăng
2.	081102-ĐT/HĐMB-2018/CTCT-TOYOTAMYDINH	178.075	2018	Xe ô tô tải và xe ô tô bán tải phục vụ sản xuất kinh doanh	Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình
3.	080401-ĐT/HĐMB-2019/CTCT-TOYOTAMYDINH	35.600	2019	Xe ô tô bán tải phục vụ sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2019	
4.	290603-ĐT/HĐMB-2019/CTCT-VIENTIN	36.805	2019	Hệ thống phủ sóng di động trong nhà (IBS) của 07 tòa nhà tại Hà Nội và Nghệ An	Công ty cổ phần Đầu tư Viễn Tin
5.	080801-ĐT/HĐMB-	10.044	2019	Cột anten dây co triển khai dự án hạ tầng cho thuê	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Viễn

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
	2019/CTCT-SUNTEL			năm 2021-giai đoạn 2	thông Suntel Thủ Đức
6.	Đơn hàng số 02 thuộc HĐ khung số 031001-ĐT/HĐMB-2019/VCC-NHATMINH	10.995	2019	Vật tư, thiết bị triển khai DAS cho các tòa nhà năm 2019	Công ty cổ phần Dịch vụ & Kỹ thuật Nhật Minh
7.	281201-ĐT/HĐMB-2019/VCC-M3	20.536	2019 - 2020	Cáp quang các loại phục vụ xây dựng tuyến cáp quang cho thuê sợi	Công ty TNHH MTV Thông tin M3
8.	001-MS/VTT-VCC/2020 (PO1)	43.675	2020	Vật tư phục vụ phát triển mới thuê bao dịch vụ cố định băng thông rộng năm 2020	Tổng Công ty viễn thông viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội
9.	001-MS/TLC-CTCT/2020 (PO3)	42.513	2020	Vật tư phục vụ phát triển mới thuê bao dịch vụ cố định băng thông rộng năm 2020	
10.	001-MS/TLC-CTCT/2020 (PO6)	43.254	2020	Vật tư phục vụ phát triển mới thuê bao dịch vụ cố định băng thông rộng năm 2020	
11.	001-MS/TLC-CTCT/2020 (PO9)	44.050	2020	Vật tư phục vụ phát triển mới thuê bao dịch vụ cố định băng thông rộng năm 2020	
12.	030201-ĐT/HĐMB-2020/VCC-TOYOTAMYDINH	167.746	2020	Xe ô tô bán tải phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2020	Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình
13.	170601-ĐT/HĐMB-2020/VCC-TSTC	47.548	2020	Tủ nguồn tích hợp triển khai dự án hạ tầng cho thuê năm 2020	Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Kỹ Thuật
14.	060805-ĐT/HĐMB 2020/VCC-DAT	82.603	2020	Tấm pin Canadian 445	
15.	281001-ĐT/HĐMB-2020/VCC-DAT TECH	115.079	2020	Pin mặt trời triển khai hệ thống Pin mặt trời áp mái năm 2020 giai đoạn 2	
16.	100602-ĐT/HĐMB-2021/VCC-TSTC	31.003	2021	Cột anten dây co triển khai dự án hạ tầng cho thuê năm 2021-giai đoạn 2	

4753  
 CÔNG  
 PHẦN  
 Ị TRỊ  
 ITEL  
 TP. H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
17.	060804-ĐT/HĐMB-2020/VCC-BACHCHAU	56.094	2020	Tấm pin AE 450	Công ty cổ phần Công nghệ Bách Châu
18.	100903-ĐT/HĐMB-2020/VCC-HW	94.849	2020	Vật tư inverter, thiết bị giám sát smartLogger3000A00GL và SDongleA-03-EU của Huawei	Công ty TNHH Công nghệ Huawei Việt Nam
19.	290405-ĐT/HĐMB-2021/VCC-THANGLONG	20.016	2021	Cột anten dây co triển khai dự án hạ tầng cho thuê năm 2021 khu vực miền Bắc và miền Trung	Công ty TNHH Cơ khí Chính xác Thăng Long
20.	250601-ĐT/HĐMB-2021/VCC-THANGLONG	15.196	2021	Cột anten dây co triển khai dự án hạ tầng cho thuê năm 2021-giai đoạn 2	
<b>Hợp đồng đầu ra</b>					
21.	24/2019/HĐKT-HTQN	23.661	2019 - 2020	Thi công các nút trên địa bàn TP Hạ Long (Camera, điện nguồn, hạ tầng, kéo cáp quang)	Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển hạ tầng Quảng Ninh
22.	0607/2019/HĐXL-ĐCG	99.357	2019 - 2020	Xây dựng đoạn tuyến đoạn nút giao Cái Bè và cầu Kênh Giang thuộc dự án “Đầu tư xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương-Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT”	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả
23.	2812.01-DTTS/VTT-VCC/2019	1.648.117	2019 – 2020	Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông	Tổng Công ty Viễn thông Viettel – Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn
24.	2812.03-DTTS/VTT-VCC/2019	158.285	2019 – 2020	Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng của VTS	
25.	2812.02-DTTS/VTT-VCC/2019	1.732.024	2019 – 2020	Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng	
26.	PL11-2812.02-ĐTTS/VTT-VCC/2019	558.772	2020	Dịch vụ quản lý, khai thác thuê bao cố định	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
27.	2812.01-ĐTTS/VTT-VCC/2020	1.703.459	2020 – 2021	Dịch vụ vận hành khai thác và ứng cứu thông tin dịch vụ viễn thông	thông Quân đội
28.	2812.02-ĐTTS/VTT-VCC/2020	2.162.977	2020 – 2021	Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng	
29.	2812.03-ĐTTS/VTT-VCC/2020	56.233	2020 – 2021	Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng	
30.	PL11-2812.02-ĐTTS/VTT-VCC/2020	344.144	2021	Dịch vụ quản lý đường dây thuê bao và phát triển mới khách hàng cố định băng rộng	
31.	115/2020	23.011	2020	Mua sắm hàng hóa, thiết bị và lắp đặt thiết bị mở rộng hệ thống giám sát người và phương tiện giao thông đảm bảo an ninh trật tự khu vực trung tâm Quận 1, Quận 3 và một số cửa ngõ quan trọng ra vào trung tâm thành phố	Công an Thành phố Hồ Chí Minh
32.	740/2020/HĐXD/WTO-VCC	144.046	2020 - 2021	Thi công phần thô, hoàn thiện mặt ngoài khu tháp tầng (giai đoạn 1) gồm: 65 căn mặt đường tuyến D3:LK3, LK5, LK7 và 49 căn mặt đường tuyến N20; LK43, LK46 Dự án “Khu đô thị mới Kim Chung Di Trạch”	Tổng Công ty Cổ phần thương mại xây dựng
33.	2206/2020/HDNLMT/TNU-VCC_Tài Nguyên	32.887	2020	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên mái (thuộc dự án Tài Nguyên)	Công ty cổ phần Công nghiệp Tài Nguyên
34.	2206/2020/HDNLMT/TNU-VCC	98.662	2020	Cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống điện NLMT trên mái	Công ty cổ phần Dệt Đông Quang
35.	TTH_268/HĐTC-HT/ML	34.989	2020 – 2021	Thi công xây dựng hạng mục hoàn thiện- Block 14	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Minh Linh

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
36.	240/2020/HĐXD/HM-VCC	443.183	2020 – 2022	Thi công phần thô và hoàn thiện mặt ngoài 286 căn nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1) không bao gồm cọc, bể nước, bể phốt, cửa cuốn, cửa gỗ, cửa nhựa lõi thép) thuộc Dự án “Khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ”	Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Hoàng Mai
37.	121102/2020/HĐMB/TRAD IN-VCC	26.827	2020	Tấm pin năng lượng mặt trời Q.cell; Model: Q.PEAK DUO L-G8.3-425W	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh
38.	16/2020/HĐNLMT/ANV-VCC	25.449	2020 - 2021	Điện mặt trời mái nhà tại Công ty cổ phần Bao bì nhựa Sen Việt	Công ty cổ phần An Nhân Việt
39.	PC05CC0345319	28.800	2020 - 2040	Bán điện dự án điện mặt trời trên mái	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung - Công ty Điện lực Quảng Nam
40.	52/2021/HĐXD/HH-VIETTEL	18.809	2021	Thi công hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông) Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thấp tầng để bán, xây dựng công trình bãi đỗ xe tại khu đất đấu giá TQ5(2) thị trấn Trâu Quý, huyện Gia Lâm	Công ty cổ phần Xây dựng Đô thị Hồng Hà Số 1 Việt Nam
41.	270421/2021/HĐXD/HCMC C-CNKTBNH	16.765	2021	Thi công hạng mục phụ trợ khối nhà CT4 khu nhà ở xã hội dành cho công nhân	Công ty cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh
42.	11/TĐ-CNKTQNH	55.000	2021 – 2023	Bốc xúc vận chuyển từ vị trí tập kết đất đá thải đến cảng Khe Dãy, Thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh	Công ty TNHH Trịnh Đức
43.	17042021/XTQN-CHOPE-TJSG01	23.412	2021	Xây dựng dự án phát điện thu hồi nhiệt dư 6MW Nhà máy xi măng Xuân Thành Quảng Nam	Công ty TNHH Tập đoàn Công trình Xi măng C-Hope Nam Kinh
44.	107/2021/HĐXD/HM-VCC	410.947	2021 - 2022	Thi công phần thân thô và hoàn thiện mặt ngoài nhà ở thấp tầng (Không bao gồm cọc, bể nước, bể	Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

TT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ cung cấp	Đối tác thực hiện hợp đồng
				phốt, cửa cuốn, cửa nhựa lõi thép, cửa gỗ) - 266 căn nhà ở liền kề	
45.	17/2021/HĐTC/AQC91.DN	81.797	2021 - 2022	Thi công xây dựng, hoàn thiện và Mep thô cho 106 căn nhà ở thấp tầng Khu 7A2 (64 ha)	Công ty TNHH Bất động sản Đà Lạt Valley
46.	160601-BQLDA/VNet-LD VCC-ACT/PTV 2021	13.046	2021 - 2023	Triển khai vận chuyển và lắp đặt 20 hạng mục thiết bị cho các trạm BTS	Tổng Công ty Mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội
47.	0102/2021/HĐBT/CMC-VCC	17.230	2021 - 2023	Bảo trì bảo dưỡng, ứng cứu xử lý sự cố, đảm bảo công tác duy trì hạ tầng cáp quang trên địa bàn miền Bắc - miền Trung - miền Nam	Công ty Cổ phần Hạ tầng viễn thông CMC

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

**6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

**6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất**

**6.1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh**

**Bảng 15: Một số chỉ tiêu về HĐSXKD riêng lẻ trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% +/- so với 2019	09 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	2.325.900 (*)	3.632.186	56,16%	3.572.298
2	Vốn chủ sở hữu	852.303 (*)	1.043.546	22,44%	1.171.199
3	Doanh thu thuần	4.836.950 (*)	6.001.336	24,07%	4.878.197
4	Lợi nhuận từ HĐKD	225.330 (*)	331.691	47,20%	300.833
5	Lợi nhuận khác	17.373	1.459	(91,60%)	(262)
6	Lợi nhuận trước thuế	242.703 (*)	333.150	37,27%	300.571

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% +/- so với 2019	09 tháng đầu năm 2021
7	Lợi nhuận sau thuế	196.572 (*)	268.698	36,69%	241.939
8	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	24,81%	28,35%	14,26%	21,85%

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 16: Một số chỉ tiêu về HDSXKD hợp nhất trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% +/- so với 2019	09 tháng đầu năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	2.443.638 (*)	3.879.102	58,74%	3.799.662
2	Vốn chủ sở hữu	867.063 (*)	1.060.862	22,35%	1.188.027
3	Doanh thu thuần	5.099.890 (*)	6.359.187	24,69%	5.464.322
4	Lợi nhuận từ HĐKD	222.394 (*)	343.992	54,68%	312.154
5	Lợi nhuận khác	17.312	1.112	(93,58%)	(338)
6	Lợi nhuận trước thuế	239.706 (*)	345.104	43,97%	311.816
7	Lợi nhuận sau thuế	188.955 (*)	274.174	45,10%	245.342
8	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	188.941 (*)	274.163	45,11%	245.325
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	15	12	(20,11%)	17
10	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	83,53%	85,55%	2,43%	-
11	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	23,00%	28,44%	23,65%	21,82%

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

(\*) Lưu ý:

- Tại BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2020 của Tổng Công ty, theo Thuyết minh số 36 "Số liệu so sánh", Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2019 căn cứ Thông báo số 01/TB-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

*KTNN kết quả kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2019 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel như sau:*

Đơn vị: đồng

Mã số	Khoản mục	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>				
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	607.821.857.892	558.960.887.629	48.860.970.263
141	Hàng tồn kho	333.286.808.185	344.421.395.357	(11.134.587.172)
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	43.659.381.141	42.690.328.455	969.052.686
227	TSCĐ vô hình	18.058.997.741	17.193.715.510	865.282.231
216	Chi phí trả trước dài hạn	32.425.104.408	31.606.536.820	818.567.588
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.251.907.872	19.188.114.272	(1.936.206.400)
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	75.946.201.822	69.316.364.749	6.629.837.073
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	487.287.546.274	459.649.539.006	27.638.007.268
421b	LNST chưa phân phối năm nay	196.571.567.172	188.523.919.517	8.047.647.655
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</b>				
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.836.949.968.642	4.790.770.717.138	46.179.251.504
11	Giá vốn hàng bán	4.551.702.791.956	4.515.583.100.021	36.119.691.935
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.131.156.850	44.119.244.936	2.011.911.914
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	196.571.567.172	188.523.919.517	8.047.647.655
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</b>				
01	Lợi nhuận trước thuế	242.702.724.022	232.643.164.453	10.059.559.569
02	Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	42.336.681.303	43.201.963.534	(865.282.231)
09	Tăng/giảm các khoản phải thu	354.903.847.100	403.843.908.135	(48.940.061.035)
10	Tăng/giảm hàng tồn kho	101.515.969.876	90.381.382.704	11.134.587.172
11	Tăng/giảm các khoản phải trả	54.668.295.532	24.348.569.505	30.319.726.027
12	Tăng/giảm chi phí trả trước	(29.844.847.520)	(28.057.227.246)	(1.787.620.274)

Việc điều chỉnh, phân loại lại được thực hiện bởi các nguyên nhân sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

- (i) Điều chỉnh doanh thu ghi nhận thiếu và giá vốn tương ứng đối với các công trình xây lắp đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu năm 2019;
  - (ii) Điều chỉnh khấu hao TSCĐ vô hình do trích khấu hao vượt quy định, giảm chi phí trả trước do phân bổ lại phù hợp với doanh thu chi phí trong kỳ;
  - (iii) Điều chỉnh các tài khoản công nợ và hạch toán bổ sung các khoản thuế phải nộp Nhà nước do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên.
- Tại BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty, theo Thuyết minh số 38 "Số liệu so sánh", Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 căn cứ Thông báo số 01/TB-KTNN kết quả kiểm toán nhà nước về báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn và tài sản Nhà nước năm 2019 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel và Biên bản quyết toán thuế của Công ty con tại Tanzania như sau:

Đơn vị: đồng

Mã số	Khoản mục	Điều chỉnh lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước	Chênh lệch
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	606.684.176.253	557.980.623.628	48.703.552.625
136	Phải thu ngắn hạn khác	200.569.638.929	244.570.785.944	(44.001.147.015)
141	Hàng tồn kho	380.249.050.567	391.383.637.739	(11.134.587.172)
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	45.409.662.245	44.440.609.559	969.052.686
152	Thuế GTGT được khấu trừ	2.591.648.634	2.684.723.833	(93.075.199)
227	TSCĐ vô hình	18.058.997.741	17.193.715.510	865.282.231
216	Chi phí trả trước dài hạn	33.290.929.416	33.501.113.250	(210.183.834)
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	32.852.245.928	34.788.452.328	(1.936.206.400)
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	95.720.289.321	76.156.758.895	19.563.530.426
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	504.505.072.236	476.867.064.968	27.638.007.268
319	Phải trả ngắn hạn khác	104.314.965.653	104.532.578.911	(217.613.258)
417	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(7.465.071.980)	(9.457.002.443)	1.991.930.463

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

421b LNST chưa phân phối năm nay 218.704.930.432 235.526.234.385 (16.821.303.953)

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.099.889.976.331	5.053.710.724.827	46.179.251.504
11	Giá vốn hàng bán	4.795.987.908.617	4.759.868.216.682	36.119.691.935
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51.982.557.758	49.970.645.844	2.011.911.914
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	188.955.336.166	180.907.688.511	8.047.647.655

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

01	Lợi nhuận trước thuế	239.705.759.715	229.646.200.146	10.059.559.569
02	Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	42.507.925.561	43.373.5207.792	(865.282.231)
09	Tăng/giảm các khoản phải thu	411.105.328.847	463.838.711.910	(52.733.383.063)
10	Tăng/giảm hàng tồn kho	76.434.199.276	65.299.612.104	11.134.587.172
11	Tăng/giảm các khoản phải trả	47.165.604.386	12.973.465.559	34.192.138.827
12	Tăng/giảm chi phí trả trước	(31.867.394.965)	(30.079.774.691)	(1.787.620.274)

Việc điều chỉnh, phân loại lại được thực hiện bởi các nguyên nhân sau:

- (i) Điều chỉnh doanh thu ghi nhận thiếu và giá vốn tương ứng đối với các công trình xây lắp đã đủ điều kiện ghi nhận doanh thu năm 2019;
- (ii) Điều chỉnh khấu hao TSCĐ vô hình do trích khấu hao vượt quy định, giảm chi phí trả trước do phân bổ lại phù hợp với doanh thu chi phí trong kỳ;
- (iii) Điều chỉnh số liệu báo cáo của Công ty con tại Tanzania sau khi có biên bản quyết toán thuế tại nước sở tại;
- (iv) Điều chỉnh các tài khoản công nợ và hạch toán bổ sung các khoản thuế phải nộp Nhà nước do ảnh hưởng của các điều chỉnh trên.

Như đã phân tích ở “Mục 5.2. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm”, năm 2020, theo kết quả kinh doanh hợp nhất, Tổng Công ty có sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu và lợi nhuận gộp với mức tăng trưởng lần lượt đạt 24,7% và 56,2% so với cùng kỳ 2019. Lợi nhuận gộp đạt mức tăng trưởng cao hơn doanh thu thuần do (i) sự cải thiện biên lợi nhuận ở tất cả các mảng kinh doanh và (ii) sự tăng dần tỷ trọng ở lĩnh vực cho thuê hạ tầng là lĩnh vực có biên lợi nhuận gộp tốt nhất trong các nhóm ngành của Tổng Công ty. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty đạt 274 tỷ đồng, tăng 45,1% so với năm 2019. Kết quả hoạt động tiếp tục duy trì sự tăng trưởng tích cực sang 09 tháng đầu năm 2021 khi doanh thu thuần

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

và lợi nhuận sau thuế theo số liệu hợp nhất lần lượt đạt 5.464 tỷ đồng (tăng 29% so với cùng kỳ, đạt 82,8% kế hoạch toàn năm 2021) và 245 tỷ đồng (tăng 45,8% so với cùng kỳ, đạt 88,9% kế hoạch toàn năm 2021).

**6.1.2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2019 - 2020 của Tổng Công ty**

➤ Tại BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019 của Tổng Công ty, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra lưu ý về vấn đề cần nhấn mạnh, cụ thể như sau:

***“Vấn đề cần nhấn mạnh***

*Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh 20 của Báo cáo tài chính riêng, theo đó Tổng Công ty đã không tiếp tục thực hiện chính sách trích lập dự phòng bảo hành công trình đối với công trình viễn thông (3% tính trên doanh thu) bắt đầu từ năm 2019 để báo cáo tài chính phù hợp với thực tế.*

*Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.”*

➤ Tại BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019 của Tổng Công ty, đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC đã đưa ra lưu ý về vấn đề cần nhấn mạnh, cụ thể như sau:

***“Vấn đề cần nhấn mạnh***

*Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến Thuyết minh 19 của Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó Tổng Công ty đã không tiếp tục thực hiện chính sách trích lập dự phòng bảo hành công trình đối với công trình viễn thông (3% tính trên doanh thu) bắt đầu từ năm 2019 để báo cáo tài chính phù hợp với thực tế.*

*Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc đến khoản phải thu thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con tại Tanzania đã tạm nộp tại nước sở tại được trình bày tại Thuyết minh số 6. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty con vẫn đang tiếp tục làm việc với cơ quan thuế sở tại để quyết toán khoản thuế này. Do đó, số thuế phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức của cơ quan thuế Tanzania.*

*Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.”*

Liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh về chính sách trích lập dự phòng bảo hành công trình đối với công trình viễn thông, từ năm 2019, Tổng Công ty xác định không phát sinh các khoản chi phí liên quan đến bảo hành, bảo dưỡng công trình xây lắp viễn thông, do đó, Tổng Công ty không tiếp tục trích lập dự phòng bảo hành công trình viễn thông (3% tính trên doanh thu) để báo cáo tài chính phản ánh phù hợp với thực tế. Thực tế trong giai đoạn từ năm 2015 – 2018 Tổng Công ty đều hoàn nhập 100% các khoản dự phòng đã trích lập theo số liệu chi tiết tại bảng dưới đây:

Bảng 17: Tình hình trích lập dự phòng bảo hành công trình viễn thông giai đoạn 2015 – 2018

Đơn vị tính: đồng

Năm phát sinh	Số dự phòng bảo hành	Số hoàn nhập dự phòng	Chênh lệch
Năm 2015	28.127.416.514	28.127.416.514	-
Năm 2016	27.040.412.790	27.040.412.790	-
Năm 2017	17.941.348.055	17.941.348.055	-
Năm 2018	19.162.936.921	19.162.936.921	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>91.542.840.389</b>	<b>91.542.840.389</b>	-

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh về khoản phải thu thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con tại Tanzania đã tạm nộp tại nước sở tại được trình bày tại Thuyết minh số 6 BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2019, đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này, khoản thuế tạm nộp này đã được điều chỉnh bù trừ với khoản phạt thuế theo Biên bản quyết toán thuế năm 2018 và Biên bản kiểm toán năm 2018 với Cơ quan Doanh thu Tanzania – Tanzania Revenue Authority.

➢ Đối với BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty, ý kiến của đơn vị kiểm toán (Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) cho các báo cáo tài chính này là: “*đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (hợp nhất).*”

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo

### 6.2.1. Nhân tố thuận lợi

- **Năng lực tài chính mạnh mẽ, cấu trúc nguồn vốn an toàn:** Dòng tiền dồi dào từ các lĩnh vực hoạt động kinh doanh giúp Tổng Công ty có nguồn vốn kinh doanh ổn định để tài trợ cho các dự án đầu tư cho thuê hạ tầng đồng thời vẫn duy trì khả năng thanh toán tốt. Bên cạnh đó, việc duy trì tỷ lệ vay nợ thấp giúp Tổng Công ty đảm bảo cơ cấu vốn được giữ ở mức an toàn, đồng thời cũng là lợi thế để Tổng Công ty huy động vốn đầu tư cho các dự án thâm dụng vốn trong tương lai nhờ tận dụng tỷ lệ đòn bẩy vẫn ở mức thấp;
- **Ban lãnh đạo tâm huyết, dày dặn kinh nghiệm:** Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đều là những người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực thiết kế, xây dựng và

vận hành mạng viễn thông, đồng thời luôn chủ động nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư và phát triển các ngành nghề kinh doanh/sản phẩm dịch vụ mới nhằm mang lại lợi thế cạnh tranh cho Tổng Công ty trong từng giai đoạn phát triển của Viettel Construction.

- **Cơ chế, chính sách khuyến khích từ cơ quan nhà nước:** Cơ chế khuyến khích phát triển điện năng lượng mặt trời ở Việt Nam có hiệu lực từ tháng 05/2020 đã tạo điều kiện cho Tổng Công ty đẩy mạnh triển khai cung cấp các giải pháp về nguồn năng lượng sạch cho doanh nghiệp và các hộ gia đình.
- **Cơ hội tăng trưởng lớn từ việc triển khai mạng 5G:** Trong năm 2021, Tập đoàn Viettel đã có Giấy phép triển khai 5G tại 16 tỉnh, thành phố trên toàn quốc với công nghệ mạng 5G hiện đại nhất và dự kiến sẽ triển khai kinh doanh thương mại mạng 5G từ năm 2022. Là đơn vị xây dựng các cơ sở hạ tầng viễn thông cho Tập đoàn Viettel, Tổng Công ty sẽ được hưởng lợi lớn từ việc thúc đẩy đầu tư, xây dựng các trạm viễn thông, điểm phát sóng (base station) mới để tăng mật độ mạng 5G, đạt được vùng phủ sóng địa lý tương tự như mạng 4G hiện tại. Bên cạnh đó, việc triển khai 5G cũng sẽ đẩy mạnh xu hướng chia sẻ hạ tầng và sử dụng hạ tầng cho thuê từ các đơn vị vận hành trạm viễn thông độc lập như Viettel Construction. Theo Hiệp hội Viễn thông Di động toàn cầu (GSMA), hạ tầng thụ động như trạm viễn thông là một trong những hạng mục chi phí lớn nhất trong quá trình chuyển đổi từ mạng 4G sang 5G, do đó việc thuê hạ tầng viễn thông sẽ tối ưu hóa chi phí đầu tư cho các nhà mạng và tập trung nguồn lực cho việc nâng cao chất lượng, trải nghiệm dịch vụ cho khách hàng.

#### **6.2.2. Nhân tố khó khăn**

- Dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát lần thứ tư vào tháng 05/2021 dẫn đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội nói chung và thị trường xây dựng nói riêng bị trầm lắng, đình trệ. Người tiêu dùng cũng bị cắt giảm thu nhập làm sụt giảm nhu cầu xây dựng tạo lập nhà ở;
- Tình hình bão lũ xảy ra liên tục trong các tháng cuối năm 2020 với 13 cơn bão mà chỉ riêng tháng 9, tháng 10 đã xảy ra 10 cơn bão và 3 trận lũ lụt nghiêm trọng tại các tỉnh miền Trung đã làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại các thị trường này;
- Việc xây lắp mới hạ tầng viễn thông trong nước tiếp tục giảm và chi tập trung phát triển các trạm nhỏ (RRU, Smallcell) do các nhà mạng chỉ tập trung bảo dưỡng, duy trì hạ tầng mạng lưới, chưa thương mại hóa mạng 5G.

### **7. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành**

#### **7.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

Trải qua quá trình 26 năm hình thành và phát triển, đến nay Viettel Construction đã vươn lên trở thành công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp, vận hành khai thác hạ tầng viễn thông và đầu tư hạ tầng viễn thông cho thuê. Cụ thể, Viettel Construction là đơn vị số một



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Việt Nam về khối lượng công trình, hạ tầng Viễn thông được xây dựng và lắp đặt kể từ thời điểm ngành viễn thông mới phát triển tại Việt Nam với nhiều thành tựu tiêu biểu như thi công 320.000 km cáp quang, chiếm 45% các tuyến cáp quang của Viettel trên toàn cầu; xây dựng 50.000 trạm phát sóng, đưa Viettel trở thành mạng di động có mạng lưới lớn nhất tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Tổng Công ty đã tiến hành lắp đặt hệ thống thiết bị 2G, 3G, 4G cho Viettel trong nước cũng như tại các thị trường nước ngoài ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ...

Với lĩnh vực vận hành khai thác, Viettel Construction hiện là đơn vị cung cấp dịch vụ có quy mô lớn nhất Việt Nam khi trực tiếp vận hành hạ tầng viễn thông của Tập đoàn Viettel (cả ở trong nước và nước ngoài). Tính đến tháng 06/2021, Viettel Construction đã triển khai vận hành khai thác mạng truy nhập của Viettel cho 62 tỉnh/Thành phố trên cả nước với số lượng vận hành 39.000 trạm BTS, 6 triệu đôi dây thuê bao và 35 tỉnh tại thị trường Cambodia (22 tỉnh), Myanmar (13 tỉnh). Bên cạnh đó, Viettel Construction cũng đẩy mạnh hoạt động vận hành mạng cáp quang cho các đơn vị bên ngoài Tập đoàn Viettel như 2.700 km cáp quang của CMC Telecom và 186 trạm viễn thông cho Công ty NTD tại Myanmar. Để đạt được những thành tựu này có sự đóng góp không nhỏ của đội ngũ nhân sự với hơn 10.000 người có trình độ cao và tinh thông tay nghề trải rộng khắp 63 tỉnh/thành phố và tại 05 thị trường nước ngoài.

Với lĩnh vực Hạ tầng cho thuê, Viettel Construction đặt mục tiêu chuyển dịch từ đơn vị xây lắp và vận hành khai thác viễn thông thành nhà đầu tư và cho thuê hạ tầng viễn thông số một Việt Nam vào năm 2025. Với kinh nghiệm lâu năm trong việc xây dựng và vận hành hạ tầng viễn thông, Viettel Construction am hiểu kỹ thuật, cách thức tổ chức, quản lý điều hành với bộ máy vận hành sẵn có lành nghề tại 63 tỉnh/thành phố. Hiện tại, cả 3 nhà mạng là Viettel, VNPT và MobiFone đều có mạng lưới nhà trạm rộng khắp trên toàn quốc nhưng hầu như chưa cho thuê/chia sẻ hoặc không được thiết kế để phục vụ mục tiêu chia sẻ hạ tầng. Với xu thế các nhà mạng tiến tới phải chia sẻ hạ tầng để tối ưu chi phí, tăng hiệu quả đầu tư cùng với kinh nghiệm vận hành hạ tầng viễn thông nhiều năm trên 63 tỉnh/thành phố, Viettel Construction có cơ hội lớn để mở rộng trong lĩnh vực này. Với việc tập trung đẩy mạnh các dự án đầu tư tài sản hạ tầng cho thuê, tính đến cuối tháng 07/2021, Viettel Construction đã sở hữu 1.360 trạm BTS, 2.600 km cáp quang treo, 4 tuyến cống bê tông, phủ sóng di động tòa nhà với 3 triệu m<sup>2</sup> DAS, theo đó vươn lên trở thành công ty towerco độc lập (công ty cho thuê trạm viễn thông thụ động) có số trạm lớn thứ hai thị trường, chỉ sau OCK Việt Nam.

**Bảng 18: Kết quả hoạt động năm 2020 của Tổng Công ty và một số doanh nghiệp cùng ngành**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	CTR	Lĩnh vực xây dựng				Lĩnh vực viễn thông & Giải pháp tích hợp			
			CTD	HBC	HTN	PHC	ELC	ICT	GLT	MFS
1	Vốn điều lệ	718	793	2.309	331	258	509	322	92	71

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Chi tiêu	CTR	Lĩnh vực xây dựng				Lĩnh vực viễn thông & Giải pháp tích hợp			
			CTD	HBC	HTN	PHC	ELC	ICT	GLT	MFS
2	Vốn chủ sở hữu	1.061	8.399	4.148	1.015	400	853	698	107	187
3	Tổng giá trị tài sản	3.879	14.157	15.552	5.542	2.031	1.498	2.161	160	301
4	Doanh thu thuần	6.359	14.558	11.225	4.552	1.537	802	1.583	136	710
5	Lợi nhuận sau thuế	274	335	84	357	10	31	68	28	31
6	LNST/Doanh thu thuần (%)	4,31	2,30	0,75	7,85	0,64	3,89	4,30	20,78	4,33
7	LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) (%)	28,44	3,97	2,06	40,86	2,28	3,72	9,82	27,75	16,67
8	LNST/Tổng tài sản bình quân (ROAA) (%)	8,67	2,20	0,52	6,64	0,44	2,14	3,12	19,45	10,42

*Nguồn: BTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel và BCTC kiểm toán hoặc BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020 các Công ty so sánh*

So sánh tương quan với một số doanh nghiệp cùng ngành trong cả 2 lĩnh vực xây dựng và lĩnh vực viễn thông & giải pháp tích hợp có thể thấy, với các Công ty có cùng quy mô vốn điều lệ và tổng tài sản, Tổng Công ty đạt được tỷ suất lợi nhuận ở mức cao.

## 7.2. Triển vọng phát triển ngành

### Triển vọng ngành xây dựng

Theo BMI, mảng xây dựng hạ tầng nhìn chung dự kiến có tăng trưởng thực thấp nhất trong ngành xây dựng trong 10 năm tới (5,7%/năm), chủ yếu do hạn chế trong huy động nguồn vốn đầu tư (Hình 6).

**Hình 7: Dự báo tăng trưởng xây dựng Hạ tầng Việt Nam**

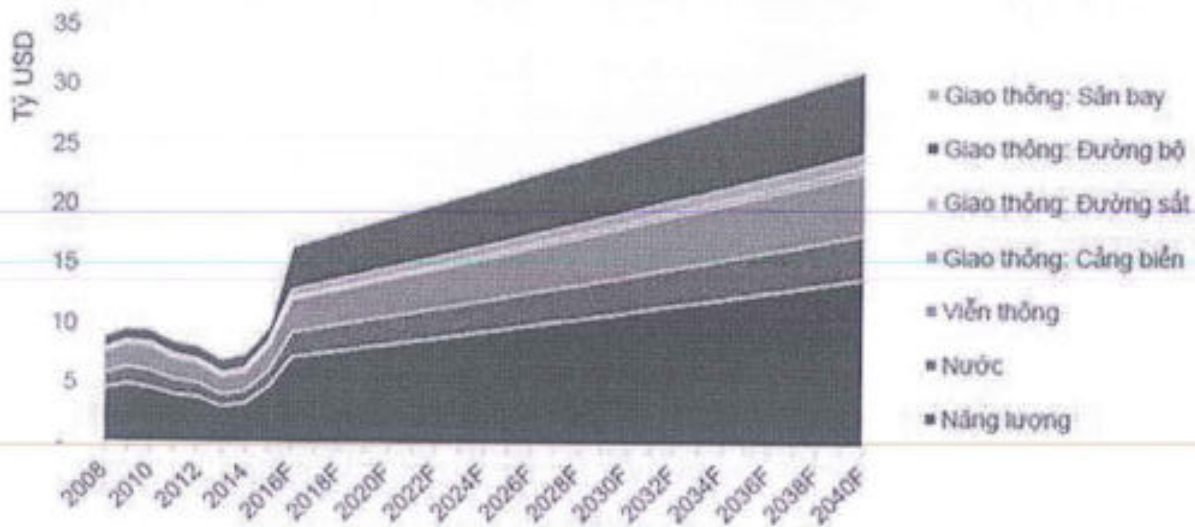


*Nguồn: BMI (2019)*

Nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng Việt Nam dự kiến đạt hơn 19 tỷ USD trong năm 2019, trong đó,

nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng cao nhất thuộc về lĩnh vực năng lượng (44%), tiếp đến là đường bộ (21%) và viễn thông (17%, tương đương 323 triệu USD) (xem Hình 7).

Hình 8: Dự báo nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng Việt Nam



Nguồn: GIH

Các dự báo này cho thấy tuy xây lắp viễn thông có tốc độ tăng trưởng chậm lại so với giai đoạn trước nhưng vẫn tăng ổn định ở mức 5 - 6%. Do vậy, cơ hội cho thị trường xây lắp viễn thông ngoài Tập đoàn Viettel vẫn hiện hữu đối với Viettel Construction. Các khách hàng chính của Viettel Construction tính đến 2025 trong lĩnh vực xây lắp hạ tầng viễn thông có thể là: Bộ Công An, FPT, Mobifone, Elcom, CMC và các dự án BOT.

Đối với lĩnh vực xây dựng dân dụng, nhu cầu nhà ở có thể được ước tính thông qua các yếu tố nhân khẩu học và nhu cầu thay thế khi nhà đã cũ/hỏng hoặc di chuyển. Hình 8 đưa ra dự báo về nhu cầu nhà ở mỗi năm theo quy mô dân số và quy mô hộ gia đình (ước tính 3,5 người/hộ năm 2019 và 3,17 người/hộ năm 2030). Theo đó, tổng nhu cầu nhà ở hàng năm cho tới năm 2030 là 691.710 căn nhà/năm. Giả định chỉ có tầng lớp trung lưu mới đủ khả năng để mua nhà ở khi có nhu cầu thì nhu cầu nhà ở có khả năng thanh toán sẽ bằng tỷ lệ tầng lớp trung lưu trong xã hội \* tổng nhu cầu nhà ở. Theo ước tính của Ngân hàng thế giới, trung bình mỗi năm Việt Nam có 1,5 triệu người gia nhập vào tầng lớp trung lưu. Với mức bình quân này, tạm tính đến năm 2020, tầng lớp trung lưu tại Việt Nam chiếm 19% dân số. Theo tính toán trên, nhu cầu có khả năng thanh toán về nhà ở sẽ vào khoảng 132.000 căn.

**Hình 9: Dự báo nhu cầu nhà ở tại Việt Nam**

<b>Nhu cầu từ các yếu tố nhân khẩu học dài hạn</b>	
Dân số 2019 (1)	96.208.084
Dân số 2030 (2)	104.163.000
Số người trong mỗi nhà 2019 (3)	3,50
Giả định: thay đổi số người trong mỗi căn nhà hàng năm	-0,03
Số người trong mỗi nhà 2030 (4)	3,17
Số căn nhà 2019 = (1) / (3)	27.488.024
Số căn nhà 2030 = (2) / (4)	32.858.991
Số căn nhà cần xây thêm 2019 – 2030	5.370.967
<b>Nhu cầu nhà ở xây mới hàng năm tới 2030</b>	<b>488.270</b>
<b>Nhu cầu thay thế hàng năm</b>	
Di chuyển	66.000
Thay thế vì cũ/hỏng	137.440
<b>Nhu cầu nhà ở thay thế hàng năm tới 2030</b>	<b>203.440</b>
<b>Tổng nhu cầu nhà ở hàng năm tới 2030</b>	<b>691.710</b>

*Nguồn: GSO, CIC, FPTIS ước tính*

Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, trong năm 2019, số lượng nhà ở được Cục Giám định nhà nước và chất lượng công trình xây dựng chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng là 83.499 căn (chung cư, nhà ở riêng lẻ, đất nền). So sánh số lượng nhà ở được xây dựng một năm với tổng nhu cầu nhà ở hàng năm ở trên có thể thấy nguồn cung chưa đáp ứng được nhu cầu thực có khả năng thanh toán về nhà ở (chỉ chiếm 63%). Phần còn lại với nhu cầu 48.500 ngôi nhà/năm chưa được thị trường đáp ứng. Đây là cơ hội rất lớn cho các công ty xây dựng có năng lực triển khai trên quy mô lớn vươn lên chiếm lĩnh thị trường, trong đó có Viettel Construction.

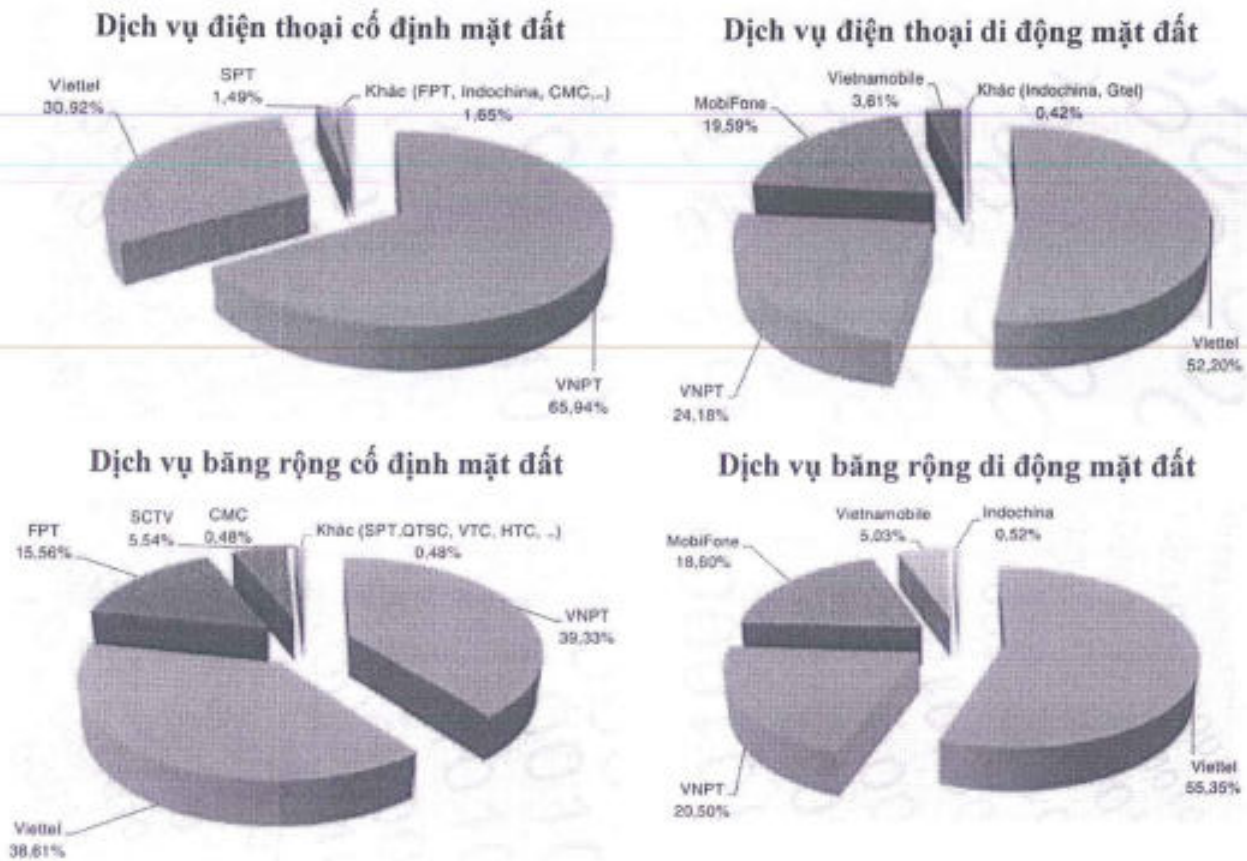
### **Triển vọng ngành vận hành khai thác**

Khách hàng ngành vận hành khai thác gồm các nhà mạng, các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình. Tính đến cuối năm 2019 toàn thị trường có 66 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cố định mặt đất, 61 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định, 3 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh, 6 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất, 4 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động vệ tinh và 1 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ di động hàng hải.

Quy mô toàn thị trường viễn thông đạt mốc 5,609 tỷ USD trong năm 2019. Thị trường được thống trị bởi các nhà mạng lớn, trong đó VNPT và Viettel dẫn đầu về dịch vụ điện thoại cố định mặt đất và dịch vụ băng rộng cố định mặt đất; ba nhà mạng dẫn đầu về thị phần thuê bao dịch vụ điện thoại di động mặt đất và dịch vụ băng rộng di động mặt đất lần lượt là Viettel, VNPT và Mobifone. Nhìn chung, thị phần thuê bao của các nhà mạng này chiếm hơn 90%

tổng số lượng thuê bao trong mỗi lĩnh vực. Riêng dịch vụ băng rộng cố định mặt đất còn có sự góp mặt của FPT với thị phần thuê bao là 15,56% (Hình 1, 2, 3, 4 dưới đây thể hiện chi tiết thị phần thuê bao của các nhà mạng đối với từng loại dịch vụ).

**Hình 10: Thị phần thuê bao các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại & băng rộng năm 2019**



*Nguồn: Sách trắng Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam 2020*

Hiện tại, nhu cầu về thuê ngoài hoạt động vận hành khai thác đang có xu hướng gia tăng. Các nhà cung cấp dịch vụ băng rộng cố định hiện đang chịu áp lực tối ưu chi phí vận hành nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh nên đã thúc đẩy nhu cầu thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ các hoạt động vận hành khai thác. Ngoài ra, thực hiện chủ trương của Nhà nước, các nhà mạng sẵn sàng tiến hành kiên cố hóa nhà trạm, ngầm hóa các loại dây truyền tải điện, cáp viễn thông tới các hộ tiêu dùng, dẫn tới nhu cầu thuê ngoài hoạt động vận hành khai thác.

Ngoài các nhà mạng, các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền cũng đang có xu hướng thuê ngoài hoạt động vận hành khai thác. Với việc thuê bao truyền hình giảm dần và tiệm cận ngưỡng bão hòa, doanh thu bình quân trên 1 đơn vị người dùng (ARPU) ngày càng giảm, việc thuê ngoài hoạt động này của các nhà cung cấp cũng phù hợp với xu hướng thị trường để tiết kiệm chi phí.

#### **Triển vọng ngành cho thuê hạ tầng**

Đầu tư hạ tầng (trạm viễn thông, DAS, Smallcell, hạ tầng truyền dẫn...) để cho thuê là một

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

xu hướng phát triển chung trên toàn thế giới. Những năm gần đây, TowerCo (công ty cho thuê trạm độc lập) là một ngành công nghiệp lớn có quy mô toàn cầu dự kiến đạt 146 tỷ USD vào năm 2025 với tốc độ tăng trưởng cao gấp 5 lần so với ngành viễn thông (18% so với 4,5%), trong đó châu Á được dự báo là khu vực có tốc độ tăng trưởng cao nhất. Theo Arthur D Little (2018), mức độ thâm nhập của TowerCo đã tăng từ 28% lên đến 67% năm 2018. Ở châu Á, các TowerCo sở hữu 2 trong số 3 triệu trạm viễn thông. Theo một báo cáo phân tích khác của TowerXchange, tỷ lệ sở hữu trạm viễn thông của các nhà khai thác mạng di động thế giới giảm mạnh từ mức gần 100% trước năm 1990 xuống còn 30% trong năm 2019.

Nhu cầu thuê hạ tầng từ các TowerCo của các nhà mạng tăng vì các lý do chính sau:

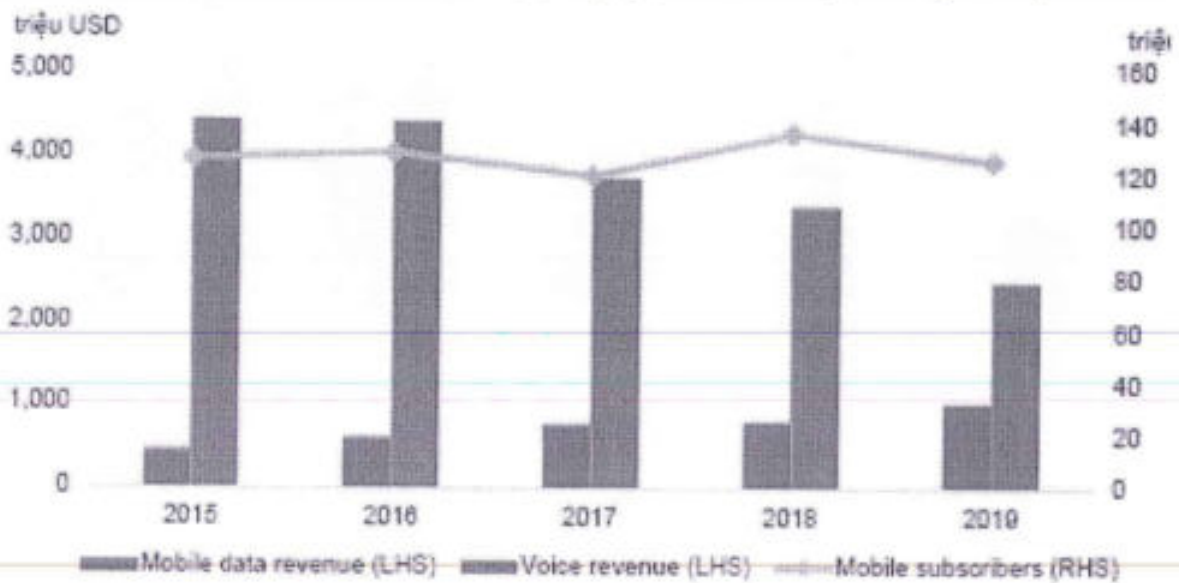
- Nhu cầu về lưu lượng sử dụng dữ liệu dự kiến tăng cao, kéo theo sự gia tăng chi phí đầu tư hạ tầng thụ động (Smallcell, fiber backhaul, trung tâm dữ liệu...) trong khi các nhà mạng chưa có đủ nguồn lực hoặc để dành nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Sử dụng giải pháp thuê lại hạ tầng của TowerCo. sẽ giải quyết triệt để áp lực chi phí này.
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu chậm hơn tốc độ gia tăng chi phí gây áp lực lớn lên các chỉ số về biên lợi nhuận hoạt động khiến các nhà mạng đẩy nhanh hơn nữa quá trình tối ưu hóa chi phí qua việc chia sẻ hạ tầng (cạnh tranh về dịch vụ gia tăng thay vì cạnh tranh về hạ tầng).

Ngoài việc cho các nhà mạng thuê hạ tầng, các TowerCo. còn có cơ hội tăng trưởng do:

- Có cơ hội đa dạng hóa tập khách hàng, từ chỗ chỉ tập trung vào các nhà mạng, TowerCo. có thể chuyển sang cung cấp các giải pháp toàn diện về hạ tầng cho Chính phủ và ngành dịch vụ công ích (Utilities) như điện lực, phát thanh truyền hình v.v.
- Có cơ hội mở rộng sang các lĩnh vực mới giàu tiềm năng như mô hình NetCo - sở hữu và cung cấp dịch vụ trên hạ tầng chủ động (radio network, backhaul, core network..), mô hình wholesale - sở hữu tần số và hạ tầng mạng lưới, bán dung lượng truy cập cho các nhà mạng, hay Energy as service (EaaS).

Tại thị trường Việt Nam, triển vọng với nhu cầu hạ tầng cho thuê sẽ được thúc đẩy bởi tăng trưởng tiêu dùng dữ liệu (data). Theo Cục Viễn thông Việt Nam (VNTA), doanh thu dữ liệu di động của Việt Nam đã tăng gấp đôi, từ xấp xỉ 500 triệu USD năm 2015 lên 1 tỷ USD năm 2019 với tốc độ tăng trưởng kép bình quân hơn 20%/năm. Tổng lượng tiêu thụ dữ liệu di động tăng nhanh do giá dữ liệu di động giảm hơn 4 lần trong vài năm qua. Mạng xã hội, game trực tuyến, streaming video trực tuyến và cải tiến chất lượng video là những động lực chính cho sự tăng trưởng này.

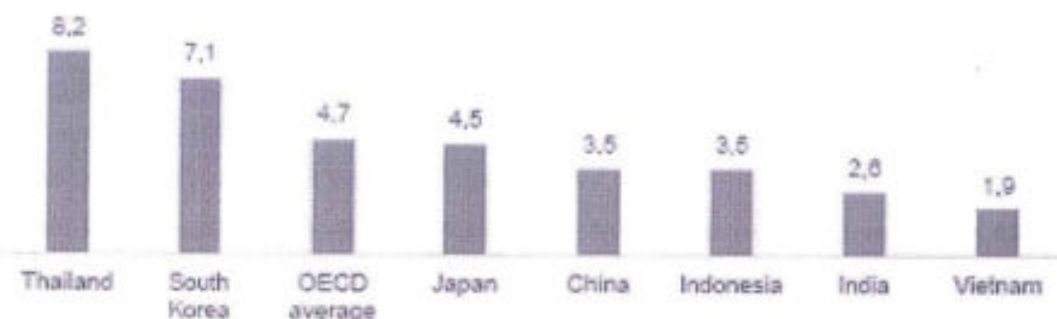
Hình 11: Thống kê doanh thu viễn thông di động chính của Việt Nam giai đoạn 2015 – 2019



Nguồn: Cục Viễn thông Việt Nam, VCSC

Mặc dù tốc độ tăng trưởng cao, tiêu dùng dữ liệu di động bình quân đầu người của Việt Nam vẫn thấp hơn các quốc gia khác cho thấy dư địa tăng trưởng vẫn cao trong thời gian tới. Theo Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), số thuê bao băng rộng di động có hoạt động chỉ chiếm 51% tổng số thuê bao di động tại Việt Nam năm 2019 so với Ấn Độ (57%), Trung Quốc (83%), Hàn Quốc (85%) và Singapore (100%). Trong khi đó, mức tiêu thụ dữ liệu di động hàng tháng/thuê bao của Việt Nam chỉ ở mức 1,9 GB năm 2018, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực (xem Hình 11). Đáng chú ý, 51% số thuê bao di động phát sinh tiêu thụ dữ liệu trong năm 2019 và 32% thuê bao vẫn sử dụng điện thoại thông thường (feature phone) tính đến cuối Quý II/2020, theo Bộ Thông tin và Truyền thông (MIC). Hơn nữa, theo MIC, doanh thu dữ liệu chỉ chiếm 23% doanh thu di động trong năm 20219, thấp hơn trung bình toàn cầu là 43%.

Hình 12: Mức tiêu thụ dữ liệu di động trên mỗi thuê bao của Việt Nam so với các quốc gia khác



Nguồn: JPMorgan, VCSC

Hình 13: Tỷ lệ thuê bao di động của Việt Nam phát sinh doanh thu dữ liệu



Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền Thông, VCSC

Đối với một hạ tầng quan trọng khác trong lĩnh vực khác là hệ thống truyền dẫn, thống kê quy mô toàn thị trường cho thấy giai đoạn 2019 - 2021 có khoảng 1.700 km cáp ngầm được triển khai, trong đó 330 km là cáp đô thị. Chủ trương ngầm hóa các loại dây truyền tải điện, cáp viễn thông tới các hộ tiêu dùng sẽ tạo điều kiện tăng trưởng thị phần cho thuê cho các doanh nghiệp có hạ tầng cáp ngầm ở những khu vực tập trung dân cư và tọa lạc tại các vị trí quan trọng như Viettel Construction.

Mảng cho thuê hệ thống phủ sóng di động tòa nhà (IBS, DAS) cũng là một thị trường ngách đáng chú ý trong lĩnh vực cho thuê hạ tầng. Theo ước tính của Viettel Construction, doanh thu cho thuê một hệ thống IBS (dùng để cho các nhà mạng thuê phát sóng) trung bình khoảng 1.100 đồng/m<sup>2</sup> trên mặt bằng khu đô thị/tòa nhà. Hiện nay toàn thị trường có khoảng 43.300 vị trí đặt IBS (một tòa nhà tương đương 1 vị trí đặt IBS) với tổng diện tích mặt bằng xấp xỉ 90 triệu m<sup>2</sup>, theo đó tổng quy mô của thị trường đạt khoảng 99 tỉ đồng. Trong những năm gần đây, mỗi năm có thêm khoảng hơn 10 triệu m<sup>2</sup> mặt sàn xây dựng, như vậy đến năm 2025 sẽ có khoảng 140 - 150 triệu m<sup>2</sup> mặt sàn xây dựng. Cùng với những hệ thống cũ phải thay thế và đổi mới, dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của thị trường IBS/DAS đạt khoảng 15% và tổng quy mô thị trường sẽ đạt khoảng 199 tỉ đồng vào năm 2025. Đây là một thị trường khá tiềm năng dù quy mô chỉ ở mức vừa phải, Viettel Construction hoàn toàn có thể chủ động chiếm lĩnh thị trường xây mới trong khi vận động mua lại các hệ thống DAS có sẵn của các đối tác trên thị trường.

### Ngành giải pháp tích hợp

Nhu cầu về dịch vụ giải pháp tích hợp gắn liền với sự phát triển của thị trường bất động sản, xây dựng và số lượng doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế.

Hoạt động thiết kế triển khai cơ điện tòa nhà (M&E) và giải pháp thông minh (Smart Solution) được hưởng lợi từ môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi khi Việt Nam có tốc độ đô thị hoá cao, dự báo đến 2050 sẽ đạt 54%, cao hơn hầu hết các nước đang phát triển. Với tốc độ đô thị hoá cao cùng với có mức tăng trưởng dự báo của ngành xây dựng, bất động sản đạt 7%/năm trong giai đoạn 2020 - 2025, hàng năm sẽ có khoảng 85.000 căn hộ nhà ở, hơn 5.000 căn hộ du lịch, 3.000 biệt thự du lịch và hơn 4.000 officetel được đưa vào sử dụng tạo ra một



thị trường rộng lớn về hệ thống cơ điện toà nhà và giải pháp thông minh. Theo ước tính của Viettel Construction, trong một dự án công trình lớn, phần M&E thường chiếm khoảng 30-50% tổng khối lượng thi công.

Dịch vụ thiết kế, cài đặt, và quản lý hệ thống ICT cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) cũng là một thị trường còn nhiều dư địa để khai thác. Theo số liệu công bố từ Tổng Cục thống kê, tính đến cuối năm 2018, cả nước có gần 715.000 doanh nghiệp trong đó 98% là SMEs. Liên tục trong ba năm 2016 - 2018, mỗi năm có hơn 100.000 doanh nghiệp đăng ký mới. Riêng trong cả năm 2018, có hơn 130.000 doanh nghiệp đăng ký mới. Với kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, Việt Nam đang đứng thứ 46 trong số 60 quốc gia có sự chuyển đổi kỹ thuật số nhanh và đứng ở vị trí thứ 22 trong các quốc gia phát triển kinh tế kỹ thuật số trên thế giới. Nhu cầu đổi mới công nghệ áp dụng hệ thống sản xuất thông minh (để đẩy mạnh năng lực sản xuất) cùng với nhu cầu chuyển đổi số khiến hệ thống thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của các doanh nghiệp. Tuy nhiên việc tự thiết lập và vận hành mạng lưới ICT (IT service, Operator network service, Security service) sẽ tốn kém rất nhiều chi phí và không hiệu quả về mặt quy mô cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Vì vậy, nhu cầu thiết kế, triển khai hệ thống và quản lý mạng ICT đối với các doanh nghiệp nói chung và SMEs nói riêng được dự báo sẽ có sự tăng trưởng mạnh trong thời gian tới.

Đối với lĩnh vực cung cấp thiết bị và lắp đặt cho các dự án năng lượng mặt trời áp mái, Việt Nam là một trong những quốc gia có ánh nắng mặt trời nhiều nhất trong biểu đồ bức xạ mặt trời thế giới. Tại các tỉnh Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, số giờ nắng có thể đạt từ 2.000 – 2.600 giờ/năm; bức xạ mặt trời trung bình 150 kcal/m<sup>2</sup>, chiếm khoảng 2.000 – 5.000 giờ/năm. Các chuyên gia đánh giá rằng, thị trường điện mặt trời tại Việt Nam đang rất hấp dẫn do nhu cầu lớn trong khi nguồn cung chưa đáp ứng đủ. Hơn nữa, giá thiết bị điện mặt trời đang ngày càng rẻ (giá tấm pin điện mặt trời giảm từ 3-4 USD/Wp cách đây 5 năm xuống còn khoảng 0,5 USD/Wp). Theo đó, với mức đầu tư từ 50 triệu đồng, các hộ gia đình có thể trang bị hệ thống điện mặt trời không những đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt gia đình mà nếu dư thừa có thể bán lại cho EVN. Điều này đã kích thích nhu cầu đầu tư hệ thống điện mặt trời của các hộ gia đình, đặc biệt ở những vùng có nhiều ánh nắng mặt trời. Việc xã hội hóa đầu tư phát triển năng lượng mặt trời là cơ hội lớn để Viettel Construction có thể mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng nguồn thu từ lĩnh vực này.

### **7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới**

#### **Ngành xây dựng**

Ngành xây dựng là một ngành quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống của nhân dân. Với những đóng góp to lớn trong việc giải quyết hàng triệu lao động trong ngành cùng sự thành công, khẳng định vị trí trên thị trường trong nước và quốc tế, ngành xây dựng Việt Nam đã dần từng bước khẳng định là một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Đóng góp vào công cuộc phát triển chung của đất

753  
CÔNG  
HÀNH  
TRÌNH  
TEL  
P. HÀ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

nước, Viettel Construction đã không ngừng đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng viễn thông và xây dựng dân dụng, được thể hiện qua số liệu doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng trưởng qua các năm. Trong 05 năm tới, Tổng Công ty định hướng sẽ tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng ổn định trong lĩnh vực này.

**Ngành cho thuê hạ tầng**

Chỉ thị số 52/CT-BTTTT do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 11/11/2019 yêu cầu các doanh nghiệp viễn thông tăng cường chia sẻ hạ tầng. Theo nội dung Chỉ thị, mục tiêu của Chính Phủ là (i) để tăng cường hiệu quả lợi nhuận trên vốn của các doanh nghiệp viễn thông đồng thời (ii) làm giảm tác động tiêu cực của trạm viễn thông đối với cảnh quan và môi trường. Quan trọng hơn, Chỉ thị đã đưa ra một khuôn khổ thực thi khi yêu cầu các Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh, các tổ chức Chính phủ và các bên liên quan lập kế hoạch và đánh giá lại các hoạt động chia sẻ hạ tầng của các doanh nghiệp viễn thông ở mỗi tỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Điều này sẽ làm thúc đẩy tỷ lệ thuê chung các hạ tầng viễn thông mà Viettel Construction đang sở hữu cũng như cho thấy rằng mục tiêu chiến lược chuyển dần từ nhà thầu xây lắp thuần túy sang nhà thầu cung cấp dịch vụ hạ tầng cho thuê của Tổng Công ty là hoàn toàn phù hợp với các định hướng, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực viễn thông.

**Ngành vận hành khai thác**

Như đã phân tích tại Mục “Triển vọng phát triển ngành” nêu trên, thực hiện chủ trương của Nhà nước, các nhà mạng sẵn sàng tiến hành kiên cố hóa nhà trạm, ngầm hóa các loại dây truyền tải điện, cáp viễn thông tới các hộ tiêu dùng, dẫn tới nhu cầu thuê ngoài hoạt động vận hành khai thác nhằm tiết giảm chi phí vận hành khai thác và tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng dịch vụ cho người tiêu dùng. Như vậy có thể thấy, xu hướng đẩy mạnh thuê ngoài dịch vụ vận hành khai thác, một trong các trụ kinh doanh chính của Tổng Công ty là xu thế phát triển chung của thị trường viễn thông và phù hợp với định hướng, chủ trương của Nhà nước.

**Ngành giải pháp tích hợp**

Đối với quốc gia đang phát triển như Việt Nam, nhu cầu về năng lượng nói chung, điện nói riêng sẽ không ngừng gia tăng. Xét thấy tầm quan trọng của ngành điện nói chung và điện tái tạo như năng lượng mặt trời nói riêng, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia cho cả giai đoạn 2011 – 2020 có xét đến năm 2030. Năm 2016, Quy hoạch này đã được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn phát triển của đất nước và sẽ tiếp tục được điều chỉnh trong thời gian tới. Điều này cho thấy việc phát triển ngành điện nói chung và năng lượng mặt trời nói riêng rất được Chính phủ coi trọng. Trên thế giới, việc phát triển năng lượng tái tạo, trong đó có năng lượng mặt trời cũng là xu hướng chung được ưu tiên. Do vậy, Tổng Công ty cho rằng, trong tương lai, định hướng tiếp tục phát triển lĩnh vực đầu tư, thi công lắp đặt và cung cấp thiết bị cho các dự án năng lượng mặt trời của Tổng Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành điện và xu hướng phát triển của đất nước.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh phát triển các dịch vụ/sản phẩm giải pháp tích hợp khác với hàm lượng công nghệ cao như giải pháp công trình/tòa nhà thông minh, thiết bị thông minh cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, đặc biệt khi Việt Nam đang tích cực triển khai chuyển đổi số, tận dụng những lợi thế từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) để thúc đẩy, tạo bứt phá tăng trưởng nhờ chuyển đổi số toàn diện và đổi mới sáng tạo, hướng tới khát vọng đưa Việt Nam trở thành quốc gia hùng cường, thịnh vượng, thuộc nhóm các nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2035 và đến năm 2045 trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh CMCN 4.0 và sự phát triển của công nghệ số đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu, ngày càng trở thành nhân tố quyết định đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia, Đảng và Nhà nước đã xác định ngành Công nghệ thông tin & Truyền thông là một trong những ngành quan trọng, có tính sẵn sàng cao trong tham gia cuộc CMCN 4.0, là động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**8. Các chính sách đối với người lao động**

**8.1. Số lượng và cơ cấu lao động**

Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm lập Bản Cáo Bạch này là 10.308 người. Cơ cấu lao động chi tiết như sau:

**Bảng 19: Tình hình lao động của Công ty**

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Phân theo phòng ban</b>	<b>10.308</b>	
1	Hội đồng quản trị	5	0,05%
2	Ban Kiểm soát	3	0,03%
3	Ban Tổng Giám đốc	6	0,06%
4	Khối cơ quan (gồm 12 Phòng)	229	2,22%
5	Khối kinh doanh (gồm 09 Trung tâm)	443	4,30%
6	Chi nhánh kỹ thuật tại 63 tỉnh/thành phố	9.526	92,41%
7	Các Công ty con tại nước ngoài (05 nước)	98	0,95%
<b>II</b>	<b>Phân theo trình độ</b>	<b>10.308</b>	
1	Trình độ trên Đại học	94	0,91%
2	Trình độ Đại học	4.328	41,99%
3	Trình độ Cao đẳng	3.049	29,58%
4	Trình độ trung cấp	2.081	20,19%
5	Dưới trung cấp	756	7,33%



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Cơ cấu lao động	Tổng số	Tỷ lệ (%)
<b>III</b>	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>	<b>10.308</b>	
1	Sỹ quan	33	0,32%
2	Quân nhân chuyên nghiệp	146	1,42%
3	Công nhân viên Quốc phòng	57	0,55%
4	Hợp đồng lao động thời hạn 01 – 03 năm	4.407	42,75%
5	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	5.213	50,57%
6	Hợp đồng thử việc	452	4,38%
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.308</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**8.2. Các chính sách đối với người lao động**

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Tổng Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi, có chuyên môn cao lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược của Tổng Công ty.

♦ **Chế độ, điều kiện làm việc, chính sách phúc lợi chung**

Tổng Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần (đối với Khối Hành chính – Văn phòng). Với cam kết xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, Tổng Công ty đã bố trí văn phòng làm việc cho cán bộ nhân viên thuận tiện trong thực hiện công việc, được cấp phát các phương tiện và trang thiết bị làm việc hiện đại, 100% nhân sự kỹ thuật khi tham gia lao động được đào tạo an toàn lao động, trang bị đầy đủ công cụ dụng cụ, bảo hộ lao động, giày nhựa đi mưa, áo mưa, mũ bảo hiểm,... đảm bảo hoàn thành công việc ở mức cao nhất.

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng luôn đảm bảo để người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Pháp luật như: chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương, ốm đau, thai sản, hưu trí, trợ cấp thôi việc, ....

♦ **Chính sách tuyển dụng**

Việc tuyển dụng, đánh giá nhân sự tại Viettel Construction luôn thống nhất theo đúng quy trình, quy chế và chiến lược sản xuất kinh doanh đã được ban hành, lấy 06 phẩm chất của người Viettel Construction sau làm kim chỉ nam để tuyển chọn, đánh giá, giao nhiệm vụ nhân sự: Tâm thế tốt nhất; Kỹ luật nghiêm nhất; Tri thức tốt nhất; Thích ứng nhanh nhất; Thực thi tốt nhất; Hiệu quả cao nhất. Thông tin tuyển dụng của Viettel Construction luôn được công khai trên các trang web của Tổng Công ty (<https://viettelconstruction.com.vn/tuyen-dung/>) hay những đối tác lớn về tuyển dụng như: CareerBuilder; Vietnamwork; Vieclam24h.

Viettel Construction đã thực hiện quy hoạch lực lượng lao động theo hướng công nghệ, chuyển dịch số, định hướng khách hàng; tăng cường tuyển dụng nhân sự Key, lao động chất

lượng cao, có năng suất lao động cao; sinh viên xuất sắc, có chứng chỉ quốc tế, chứng chỉ hành nghề để nâng tầm, tạo lợi thế cạnh tranh... đồng thời đánh giá thải loại các nhân sự có tâm thế không tốt, năng suất lao động yếu kém để nâng cao chất lượng nhân sự, tạo sự cạnh tranh lành mạnh. Cụ thể, Tổng Công ty đã xây dựng tiêu chuẩn, yêu cầu về trình độ, chuyên ngành, tiêu chuẩn chứng chỉ, chuyên môn đến từng chức danh công việc rất cụ thể, chi tiết; quy hoạch các vị trí trọng yếu, vị trí Key để có các chính sách tuyển dụng, thu hút và kế hoạch phát triển phù hợp. Hàng năm, để đảm bảo tốc độ tăng trưởng bền vững, thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh, Tổng công ty đã tuyển dụng hàng nghìn nhân sự chất lượng cao, tâm thế tốt; đặc biệt là tuyển cho các ngành nghề mới đảm bảo đúng tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng, góp phần vào việc hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong các năm qua.

Tại Viettel Construction, người khuyết tật được quyền tham gia ứng tuyển các vị trí công việc phù hợp với sức khỏe theo quy định của pháp luật và quy định của Tổng Công ty. Không phân biệt giới tính, tôn giáo, tín ngưỡng trong việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại Tổng Công ty.

♦ **Chính sách lương, thưởng**

Nhằm thu hút, gìn giữ nhân tài, tạo động lực để người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, Tổng Công ty có chính sách lương tiên tiến, đặc biệt cạnh tranh đối với những nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, đảm bảo cao hơn thị trường từ 15 - 20% cùng chức danh; đồng thời nghiên cứu các chính sách giữ chân nhân tài phù hợp với đặc điểm của từng nhóm ngành, lĩnh vực và từng đối tượng thay vì chính sách định vị chung toàn hệ thống, quy hoạch đối tượng cần thu hút, gìn giữ theo chiến lược phát triển chung, cụ thể:

- Đối với lao động gián tiếp: Áp dụng cơ chế lương HAY - là phương pháp trả lương tiên tiến, hiệu quả, đã được áp dụng trên 10.000 doanh nghiệp tại hơn 90 quốc gia trên thế giới. Theo cơ chế này, người lao động được trả lương dựa trên năng lực, mức độ đóng góp, hoàn thành trong công việc, đảm bảo hiệu quả cũng như công bằng nội bộ.
- Đối với lao động trực tiếp: Chi trả lương theo kết quả khoán hạ tầng mạng lưới, delta doanh thu tăng thêm, kích thích người lao động tăng năng suất lao động để tăng tiền lương, thu nhập.

Bên cạnh lương chi trả hàng tháng, Tổng công ty còn có chính sách thưởng quý, thưởng năm, thưởng đột xuất, quà cho những ngày lễ tết, nghỉ mát,... để ghi nhận nỗ lực, đóng góp của cán bộ nhân viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Mục tiêu của Tổng công ty là đảm bảo thu nhập của người lao động tăng 5% so với năm trước liền kề.

Ngoài chính sách lương thưởng đối với người lao động, Tổng công ty cũng thiết kế các gói phúc lợi hấp dẫn để giữ chân người lao động như: mua bảo hiểm nhân thọ cho cán bộ quản lý và nhân viên xuất sắc ngành dọc hàng năm; mua bảo hiểm toàn cầu cho CBCNV đi công tác

tại thị trường nước ngoài, phát hành cổ phiếu ESOP ...

♦ **Chính sách đào tạo**

Tất cả nhân sự mới tuyển dụng đều được tham gia khóa đào tạo Hội nhập – Định hướng, đào tạo về an toàn, vệ sinh lao động. Đây là khóa học nhằm mục đích giúp cán bộ nhân viên mới hội nhập vào môi trường làm việc của Tổng Công ty, nắm được kiến thức cơ bản nhất về lịch sử hình thành và phát triển, văn hóa - triết lý kinh doanh của Tập đoàn Viettel và Tổng Công ty, nhận thức chính trị, chuẩn mực người Viettel, quy tắc ứng xử Viettel, mô hình tổ chức, nội quy lao động, các quy định về chế độ chính sách với cán bộ nhân viên và các nội dung khác theo quy định của Tổng Công ty.

Tổng Công ty đã thực hiện các giải pháp nhằm thu hút, gìn giữ nhóm nhân tài được quy hoạch, tập trung vào tuyển dụng, đào tạo, đào tạo nguồn, lộ trình công danh và chính sách đãi ngộ. Tổng Công ty xây dựng, theo dõi Talent Profile trên hệ thống quản lý nhân sự, xây dựng các chương trình đào tạo, phát triển phù hợp với từng nhóm nhân sự: nhóm Tinh hoa, nhóm Key, quản lý, nhóm thường xuyên có thành tích cao, nhóm gián tiếp/trực tiếp. Hàng năm có hàng nghìn giờ đào tạo được triển khai, hình thức rất đa dạng (trực tiếp, qua cầu, qua web đào tạo, best practist...), đã mang lại hiệu quả cao.

**9. Chính sách cổ tức**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT Công ty kiến nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Cổ tức được chia theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở đề nghị của HĐQT, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan. Tổng Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả;
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Tổng Công ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Tổng Công ty sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan đến một cổ phiếu.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của Tổng Công ty trong những năm gần đây như sau:

**Bảng 20: Tỷ lệ chi trả cổ tức của Tổng Công ty giai đoạn 2018 – 2020**

Năm	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu	Tình trạng
2018	10%/Mệnh giá	17,1%/số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Đã thực hiện
2019	10%/Mệnh giá	16%/số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Đã thực hiện

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

2020	10%/Mệnh giá	22,676%/số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Đã thực hiện
------	--------------	---	--------------

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**10. Tình hình hoạt động tài chính**

**10.1. Trích khấu hao tài sản cố định**

TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

**Bảng 21: Thời gian khấu hao tài sản cố định**

Nhà cửa vật kiến trúc	06 – 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
Phương tiện vận tải	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao
Phần mềm quản lý	03 năm

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

**Bảng 22: Thời gian khấu hao bất động sản đầu tư**

Hệ thống trạm BTS DAS	05 – 10 năm
Các tuyến ngầm hóa	06 – 10 năm

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**10.2. Mức lương bình quân người lao động**

Mức thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Tổng Công ty trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

**Bảng 23: Mức thu nhập bình quân CBCNV Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: đồng*

	2019	2020	09 tháng đầu năm 2021
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	21.815.076	25.517.307	21.424.145

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Mức thu nhập bình quân này được Tổng Công ty đánh giá ở mức trung bình cao so với các doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành.

**10.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty luôn được thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay trong những năm qua. Tổng Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn chưa được dự phòng.

Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Tổng Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ.

Tổng Công ty cam kết rằng tính tới thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 01 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước. Tổng Công ty cam kết tuân thủ các quy định khác của pháp luật liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**10.4. Các khoản phải nộp theo luật định**

Theo Thông báo số 53707/CTHN-QLN ngày 10/12/2021 của Cục thuế TP. Hà Nội, tính đến ngày 10/12/2021, các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Tổng Công ty thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn.

Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định theo Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

**Bảng 24: Các loại thuế Tổng Công ty phải nộp giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	25.582	18.279	26.119	32.149	27.708	36.379
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.981	17.715	22.159	26.503	25.547	32.907
3	Thuế thu nhập cá nhân	31.383	62.252	18.935	31.427	62.865	19.749



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
4	Các loại thuế khác	-	-	-	5.629	1.232	8.742
5	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	13	1.335	1.317
	<b>Tổng cộng</b>	<b>75.946</b>	<b>98.246</b>	<b>67.213</b>	<b>95.720</b>	<b>118.686</b>	<b>99.094</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

### 10.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Tổng Công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHĐCĐ.

**Bảng 25: Tình hình trích lập các quỹ giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	25.638	18.368	42.585	25.728	18.441	42.670
2	Quỹ đầu tư phát triển	48.685	48.685	-	48.685	48.685	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>74.323</b>	<b>67.053</b>	<b>42.585</b>	<b>74.413</b>	<b>67.126</b>	<b>42.670</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

### 10.6. Tổng dư nợ vay

**Bảng 26: Số dư các khoản vay của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
I	Vay ngắn hạn	-	29.750	12.915	-	29.750	12.915

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình (1)	-	-	-	-	-	-
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (2)	-	29.750	12.915	-	29.750	12.915
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	-	<b>17.551</b>	<b>143.193</b>	-	<b>17.551</b>	<b>143.193</b>
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công (2)	-	37.126	32.769	-	37.126	32.769
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (3)	-	10.175	87.274	-	10.175	87.274
3	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng (4)	-	-	36.066	-	-	36.066
3	Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(29.750)	(12.915)	-	(29.750)	(12.915)
	<b>Tổng cộng</b>	-	<b>47.301</b>	<b>156.109</b>	-	<b>47.301</b>	<b>156.109</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

(1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 163/2021-HĐCVHM/NHCT12-VCC ngày 22/06/2021 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình và Tổng Công ty, hạn mức tín dụng 200 tỷ đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 22/06/2022, lãi suất được quy định trong từng Giấy nhận nợ. Tài sản bảo đảm khoản vay là Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình được quy định trong Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 136/2021/HĐBĐ/NHCT124-CTVT ngày 04/06/2021. Gốc vay tại ngày 30/09/2021 là 0 đồng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(2) Hợp đồng tín dụng số 01/20/CTD/9569696 ngày 18/08/2020 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công và Tổng Công ty, hạn mức tín dụng 255 tỷ đồng. Mục đích vay để đầu tư thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020 (Quy mô 945 nhà trạm và hệ thống nguồn tại 63 tỉnh/thành

phổ)". Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày nhận nợ vốn vay đầu tiên, lãi suất cho vay 7%/năm. Tài sản bảo đảm là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án và quyền đòi nợ/quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ các hợp đồng cho thuê trạm BTS, hàng tồn kho luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp số 01/9565696/HĐTC MMTB/2020. Gốc vay tại ngày 30/09/2021 là 32.769.196.914 đồng, gốc vay phải trả từ ngày 30/09/2021 đến ngày 30/09/2022 là 12.915.379.537 đồng.

- (3) Hợp đồng tín dụng số VN120007487 ngày 16/11/2020 giữa Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty, hạn mức tín dụng là 169.015.000.000 đồng. Mục đích vay tài trợ Dự án “Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020”. Thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay bằng bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ (dành cho cá nhân) của các Ngân hàng quốc doanh + biên độ 0,8%/năm với kỳ điều chỉnh lãi suất 12 tháng. Tổng Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này. Gốc vay tại ngày 30/09/2021 là 87.273.665.708 đồng.
- (4) Hợp đồng tín dụng số SHBHNC/HĐTD/790500007879 ngày 26/05/2021 giữa Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng và Tổng Công ty, hạn mức tín dụng là 145.900.000.000 đồng. Mục đích vay tài trợ chi phí thực hiện Dự án “Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 – Dự án 1”. Thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay cố định trong suốt thời hạn vay là 6%/năm với kỳ điều chỉnh lãi suất 12 tháng. Tài sản bảo đảm là toàn bộ tài sản bao gồm nhưng không giới hạn bởi hệ thống hạ tầng cột thu phát sóng, hạ tầng nhà trạm, trang thiết bị, vật tư ... hình thành trong tương lai thuộc Dự án của Tổng Công ty được tài trợ bởi Ngân hàng. Gốc vay tại ngày 30/09/2021 là 36.065.659.622 đồng.

## 10.7. Tình hình công nợ hiện nay

### 10.7.1. Các khoản phải thu

**Bảng 27: Chi tiết các khoản phải thu của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>870.693</b>	<b>1.792.051</b>	<b>1.447.489</b>	<b>912.506</b>	<b>1.839.835</b>	<b>1.490.646</b>
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	607.822	1.138.159	955.553	606.684	1.150.218	956.839
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	107.938	97.066	91.210	107.938	97.222	89.240
	Phải thu ngắn hạn khác	157.619	558.621	402.117	200.570	594.190	445.958
	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.686)	(1.795)	(1.391)	(2.686)	(1.795)	(1.391)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
<b>II</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	Tổng Công ty không có các khoản phải thu dài hạn trong giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 trên cả BCTC riêng lẻ và BCTC hợp nhất					

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Số dư các khoản phải thu khó đòi (bao gồm các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi) giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

**Bảng 28: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Các khoản phải thu khó đòi	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Sư đoàn 367 – Quân chủng Phòng không Không quân	891	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	215	-	215	-	215	-
Ban dự án đường sắt đô thị Hà Nội	-	-	424	-	424	-
Các đối tượng khác	1.580	-	1.156	-	752	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.686</b>	<b>-</b>	<b>1.795</b>	<b>-</b>	<b>1.391</b>	<b>-</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 29: Chi tiết các khoản phải thu khó đòi của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

Các khoản phải thu khó đòi	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Sư đoàn 367 – Quân chủng Phòng không Không quân	891	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung	215	-	215	-	215	-
Ban dự án đường sắt đô thị	-	-	424	-	424	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Các khoản phải thu khó đòi	Năm 2019		Năm 2020		09 tháng đầu năm 2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Hà Nội						
Các đối tượng khác	1.580	-	1.156	-	752	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.686</b>	<b>-</b>	<b>1.795</b>	<b>-</b>	<b>1.391</b>	<b>-</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Tính đến thời điểm lập Bản Cáo bạch này, tất các khoản phải thu khó đòi đều được Tổng Công ty trích lập dự phòng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**10.7.2. Các khoản phải trả**

**Bảng 30: Chi tiết các khoản phải trả của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chi tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>1.473.597</b>	<b>2.571.088</b>	<b>2.257.905</b>	<b>1.576.576</b>	<b>2.800.689</b>	<b>2.468.441</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	219.163	655.621	298.469	253.475	704.252	315.734
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.252	177.266	64.287	32.852	298.820	178.394
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	75.946	98.246	67.213	95.720	118.686	99.094
4	Phải trả người lao động	556.276	578.649	885.021	556.276	592.277	911.401
5	Chi phí phải trả ngắn hạn (*)	487.288	885.372	718.499	504.505	901.651	738.103
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3.704	21.110	39.700	3.704	21.110	39.700
7	Phải trả ngắn hạn khác	88.331	106.706	129.215	104.315	115.701	130.429
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	29.750	12.915	-	29.750	12.915
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.638	18.368	42.585	25.728	18.441	42.670
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>17.551</b>	<b>143.193</b>	<b>-</b>	<b>17.551</b>	<b>143.193</b>
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	17.551	143.193	-	17.551	143.193
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.473.597</b>	<b>2.588.640</b>	<b>2.401.099</b>	<b>1.576.576</b>	<b>2.818.240</b>	<b>2.611.635</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

(\*) *Lưu ý:* Chi tiết chi phí phải trả ngắn hạn của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

**Bảng 31: Chi tiết chi phí phải trả ngắn hạn giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
1	Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông (i)	242.753	225.871	176.968	259.971	242.149	196.572
2	Trích trước chi phí vận hành khai thác (ii)	233.834	288.762	299.771	233.834	288.762	299.771
3	Trích trước chi phí hạ tầng cho thuê (iii)	10.701	370.710	241.715	10.701	370.710	241.715
4	Trích trước chi phí lãi vay phải trả	-	28	46	-	28	46
	<b>Tổng cộng</b>	<b>487.288</b>	<b>885.372</b>	<b>718.499</b>	<b>504.505</b>	<b>901.651</b>	<b>738.103</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

(i) Trích trước chi phí xây lắp công trình viễn thông:

- Nguyên tắc trích trước: Là khoản trích trước chi phí thi công, bảo dưỡng cho các công trình đã hoàn thành nghiệm thu quyết toán với chủ đầu tư nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ ghi nhận chi phí.
- Nguyên nhân trích trước: Hợp đồng xây lắp xây dựng các công trình viễn thông, công trình dân dụng đã lên doanh thu nhưng chưa tập hợp đầy đủ chứng từ ghi nhận chi phí để ghi nhận chi phí đầy đủ tại thời điểm cuối kỳ báo cáo phù hợp với doanh thu đã ghi nhận, Tổng Công ty tạm trích trước chi phí theo định mức giao khoán. Đối tượng trích là nhà thầu phụ và chi phí lương, chi phí khác tương ứng với định mức công trình.

(ii) Trích trước chi phí Vận hành khai thác:

- Nguyên tắc trích trước: Là khoản trích trước chi phí nhân công và các chi phí thuê ngoài khác được xác định theo khối lượng dịch vụ đối tác cung cấp và đã hoàn thành phục vụ công tác vận hành trạm BTS cho hoạt động vận hành khai thác mạng lưới viễn thông tại 62 Chi nhánh Viettel tỉnh.
- Nguyên nhân trích trước: Chi phí liên quan đến nhiều đối tác, gia cố, căng dây co, siết khóa cáp... thực hiện trong kỳ báo cáo theo từng tháng tại các tỉnh. Tại thời điểm hoàn thành công việc, Tổng Công ty và nhà thầu tạm ký biên bản tổng hợp sơ bộ khối lượng hoàn thành để xác nhận khối lượng công việc đã hoàn thành. Công tác điều hành trực tiếp việc quyết toán thuộc các Trung tâm kinh doanh, tuy nhiên trong thời gian đầu hồ sơ quyết toán cho nhà thầu chưa có hướng dẫn chi tiết, nhiều nhà thầu gửi

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

hồ sơ lên qua nhiều cấp phê duyệt nhưng vẫn chưa đúng quy định và bị từ chối mà chưa thống nhất hay hướng dẫn rõ cho đối tác thực hiện làm hồ sơ hoàn công quyết toán đúng dẫn đến việc quyết toán giai đoạn đầu không hiệu quả.

**(iii) Trích trước chi phí Hạ tầng cho thuê:**

- Nguyên tắc trích trước: Là khoản trích trước chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng viễn thông cho thuê đã nghiệm thu nhưng chưa tập hợp đủ chứng từ thanh toán.
- Nguyên nhân trích trước: Tài sản cố định đã hình thành từ xây dựng cơ bản và bắt đầu cho thuê mang lại doanh thu, tuy nhiên chi phí chưa tập hợp đầy đủ trên tài khoản “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”. Do đó, Tổng Công ty tạm tăng tài sản và trích trước chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Đối tượng trích theo từng dự án Hạ tầng cho thuê.

**10.8. Đầu tư tài chính**

**Bảng 32: Tình hình đầu tư tài chính của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
		31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	100.000	-	-	100.000
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	100.000	-	-	100.000
I	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	5.133	5.133	5.137	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	5.133	5.133	5.137	-	-	-

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 9 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**10.9. Hàng tồn kho**

**Bảng 33: Hàng tồn kho của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Công ty mẹ			Hợp nhất		
	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Hàng tồn kho	313.301	513.266	375.264	360.263	670.361	516.971
Hàng tồn kho	333.287	536.648	399.520	380.249	693.743	541.228
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.986)	(23.382)	(24.256)	(19.986)	(23.382)	(24.256)

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ và hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ và hợp nhất 09 tháng*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

*đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**10.10. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

**Bảng 34: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (riêng lẻ)**

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,36	1,09	1,18
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,15	0,89	1,01
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	63,36%	71,27%	67,21%
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	172,90%	248,06%	205,01%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	12,44	13,45	10,10
+ Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,17	2,01	1,35
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,06%	4,48%	4,96%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân ("ROAE")	%	24,81%	28,35%	21,85%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân ("ROAA")	%	8,81%	9,02%	6,72%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	4,66%	5,53%	6,17%

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 35: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (hợp nhất)**

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,35	1,09	1,17
+ Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	1,12	0,85	0,96
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020	09 tháng đầu năm 2021
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	64,52%	72,65%	68,73%
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	181,83%	265,66%	219,83%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/ Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	11,98	11,42	8,50
+ Vòng quay tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân)	Vòng	2,14	2,01	1,42
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,71%	4,31%	4,49%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân ("ROAE")	%	23,00%	28,44%	21,82%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân ("ROAA")	%	7,93%	8,67%	6,39%
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	4,36%	5,41%	5,71%

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán:** Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Tổng Công ty. Theo số liệu hợp nhất, hệ số thanh toán ngắn hạn suy giảm trong năm 2020 sau đó cải thiện nhẹ trong 09 tháng đầu năm 2021, tuy nhiên hệ số này vẫn được duy trì ở mức trên một (01) lần trong cả giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021, cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn của Tổng Công ty vẫn được đảm bảo.

**Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu vốn:** Hệ số nợ/ tổng tài sản của Tổng công ty theo số liệu hợp nhất tăng từ mức 64,52% trong năm 2019 lên 72,65% năm 2020, nhưng sau đó giảm còn 68,73% tại 30/09/2021. Tuy hệ số nợ/tổng tài sản của Tổng Công ty ở mức tương đối cao, nhưng phần lớn nợ phải trả đều là các khoản phải trả không chịu lãi suất, các khoản vay nợ chịu lãi suất (các khoản vay nợ ngân hàng) của Tổng Công ty chỉ chiếm không quá 4,1% tổng tài sản trong cả giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021.

**Nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động:** Các hệ số năng lực hoạt động của Tổng Công ty được duy trì ở mức cao, theo đó vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản đạt mức lần lượt là 11,42 lần và 2,01 lần trong năm 2020.

**Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:** Tất cả các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Tổng Công ty trong năm 2020 đều có sự cải thiện rõ nét so với cùng kỳ 2019. Cụ thể hệ số lợi nhuận/doanh thu thuần, hệ số ROA, ROE năm 2020 lần lượt đạt 4,31%, 28,44% và 8,67%, cao hơn đáng kể so với năm 2019 chỉ đạt lần lượt 3,71%, 23% và 7,93%. Các hệ số này cho

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

thấy khả năng kiểm soát chi phí hiệu quả đã góp phần cải thiện biên lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

**11. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng**

**11.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty**

**Bảng 36: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng Công ty**

STT	Họ và tên	Chức vụ
<b>I.</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Ông Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch
2	Ông Phạm Đình Trường	Thành viên
3	Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên
4	Ông Bùi Thế Hùng	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tất Trường	Thành viên
<b>II.</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Ông Ngô Quang Tuệ	Trưởng BKS
2	Ông Phạm Hồng Quân	Thành viên BKS
3	Bà Mai Thị Anh	Thành viên BKS
<b>III.</b>	<b>Ban Tổng giám đốc</b>	
1	Ông Phạm Đình Trường	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Bùi Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc
<b>IV.</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	
1	Ông Bùi Duy Bảo	Kế toán trưởng

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**11.2. Sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

**Ông Nguyễn Thanh Nam: Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Họ và tên : Nguyễn Thanh Nam  
 Giới tính : Nam  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Năm sinh : 1969  
 Số CMND/CCCD : 90035188; Ngày cấp: 25/01/2021; Nơi cấp: Bộ Quốc Phòng  
 Địa chỉ : Số 4 ngõ 25 Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
 Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư Vô tuyến điện tử và Thông tin liên lạc

**Quá trình công tác:**

- Từ 1990 - 1997: Giáo viên Bình chủng Thông tin liên lạc
- Từ 1997 - 2009: Giám đốc Công ty Truyền dẫn Viettel - Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
- Từ 2010 - 2014: Trưởng Phòng kế hoạch Tập đoàn Viễn thông Quân đội
- Từ 2014 - 2015: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
- Từ 2015 - 2017: Tổng Giám đốc Tổng CTCP Đầu tư quốc tế Viettel - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
- Từ 2017 - 2018: Tổng Giám đốc Viettel Myanmar - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
- Từ 2018 – 2021: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội
- Từ 2021 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao thông số Việt Nam; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Viettel - CHT; Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 10.124 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu (đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 36.608.163 cổ phần, chiếm 39,40% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này : 61.013.603 cổ phần, chiếm 65,66% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:

- Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Ông Nguyễn Thanh Nam là Phó Tổng Giám đốc): 61.013.603 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Được ĐHQĐ quyết định
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không

010  
 0000000000  
 CÔNG  
 CỔ  
 PHẦN  
 VIETTEL  
 ĐÌNH

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty: Không

**Ông Phạm Đình Trường: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc**

Họ và tên : Phạm Đình Trường

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 02/06/1979

Số CMND/CCCD : 051079000759; Ngày cấp: 15/03/2021; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ : Tổ dân phố số 13, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/04/2003 - 03/06/2007: Nhân viên tại các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Viettel

- Từ 01/07/2003 - 14/01/2004: Trưởng ban Kỹ thuật, Trung tâm Khu vực 3, Công ty điện thoại đường dài

- Từ 15/01/2004 - 03/06/2006: Phó Giám đốc, Trung tâm Khu vực 3, Công ty điện thoại đường dài

- Từ 04/06/2006 - 28/02/2007: Phó phòng Trung tâm Kỹ thuật HCM, Trung tâm Điều hành kỹ thuật, Công ty Viettel Telecom

- Từ 01/03/2007 - 16/09/2007: Trưởng phòng Vận hành khai thác, Trung tâm Điều hành kỹ thuật Khu vực 3, Công ty Viettel Telecom

- Từ 17/09/2007 - 31/01/2009: Phó Giám đốc Kỹ thuật Ban Điều hành Kỹ thuật Viễn thông Khu vực 3, Trung tâm Điều hành Kỹ thuật, Công ty Viettel Telecom

- Từ 01/02/2009 - 17/03/2010: Phó Giám đốc Trung tâm Điều hành Kỹ thuật Khu vực 3 Tổng Công ty Viễn thông Viettel

- Từ 18/03/2010 - 31/07/2013: Phó Giám đốc Công ty Mạng lưới Viettel

- Từ 01/08/2013 - 15/11/2015: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel

- Từ 16/11/2015 - 15/05/2016: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel

- Từ 16/05/2016 - 07/09/2016: Giám đốc Trung tâm Viettel huyện Hoàng Hóa, Viettel Thanh Hóa

- Từ 08/09/2016 - 31/03/2017: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Viễn thông Viettel

- Từ 01/04/2017 - 31/08/2018: Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel

- Từ 01/09/2018 - 18/10/2018: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Công trình Viettel

- Từ 19/10/2018 – 25/01/2019: Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Công trình Viettel

- Từ 25/01/2019 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 16.517 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu (đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 12.202.720 cổ phần, chiếm 13,13% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 186.610 cổ phần, chiếm 0,20% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:

- Đặng Thị Quỳnh – Vợ: 186.610 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty

Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty: Không

**Bà Nghiêm Phương Nhi: Thành viên Hội đồng quản trị**

Họ và tên : Nghiêm Phương Nhi

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 01/04/1979

Số CMND/CCCD : 90A092047484; Ngày cấp: 01/05/2010; Nơi cấp: Bộ Quốc phòng

Địa chỉ : P312 tổ 57A Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 07/2007 - 01/2008: Trợ lý Trung tâm đầu tư tài chính Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

- Từ 01/2008 - 06/2011: Trưởng bộ phận Đầu tư tài chính - Phòng đầu tư phát triển - Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

- Từ 06/2011- 05/2020: Trưởng Phòng/Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viễn thông Quân đội

- Từ 06/2020 - nay: Trưởng Phòng/Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel; Thành viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Bưu chính Viettel; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Phòng/Ban Đầu tư tài chính Tập đoàn Viễn thông Quân đội; Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này : 0 cổ phần

476  
 CỘNG HÒA  
 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
 VIỆT NAM  
 TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Được ĐHCĐ quyết định
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Bùi Thế Hùng: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	: Bùi Thế Hùng
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Ngày sinh	: 10/10/1974
Số CMND/CCCD	: 13011431; Ngày cấp: 15/08/2017; Nơi cấp: Tổng cục Chính trị
Địa chỉ	: B2108 Chung cư Imperia 203 Nguyễn Huy Tường, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị doanh nghiệp

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/10/2002 - 31/05/2004: Nhân viên Công ty Viễn thông Quân đội
  - Từ 01/06/2004 - 13/07/2006: Trưởng Phòng Kinh doanh Trung tâm Điện thoại cố định
  - Từ 14/07/2006 - 20/03/2007: Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Điện thoại Đường dài
  - Từ 21/03/2007 - 31/01/2009: Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Viettel Telecom
  - Từ 01/02/2009 - 23/10/2011: Trưởng Phòng Đầu tư Công ty Viễn thông Viettel
  - Từ 24/10/2011 - 14/08/2012: Trưởng Phòng Đầu tư Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 15/08/2012 - 31/07/2013: Giám đốc Trung tâm Điều hành phát triển hạ tầng Công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 01/08/2013 - 13/11/2014: Giám đốc Trung tâm Điều hành phát triển hạ tầng Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 14/11/2014 - 31/05/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 01/06/2016 - 28/02/2017: Giám đốc Trung tâm Hạ tầng Toàn cầu Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 01/03/2017 - 17/10/2018: Giám đốc Ban Quản lý Dự án Hạ tầng Viễn thông Tổng công ty Mạng lưới Viettel
  - Từ 25/04/2015 – 17/10/2018: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Công trình Viettel
  - Từ 17/10/2018 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này:	98.653 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ Tổng Công ty
Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này:	0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này:	0 cổ phần
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Nguyễn Tất Trường: Thành viên HĐQT**

Họ và tên	: Nguyễn Tất Trường
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Ngày sinh	: 1978
Số CMND/CCCD	: 023808174; Ngày cấp: 30/07/2008; Nơi cấp: CA TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ	: Khu Đô thị Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân CNTT

**Quá trình công tác:**

- Từ 06/2003 - 01/2009: Trưởng Phòng Kỹ thuật Trung tâm Điều hành Kỹ thuật Tổng công ty Viễn thông Viettel
- Từ 02/2009 - 03/2010: Trưởng Phòng Điều hành Viễn thông Trung tâm Điều hành Kỹ thuật Khu vực 3 Tổng công ty Viễn thông Viettel
- Từ 04/2010 - 05/2011: Trưởng Phòng Điều hành viễn thông Trung tâm Kỹ thuật khu vực 3 Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 05/2011 - 10/2011: Phó Phòng Điều hành Viễn thông Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 10/2011 - 04/2012: Trưởng Phòng Điều hành Viễn thông Trung tâm Điều hành khai thác Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 04/2012 - 10/2012: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 11/2012 - 12/2012: Trưởng Phòng Kế hoạch Tổng hợp Trung tâm Kỹ thuật toàn cầu Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 01/2013 - 10/2018: Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 10/2018 - 08/11/2021: Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel
- Từ 08/11/2021 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách kiêm Người phụ trách quản trị công ty Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 6.756 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu (đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội) tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 12.202.720 cổ phần, chiếm 13,13% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Được ĐHCĐ quyết định

Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty: Không

**Ông Ngô Quang Tuệ: Trưởng BKS**

Họ và tên : Ngô Quang Tuệ

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 12/07/1979

Số CMND/CCCD : 034079004624; Ngày cấp: 11/08/2020; Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ : Tân Trại, Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 - 2005: Chuyên viên tài chính Phòng Tài chính kiêm Phụ trách tài chính Chi nhánh Miền Trung CTCP Tư vấn Sông Đà – Tổng công ty Sông Đà

- Từ 2006 - 2009: Chuyên viên tài chính Phòng Tài chính Công ty Thu cước và Dịch vụ Viettel – Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

- Từ 2010 - 2011: Chuyên viên tài chính Phòng Tài chính Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

- Từ 2012 - 2013: Trưởng Ban Kế toán chuyên quản, Phòng Tài chính Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

- Từ 2014 - 06/2018: Chuyên viên thanh tra, kiểm toán Ban Thanh tra kiểm toán Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội

- Từ 06/2018 – nay: Trưởng BKS Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Trưởng BKS

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 3.846 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 68.054 cổ phần, chiếm 0,07% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:

- Đỗ Thị Trà My – Vợ: 40.754 cổ phần
- Đỗ Đức Hoán – Bố vợ: 21.900 cổ phần
- Trần Thị Sơn – Mẹ vợ: 5.000 cổ phần
- Phạm Thị An – Chị dâu: 400 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Được ĐHCĐ quyết định
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Phạm Hồng Quân: Thành viên BKS**

Họ và tên : Phạm Hồng Quân  
 Giới tính : Nam  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Ngày sinh : 19/04/1980  
 Số CMND/CCCD : 040080000042; Ngày cấp: 22/11/2013; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Địa chỉ : The Light, Tổ Hữu, Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội  
 Trình độ văn hoá : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 2002 - 2004: Kế toán viên, Kế toán trưởng các Công ty ngoài Viettel
- Từ 2004 - 2007: Kế toán tổng hợp Công ty Truyền dẫn (nay là Tổng Công ty Mạng lưới Viettel)
- Từ 2007 - 2008: Kế toán trưởng Chi nhánh Viettel Hà Nội 1
- Từ 2008 - 2015: Trưởng Phòng thẩm định – Ban Tài chính Tập đoàn Viễn thông quân đội
- Từ 2015 - 2016: Phó Trưởng phòng Tài chính Chi nhánh Viettel Hồ Chí Minh
- Từ 2016 - 2019: Chuyên viên chính Ban kế toán quản trị/Ban Tài chính kế toán Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội
- Từ 2019 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên BKS

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 2.459 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ Tổng Công ty

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 7.800 cổ phần, chiếm 0,008% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:

- Phạm Đức Cường – Anh ruột: 3.500 cổ phiếu

- Nguyễn Thị Hạnh – Chị dâu: 4.300 cổ phiếu

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Được ĐHCĐ quyết định

Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty: Không

**Bà Mai Thị Anh: Thành viên BKS**

Họ và tên : Mai Thị Anh

Giới tính : Nữ

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 30/03/1979

Số CMND/CCCD : 867910642812; Ngày cấp: 01/07/2020; Nơi cấp: Bộ Tổng tham mưu QĐNDVN

Địa chỉ : P208 H2, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 11/2001 - 10/2005: Trợ lý kế toán Lữ đoàn 99 - Binh đoàn 12 Bộ Quốc phòng

- Từ 11/2005 - 04/2009: Nhân viên kế toán cước Công ty Thu cước và Dịch vụ Viettel

- Từ 05/2009 - 03/2010: Trợ lý nghiệp vụ cước Tổng Công ty Viễn thông Quân đội

- Từ 04/2010 - 03/2015: Nhân viên tài chính Viettel Hà Nội

- Từ 04/2015 - 04/2018: Trưởng Ban tài chính Viettel Hà Nội

- Từ 05/2018 - 01/2019: Trợ lý nghiệp vụ Ban Đầu tư, xây dựng cơ bản Viettel Hà Nội

- Từ 02/2019 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Thành viên BKS

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 1.269 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Được ĐHCĐ quyết định

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Nguyễn Thái Hưng: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Nguyễn Thái Hưng  
Giới tính : Nam  
Quốc tịch : Việt Nam  
Ngày sinh : 10/02/1981  
Số CMND/CCCD : 013642721; Ngày cấp: 22/06/2013; Nơi cấp: CA TP. Hà Nội  
Địa chỉ : Tổ An Đào - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/01/2004 - 28/02/2005: Nhân viên Ban Điều hành Di động, Công ty Viễn thông Quân đội
- Từ 01/03/2004 - 30/09/2005: Nhân viên Kỹ thuật Xí nghiệp 2 Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/10/2005 - 31/12/2006: Trưởng ban Kỹ thuật Xí nghiệp 2 Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/01/2007 - 29/02/2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp 2 Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/03/2008 - 31/05/2010: Phó Giám đốc Xí nghiệp 1 Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/06/2010 - 31/05/2013: Giám đốc xí nghiệp 1 Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 01/06/2013 - 31/07/2013: Phó Giám đốc Trung tâm Hạ tầng Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 28/08/2013 - 28/02/2014: Giám đốc Công trình Viettel Cameroon Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 01/02/2014 - 31/03/2014: Trưởng ban Giải quyết tồn Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 01/03/2014 - 10/09/2015: Giám đốc Công trình Viettel Cameroon Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 11/09/2015 - 07/04/2016: Giám đốc Trung tâm Vận hành khai thác Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 08/04/2016 - 31/08/2018: Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 31/08/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 59.380 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần.

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty: Không

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Lê Hữu Hiền: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên : Lê Hữu Hiền  
Giới tính : Nam  
Quốc tịch : Việt Nam  
Ngày sinh : 10/01/1966  
Số CMND/CCCD : 012348832; Ngày cấp: 26/08/2010; Nơi cấp: CA TP. Hà Nội  
Địa chỉ : 14/45, ngõ 178 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội  
Trình độ văn hoá : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/03/2000 – 20/03/2007: Ban Giám đốc Công ty Điện thoại Đường dài
- Từ 21/03/2007 – 10/01/2008: Phó Giám đốc kỹ thuật Công ty Viettel Telecom
- Từ 11/01/2008 – 22/06/2010: Tổng Giám đốc Công ty Star Telecom
- Từ 23/06/2010 – 28/06/2010: Phó Phòng Khoa học Công nghệ Tập đoàn
- Từ 29/06/2010 – 30/06/2012: Phó Giám đốc Công ty Viễn thông Viettel
- Từ 01/07/2012 – 29/01/2013: Phó Phòng Kỹ thuật Tập đoàn
- Từ 30/01/2013 – 31/07/2013: Phó Giám đốc Công ty Viễn thông Viettel
- Từ 01/08/2013 – 11/09/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty VTT
- Từ 12/09/2016 – 05/06/2017: Phó Giám đốc Trung tâm Thiết kế toàn cầu
- Từ 06/06/2017 – 30/06/2017: Phó Giám đốc Phòng Tổ chức Cơ quan Chính trị Tập đoàn Viettel
- Từ 01/07/2017 – 10/05/2018: Phó Trưởng Ban Kỹ thuật Tập đoàn Viettel
- Từ 11/05/2018 – 08/07/2018: Chờ Thương vụ Đảng ủy Tập đoàn Viettel sắp xếp
- Từ 09/07/2018 – 31/08/2018: Phó Giám đốc Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 01/09/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 59.817 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ Tổng Công ty  
Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần.  
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 1.005 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:  
- Lê Thị Vinh – Vợ: 1.005 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Nguyễn Huy Dũng: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	: Nguyễn Huy Dũng
Giới tính	: Nam
Quốc tịch	: Việt Nam
Ngày sinh	: 09/11/1979
Số CMND/CCCD	: 013055952; Ngày cấp 28/03/2008; Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
Địa chỉ	: P1805, CT2, Tháp A, Tòa nhà The Light, Đường Tố Hữu, P Trung Văn, Q. Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn	: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
<b>Quá trình công tác:</b>	
- Từ 06/11/2002 – 02/05/2007: Nhân viên Phòng Kỹ thuật – Ban Điều hành mạng Công ty Truyền dẫn	
- Từ 03/05/2007 – 04/04/2010: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Truyền dẫn	
- Từ 05/04/2010 – 16/10/2011: Phó Giám đốc Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 17/10/2011 – 31/05/2012: Giám đốc Trung tâm Quy hoạch, Thiết kế, Tối ưu Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 01/06/2012 – 31/12/2012: Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật toàn cầu Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 01/01/2013 – 31/07/2013: Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Khu vực 1 Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 01/08/2013 – 21/10/2013: Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Khu vực 1 Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 22/10/2013 – 15/05/2016: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel	
- Từ 16/05/2016 – 31/10/2016: Giám đốc Trung tâm Viettel huyện Đại Từ Viettel Thái Nguyên	
- Từ 01/11/2016 – 31/01/2017: Giám đốc Trung tâm, Nhóm chờ đi thị trường, Tổng Công ty Đầu tư Quốc tế Viettel	
- Từ 01/02/2017 – 12/08/2018: Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Telecom International Myanmar Co.,Ltd	
- Từ 13/08/2018 – 27/11/2018: Phó Giám đốc Khối Kỹ thuật Telecom International Myanmar Co.,Ltd	
- Từ 28/11/2018 – 29/01/2020: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Telecom International Myanmar Co.,Ltd	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

- Từ 30/01/2020 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel  
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có  
Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 26.171 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ Tổng Công ty  
Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần.  
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 6.354 cổ phần, chiếm 0,007% vốn điều lệ Tổng Công ty, trong đó:

- Đặng Thị Minh Phương – Vợ: 6.203 cổ phần
- Nguyễn Thị Đức Hạnh – Em ruột: 100 cổ phần
- Đoàn Minh Vũ – Em rể: 51 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Bà Đào Thu Hiền: Phó Tổng Giám đốc**

Họ và tên	: Đào Thu Hiền
Giới tính	: Nữ
Quốc tịch	: Việt Nam
Ngày sinh	: 27/10/1980
Số CMND/CCCD	: 011962115; Ngày cấp: 30/11/2010; Nơi cấp: CA TP. Hà Nội
Địa chỉ	: Số 15, Ngách 55/38 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 01/12/2007 – 28/02/2009: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/03/2009 – 02/09/2009: Trưởng Ban Xuất nhập khẩu Phòng Kế hoạch – Công ty Công trình Viettel
- Từ 03/09/2009 – 11/03/2012: Trưởng Phòng Dự án và Kinh doanh Công ty Công trình Viettel
- Từ 12/03/2012 – 30/09/2012: Phó Giám đốc Trung tâm tích hợp hệ thống Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/10/2012 – 28/02/2013: Phó Phòng Dự án và Kinh doanh Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/03/2013 – 30/05/2013: Phó Phòng Kế hoạch – Kinh Doanh Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/06/2013 – 31/01/2015: Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Công trình Viettel

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Viettel

- Từ 01/02/2015 – 31/07/2016: Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/08/2016 – 19/03/2017: Giám đốc Trung tâm Kinh doanh Công ty Công trình Viettel
- Từ 20/03/2017 – 31/08/2018: Phó Giám đốc Công ty Công trình Viettel
- Từ 01/09/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 52.227 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% vốn điều lệ Tổng Công ty

Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**Ông Bùi Duy Bảo: Kế toán trưởng**

Họ và tên : Bùi Duy Bảo

Giới tính : Nam

Quốc tịch : Việt Nam

Ngày sinh : 14/01/1982

Số CMND/CCCD : 012863757; Ngày cấp: 17/06/2010; Nơi cấp: CA. TP. Hà Nội

Địa chỉ : Tổ 4 - Khương Trung - Thanh Xuân - Hà Nội

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính

**Quá trình công tác:**

- Từ 21/03/2007 - 31/07/2007: Trợ lý Nghiệp vụ Phòng Quản lý hạ tầng Công ty Viettel Telecom
- Từ 01/08/2007 - 31/03/2010: Nhân viên Phòng Tài chính Tổng Công ty Viễn thông Quân đội
- Từ 01/04/2010 - 31/03/2013: Trưởng Phòng Tài chính, Kế toán trưởng Viettel Hòa Bình
- Từ 01/04/2013 – 31/07/2013: Phó Phòng Tài chính Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 01/08/2013 - 18/04/2017: Phó Phòng Tài chính Tổng Công ty Mạng lưới Viettel
- Từ 19/04/2017 - 23/04/2017: Trưởng Phòng Tài chính Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 24/04/2017 - 31/08/2018: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Công trình Viettel
- Từ 01/09/2018 - 31/05/2020: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty CP Công trình

53  
CÔNG  
PHÁ  
G TP  
ETTI  
VH. T

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Viettel	
Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết: Kế toán trưởng	
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có	
Số cổ phần nắm giữ của bản thân tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 40.739 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,04% vốn điều lệ Tổng Công ty	
Số cổ phần đại diện sở hữu tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần.	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan tại thời điểm lập Bản Cáo bạch này: 0 cổ phần	
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Các khoản nợ đối với Tổng Công ty:	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Hưởng lương theo Quy chế lương, thưởng, phụ cấp của Tổng công ty
Lợi ích liên quan đối với Tổng Công ty:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Tổng Công ty:	Không

**12. Tài sản**

**12.1. Tài sản cố định**

**Bảng 37: Tổng hợp giá trị tài sản cố định Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>359.942</b>	<b>256.022</b>	<b>541.798</b>	<b>376.731</b>	<b>698.084</b>	<b>454.886</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	11.572	6.935	11.572	6.446	11.572	6.097
Máy móc thiết bị	75.144	47.192	90.451	52.883	244.874	182.078
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	269.834	200.823	436.065	316.680	436.065	264.745
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.391	1.072	3.710	722	5.573	1.965
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>26.288</b>	<b>18.059</b>	<b>28.322</b>	<b>19.112</b>	<b>37.236</b>	<b>25.626</b>
Quyền sử dụng đất	24.337	16.369	24.337	16.144	24.337	15.976
Phần mềm máy vi tính	1.951	1.690	3.985	2.968	12.900	9.651

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*



**Bảng 38: Tổng hợp giá trị tài sản cố định Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>362.462</b>	<b>256.869</b>	<b>543.428</b>	<b>376.731</b>	<b>699.707</b>	<b>454.886</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	11.572	6.935	11.572	6.446	11.572	6.097
Máy móc thiết bị	75.462	47.192	90.752	52.883	245.168	182.078
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	272.038	201.670	437.395	316.680	437.395	264.745
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.391	1.072	3.710	722	5.573	1.965
<b>2. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>26.288</b>	<b>18.059</b>	<b>28.322</b>	<b>19.112</b>	<b>37.236</b>	<b>25.626</b>
Quyền sử dụng đất	24.337	16.369	24.337	16.144	24.337	15.976
Phần mềm máy vi tính	1.951	1.690	3.985	2.968	12.900	9.651

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

Danh mục đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng như sau:

**Bảng 39: Danh mục đất đai Tổng Công ty đang quản lý và sử dụng**

STT	Địa điểm	GCNQSDĐ	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Nguồn gốc sử dụng	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Lô số A2-9 thuộc khu dân cư Phong Bắc - Hòa Thọ, Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	AM 612422	3.850	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Lâu dài
2	Xã Đông Thạch, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh	BE 524057	3.364,3	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất	Xây dựng văn phòng làm việc	50 năm, kể từ ngày 03/04/2010

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

## 12.2. Bất động sản đầu tư

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

**Bảng 40: Tổng hợp giá trị bất động sản đầu tư của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Các tuyến cống ngầm hóa cấp quang tại Hà Nội	27.104	-	27.104	-	27.104	-
Hệ thống trạm BTS cho thuê	-	-	134.368	125.896	301.390	270.827
Các tuyến cáp quang cho thuê sợi tại An Giang, Vũng Tàu, Hậu Giang, Đồng Nai	-	-	70.960	57.350	70.916	45.486
Các tuyến cáp và các công trình cho thuê khác	-	-	402	370	4.925	4.526
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.104</b>	<b>-</b>	<b>232.835</b>	<b>183.616</b>	<b>404.335</b>	<b>320.839</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 41: Tổng hợp giá trị bất động sản đầu tư của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

Chỉ tiêu	31/12/2019		31/12/2020		30/09/2021	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Các tuyến cống ngầm hóa cấp quang tại Hà Nội	27.104	-	27.104	-	27.104	-
Hệ thống trạm BTS cho thuê	-	-	134.368	125.896	301.390	270.827
Các tuyến cáp quang cho thuê sợi tại An Giang, Vũng Tàu, Hậu Giang, Đồng Nai	-	-	70.960	57.350	70.916	45.486
Các tuyến cáp và các công trình cho thuê khác	-	-	402	370	4.925	4.526
<b>Tổng cộng</b>	<b>27.104</b>	<b>-</b>	<b>232.835</b>	<b>183.616</b>	<b>404.335</b>	<b>320.839</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**12.3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

**Bảng 42: Tổng hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Riêng lẻ)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Dự án Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020	-	138.480	-
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020	-	46.706	23.944
Dự án Đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019	-	17.063	19.379
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2019 tại 63 tỉnh/thành	3.095	-	-
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 – Dự án 1	-	-	30.837
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 – Dự án 2	-	-	11.109
Các dự án khác	79	14.616	5.236
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.175</b>	<b>216.866</b>	<b>90.505</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán riêng lẻ năm 2019, 2020 và BCTC riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 43: Tổng hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tổng Công ty giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 (Hợp nhất)**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Dự án Đầu tư hệ thống pin mặt trời áp mái năm 2020	-	138.480	-
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020	-	46.706	23.944
Dự án Đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà năm 2019	-	17.063	19.379
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2019 tại 63 tỉnh/thành	3.095	-	-
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 – Dự án 1	-	-	30.837
Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê			11.109

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

năm 2021 – Dự án 2			
Các dự án khác	79	14.616	5.236
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.175</b>	<b>216.866</b>	<b>90.505</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2019, 2020 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo**

**13.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

**Bảng 44: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021 - 2023**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Chi tiêu	Năm 2021 (*)		Năm 2022		Năm 2023	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2021	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	7.436	16,9%	8.000	7,6%	9.059	13,2%
Lợi nhuận sau thuế	368	34,4%	387	5,2%	426	10,1%
Vốn chủ sở hữu	1.457	37,3%	1.558	6,9%	1.887	21,1%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,0%	14,9%	4,8%	(2,2%)	4,7%	(2,1%)
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	25,3%	(2,2%)	24,8%	(1,6%)	22,6%	(8,9%)
Tỷ lệ cổ tức	10 - 20%	-	10 - 20%	-	10 - 20%	-

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

*(\*) Căn cứ kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2021, HĐQT Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021 cao hơn so với kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua ngày 23/04/2021.*

**13.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

Kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Để đạt được kế hoạch nêu trên, Ban điều hành Tổng Công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể đối với từng lĩnh vực kinh doanh như sau:

**i) Vận hành khai thác:**

- Với khách hàng Metfone: Đảm bảo chất lượng vận hành khai thác theo điều khoản

hợp đồng .

- Với khách hàng Mytel: Tiếp nhận 100% hạ tầng viễn thông tại 15/15 tỉnh, đảm bảo duy trì ổn định công tác vận hành khai thác tại thị trường sau OS.
- Với nhóm khách hàng ngoài Tập đoàn Viettel, tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thống (Mobifone, CMC Telecom, Bộ Công an) lĩnh vực fiber/tower care .
- Đẩy mạnh kinh doanh với nhóm dịch vụ solar care, home care.
- Truyền thông, quán triệt kiểm tra nhận thức “Làm tốt trong, đẩy mạnh ngoài” cho lực lượng kỹ thuật, lấy việc duy trì tốt hoạt động vận hành khai thác trong Tập đoàn Viettel làm trọng tâm để đảm bảo nguồn lực mở rộng không gian vận hành khai thác ra bên ngoài.
- Tiếp tục thực hiện triệt để quan điểm “phòng” trong hoạt động vận hành khai thác tại Việt Nam cũng như thị trường nước ngoài. Kịp thời phát hiện các tồn tại của hạ tầng mạng lưới, thống nhất với chủ đầu tư kế hoạch củng cố và theo dõi đến cùng quá trình khắc phục. Tăng cường kiểm tra, chủ động phát hiện lỗi (dựa trên công cụ công nghệ thông tin) và áp dụng nghiêm chế tài xử lý, kỷ luật các trường hợp lặp lại vi phạm, không làm thật; tiếp tục tối ưu tác vụ, nâng cao năng suất nhân viên kỹ thuật.

## **ii) Xây dựng**

- Với nhóm khách hàng trong Tập đoàn Viettel: Đảm bảo tiến độ phát sóng trạm, củng cố hạ tầng mạng lưới cho Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
- Với nhóm khách hàng ngoài Tập đoàn Viettel: Đẩy mạnh hoạt động xây dựng ngoài Tập đoàn Viettel, tập trung vào các công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật.
- Lấy lực lượng nhân viên xây lắp của Tổng Công ty làm nòng cốt để tổ chức theo hình thức đội trường thi công, giám sát đảm bảo tiến độ, chất lượng (100% nhân sự thuê ngoài được quy hoạch, đào tạo, cấp chứng chỉ trước khi triển khai công việc).
- Tiếp tục đánh giá, quy hoạch hệ sinh thái các đối tác (cung cấp vật tư thiết bị, thầu phụ) có chất lượng để đồng hành lâu dài cùng Tổng Công ty trong lĩnh vực xây dựng.
- Tăng cường kiểm soát (bằng hình ảnh qua công cụ phần mềm, camera giám sát (với công trình B2B) việc thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo tiến độ, chất lượng, tuân thủ theo quy trình, KPIs đã ban hành, thực hiện quan điểm làm đến đâu quyết toán dứt điểm đến đó.

## **iii) Đầu tư hạ tầng cho thuê**

- Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ triển khai các dự án đầu tư hạ tầng cho thuê (Năng lượng, BTS, DAS, ngầm hóa), sớm đưa sản phẩm hạ tầng vào khai thác sử dụng.
- Tiếp tục bám sát chủ trương mua lại hạ tầng của Tập đoàn Viettel cũng như đầu tư

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

cho Tập đoàn Viettel thuê hệ thống nguồn của các trạm BTS.

- Nghiên cứu mở rộng phạm vi, bổ sung các sản phẩm hạ tầng cho thuê mới (từ 1-2 sản phẩm)
- Đẩy mạnh tiếp xúc với các đối tác ngoài Tập đoàn Viettel để tìm kiếm thêm khách hàng, tránh rủi ro doanh thu tập trung vào 1 số khách hàng lớn và tạo điều kiện để tăng tỷ lệ cho thuê, cải thiện biên lợi nhuận hoạt động.
- Tập trung đầu tư hạ tầng DAS, trạm BTS cho chính các đối tác B2B về xây dựng dân dụng; tiến hành hợp tác và rà soát lựa chọn các vị trí có tính chất bắt buộc nhà mạng phải thuê hạ tầng để đảm bảo chất lượng mạng, hình ảnh để tăng tỷ lệ dùng chung hạ tầng, tăng hiệu quả hoạt động.

**iv) Giải pháp tích hợp**

- Tiếp tục mở rộng phạm vi, đa dạng sản phẩm trong các lĩnh vực năng lượng, cơ điện, ICT, giải pháp thông minh.
- Triển khai giải pháp nông thôn mới cho sản phẩm đèn năng lượng mặt trời, giải pháp camera an ninh xã hội hóa đến 1.000 xã trên toàn quốc.
- Đẩy mạnh hoạt động hợp tác với Tập đoàn/ Tổng công ty lớn để mở rộng phạm vi, sản phẩm kinh doanh, định hướng Tổng Công ty làm turnkey cho các đối tác như: DAT Tech, Huawei, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Samsung, ...

**v) Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và công nghệ thông tin**

- Lựa chọn sản phẩm Top 3 thị trường để đưa vào kinh doanh (Việt hóa, dữ liệu lưu tại Việt Nam, đáp ứng đủ nhu cầu khách hàng, cam kết cập nhật sản phẩm dịch vụ lâu dài).
- Tập trung vào đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng tập khách hàng ổn định với doanh thu duy trì đều hàng tháng.

**13.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCD thông qua**

Thông tin về các dự án đầu tư đã và đang thực hiện của Tổng Công ty đã được HĐQT, ĐHĐCD thông qua như sau:

**Bảng 45: Danh mục các dự án đầu tư của Tổng Công ty**

STT	Danh mục dự án	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến 30/09/2021	Dự kiến thực hiện (01/10 – 31/12/2021)
<b>I</b>	<b>Trạm BTS</b>		<b>1.338.866</b>	<b>386.555</b>	<b>101.613</b>
1	Dự án xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2019 tại 63 tỉnh/TP	170 trạm	64.347	32.062	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Danh mục dự án	Quy mô dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Lũy kế thực hiện đến 30/09/2021	Dự kiến thực hiện (01/10 – 31/12/2021)
2	Dự án mở rộng xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2019 tại 63 tỉnh/TP	130 trạm	72.519	29.072	-
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2020 tại 63 tỉnh/TP	945 trạm	486.401	161.441	5.000
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 – Giai đoạn 1 tại 63 tỉnh/TP	728 trạm	243.170	94.269	50.930
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS cho thuê năm 2021 - Giai đoạn 2 tại 63 tỉnh/TP	1.320 trạm	472.429	69.712	45.684
<b>II</b>	<b>Hệ thống DAS</b>		<b>154.058</b>	<b>51.072</b>	<b>2.570</b>
1	Dự án Đầu tư mua lại hệ thống DAS tòa nhà giai đoạn 1 năm 2019 tại Hà Nội và Nghệ An	1.051.830 m <sup>2</sup>	41.450	21.572	-
2	Dự án đầu tư mới hệ thống DAS tòa nhà 2019 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Thái Nguyên, Quảng Ninh	1.500.000 m <sup>2</sup>	54.012	28.852	2.570
3	Công trình xây dựng mạng truy cập cố định băng rộng giai đoạn 1 năm 2020 tại 63 tỉnh/TP	2.840 căn hộ	3.513	648	-
4	Đầu tư hệ thống DAS tòa nhà năm 2020 tại 63 tỉnh/TP	1.820.015 m <sup>2</sup>	55.083	-	-
<b>III</b>	<b>Hệ thống truyền dẫn</b>		<b>94.374</b>	<b>44.213</b>	<b>-</b>
1	Xây dựng tuyến cáp quang cho thuê sợi năm 2019 tại An Giang, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Hậu Giang, Nghệ An, Thanh Hóa, Vũng Tàu	2.569 km	94.374	44.213	-
<b>IV</b>	<b>Pin mặt trời</b>		<b>197.512</b>	<b>155.027</b>	<b>-</b>
1	Đầu tư Pin mặt trời năm 2020 tại 63 tỉnh/TP	14.938 KWp	197.512	155.027	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>1.784.810</b>	<b>636.867</b>	<b>104.183</b>

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

#### 13.4. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Tổng Công ty hiện chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ tại thời điểm lập Bản cáo bạch này.

#### 14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết. Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho VCSC và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Tổng Công ty. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

#### 15. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Căn cứ Thuyết minh số 23 “Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động” tại Báo cáo tài chính kiểm toán riêng lẻ năm 2020 và Báo cáo tài chính riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng Công ty, Tổng Công ty có các cam kết cụ thể như sau:

- **Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty hiện đang sử dụng bất động sản đầu tư bao gồm tuyến công ngầm hóa cáp quang, tuyến cáp quang sợi và hệ thống trạm BTS vào mục đích cho thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*

	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Từ 1 năm trở xuống	3.194	17.948	222.686

- **Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty thuê tài sản trụ sở văn phòng làm việc Tổng Công ty theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động giai đoạn 2019 – 09 tháng đầu năm 2021 như sau:

*Đơn vị tính: triệu đồng*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

	31/12/2019	31/12/2020	30/09/2021
Từ 1 năm trở xuống	6.448	6.545	7.845

**16. Các thông tin, tranh chấp liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Tính đến thời điểm lập Bản Báo Bạch này, Tổng Công ty có 06 khoản phải thu khó đòi do đối tác/khách hàng chậm thanh toán so với tiến độ hợp đồng, cụ thể như sau:

**Bảng 46: Thông tin về một số khoản phải thu khó đòi của Tổng Công ty**

*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên khách hàng	Giá trị xuất hóa đơn	Số tiền khách hàng đã thanh toán	Công nợ khách hàng chưa thanh toán	Tình trạng xử lý
1	Công ty cổ phần Thủy Sản N.G Việt Nam	584	225	359	- Đã nộp đơn khởi kiện ngày 29/06/2021, yêu cầu thanh toán: nợ gốc 358.739.100 đồng, phạt chậm thanh toán 32.670.328 đồng - Ngày 16/07/2021: Đã gửi Đơn bổ sung Đơn khởi kiện và Công văn đề nghị không tiến hành đối thoại, hòa giải tới Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau
2	Công ty TNHH Hãng YếnNest Ban Mê	2.138	942	1.197	- Đã nộp đơn khởi kiện ngày 18/06/2021, yêu cầu thanh toán: nợ gốc 1.196.880.000 đồng, phạt chậm thanh toán 95.750.400 đồng - Ngày 21/01/2021: Đã gửi Công văn cung cấp thông tin tới Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương
3	Công ty TNHH MTV Trường Đại Thành	3.451	1.345	2.106	- Đã nộp đơn khởi kiện ngày 28/06/2021, yêu cầu thanh toán:
4	Công ty TNHH MTV Trường Đại Thành	2.019	810	1.209	+ Hợp đồng 121101: nợ gốc 3.105.531.000 đồng, phạt chậm thanh toán 248.442.480 đồng + Hợp đồng 191101: nợ gốc 209.160.000 đồng, phạt chậm thanh toán 129.532.800 đồng - Ngày 22/07/2021: Đã gửi Công văn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Rạch Giá phản hồi Đơn khởi kiện
5	Công ty TNHH MTV Hữu Hào	12.355	10.355	2.000	- Đối tác cam kết ngày 21/07/2021 thanh toán toàn bộ công nợ (không có biên bản làm việc)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Tên khách hàng	Giá trị xuất hóa đơn	Số tiền khách hàng đã thanh toán	Công nợ khách hàng chưa thanh toán	Tình trạng xử lý
					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngày 21/07/2021: Đã gửi thông báo khởi kiện đối tác tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền</li> <li>- Ngày 29/07/2021: gửi đơn khởi kiện đòi nợ gốc 3 tỷ và phạt chậm thanh toán là 240.000.000 đồng</li> <li>- Ngày 04/08/2021: Công ty Hữu Hào đã thanh toán 1 tỷ đồng</li> </ul>
6	Công ty TNHH Phú Minh Cát	10.794	3.367	7.427	Khách hàng bị cháy xường, chờ bảo hiểm để thanh toán cho Tổng Công ty. Khách hàng đã có cam kết thanh toán cho Tổng Công ty
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.341</b>	<b>17.043</b>	<b>14.297</b>	

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Các khoản phải thu khó đòi nêu trên chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, không quá 0,5% doanh thu thuần năm 2020, do đó, Tổng Công ty cho rằng các khoản phải thu khó đòi này sẽ không phải là yếu tố làm ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty.

## V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

### 1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

### 2. Mã cổ phiếu

CTR.

### 3. Mệnh giá

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

### 4. Tổng số cổ phiếu niêm yết

92.923.873 (Chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi ba) cổ phiếu, tương đương 100% tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành.

### 5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

#### 5.1. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Theo quy định tại Khoản 1đ Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”, theo đó, danh sách cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng Công ty như sau:

**Bảng 47: Danh sách cổ đông bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 1đ Điều 109, Nghị định 155/2020/NĐ-CP**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán (*)	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng tiếp theo (*)
1	Hội đồng quản trị				



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu cá nhân sở hữu	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán (*)	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 06 tháng tiếp theo (*)
1	Nguyễn Thanh Nam	Chủ tịch HĐQT	10.124	10.124	5.062
2	Phạm Đình Trường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	16.517	16.517	8.259
3	Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	-	-	-
4	Bùi Thế Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	98.653	98.653	49.327
5	Nguyễn Tất Trường	Thành viên HĐQT	6.756	6.756	3.378
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>				
1	Ngô Quang Tuệ	Trưởng BKS	3.846	3.846	1.923
2	Phạm Hồng Quân	Thành viên BKS	2.459	2.459	1.230
3	Mai Thị Anh	Thành viên BKS	1.269	1.269	635
<b>III</b>	<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>				
1	Nguyễn Thái Hưng	Phó Tổng Giám đốc	59.380	59.380	29.690
2	Lê Hữu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	59.817	59.817	29.909
3	Nguyễn Huy Dũng	Phó Tổng Giám đốc	26.171	26.171	13.086
4	Đào Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	52.227	52.227	26.114
5	Bùi Duy Bảo	Kế toán trưởng	40.739	40.739	20.370
	<b>Tổng cộng</b>		<b>377.958</b>	<b>377.958</b>	<b>188.979</b>

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel

(\*) Lưu ý: Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng này đã bao gồm 67.706 cổ phiếu của nhóm cổ đông nội bộ trên được mua theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) được nêu tại Bảng 44 dưới đây.

**5.2. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành số 72/BC-VCC-HĐQT ngày 16/11/2020 của Tổng Công ty, thông tin về cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) năm 2020 đã được HĐQT Tổng Công ty thông qua tại Nghị quyết số 65/NQ-VCC-HĐQT ngày 05/10/2020 như sau:

**Bảng 48: Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo Quy chế ESOP năm 2020**

Số lượng CBCNV bị hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian hạn chế chuyển nhượng
931	1.373.703	Đến ngày 05/11/2022

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

## 6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được tham khảo dựa trên 03 phương pháp sau:

- (1) Giá trị sổ sách
- (2) Phương pháp hệ số so sánh (so sánh hệ P/E và P/B)
- (3) Phương pháp bình quân giá thị trường

### 6.1. Giá trị sổ sách

**Bảng 49: Giá trị sổ sách của cổ phiếu Tổng Công ty**

Chỉ tiêu		Tại thời điểm 31/12/2020	Tại thời điểm 30/06/2021	Tại thời điểm 30/09/2021
Vốn chủ sở hữu (sau khi trừ đi lợi ích của cổ đông không kiểm soát) (triệu đồng)	(1)	1.060.839	1.097.669	1.188.008
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(2)	71.781.828	92.923.873	92.923.873
Giá trị sổ sách của cổ phiếu CTR (đồng/cổ phiếu)	(3) = (1) / (2)	<b>14.779</b>	<b>11.813</b>	<b>12.875</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2020, BCTC soát xét hợp nhất 06 tháng đầu năm 2021 và BCTC hợp nhất 09 tháng đầu năm 2021 của Tổng CTCP Công trình Viettel*

### 6.2. Phương pháp hệ số so sánh

**So sánh hệ số P/E:** Hệ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) của công ty tính toán. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 01/12/2021, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) được tính theo lợi nhuận sau thuế năm gần nhất (năm 2020) của các công ty so sánh và Tổng Công ty.

**So sánh hệ số P/B:** Hệ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS) của công ty tính toán. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 01/12/2021, giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2020 của các công ty so sánh và Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Nhóm các công ty so sánh được lựa chọn bao gồm các công ty đang hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và/hoặc lĩnh vực viễn thông & giải pháp tích hợp và được niêm yết trên SGDCK hoặc đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, cụ thể như sau:

**Bảng 50: Thông tin về các công ty so sánh**

STT	Mã cổ phiếu	Tên công ty	Sàn giao dịch
1	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	HOSE
2	HBC	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hoà Bình	HOSE
3	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	HOSE
4	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	HOSE
5	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	HOSE
6	ICT	Công ty cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	HOSE
7	GLT	Công ty cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	HNX
8	MFS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Mobifone	Upcom

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**Bảng 51: Hệ số P/E, P/B các công ty so sánh**

STT	Mã cổ phiếu	Giá tham chiếu tại ngày 01/12/2021 (đồng)	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 01/12/2021	LNST năm 2020 (tỷ đồng)	VCSH năm 2020 (tỷ đồng)	EPS (đồng)	BVPS (đồng)	P/E	P/B
1	CTD	80.000	73.859.473	335	8.399	4.530	113.711	17,66	0,70
2	HBC	26.900	242.415.784	84	4.148	345	17.111	77,94	1,57
3	HTN	70.000	49.509.201	357	1.015	7.220	20.509	9,69	3,41
4	PHC	17.400	27.807.797	10	400	352	14.374	49,46	1,21
5	ELC	24.600	50.818.648	31	853	614	16.791	40,07	1,47
6	ICT	20.400	32.185.000	68	698	2.113	21.687	9,65	0,94
7	GLT	34.900	9.236.446	28	107	3.071	11.580	11,36	3,01
8	MFS	33.700	7.062.979	31	187	4.359	26.505	7,73	1,27
<b>Trung bình</b>								<b>27,95</b>	<b>1,70</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

➤ **Phương pháp so sánh hệ số P/E**

**Bảng 52: Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty theo phương pháp so sánh hệ số P/E**

Lợi nhuận sau thuế Tổng Công ty năm 2020 (tỷ đồng)	(1)	274
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(2)	92.923.873
EPS – Thu nhập trên 01 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(3) = (1) / (2)	2.951
Hệ số P/E trung bình các công ty so sánh	(4)	27,95
Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty (đồng/cổ phiếu)	(5) = (3) x (4)	<b>82.455</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

➤ **Phương pháp so sánh hệ số P/B**

**Bảng 53: Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty theo phương pháp so sánh hệ số P/B**

Vốn chủ sở hữu Tổng Công ty năm 2020 (sau khi trừ đi lợi ích của cổ đông không kiểm soát) (tỷ đồng)	(1)	1.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	(2)	92.923.873
BVPS – Giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(3) = (1) / (2)	11.416
Hệ số P/B trung bình các công ty so sánh	(4)	1,70
Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty (đồng/cổ phiếu)	(5) = (3) x (4)	<b>19.394</b>

*Nguồn: Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel*

Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty theo phương pháp P/E là: **82.455 đồng/cổ phiếu.**

Giá trị 01 cổ phiếu Tổng Công ty theo phương pháp P/B là: **19.394 đồng/cổ phiếu.**

**6.3. Phương pháp bình quân giá thị trường**

Phương pháp bình quân giá thị trường được xác định dựa trên các dữ liệu giao dịch của cổ phiếu CTR trên sàn Upcom được công bố trên trang web của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ví dụ, đến ngày 07/12/2021, giá tham chiếu của ba mươi (30) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất (từ ngày 27/10/2021 đến ngày 07/12/2021) của cổ phiếu CTR được xác định như sau:

Bình quân giá tham chiếu: **84.237 đồng/cổ phiếu.**

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 47/NQ-VCC ngày 21/12/2021 của Tổng Công ty, Viettel Construction lựa chọn Phương pháp bình quân giá tham chiếu của 30 phiên giao dịch

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

gần nhất trước khi hủy đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội là phương pháp tính giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CTR tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, sau khi được Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp Quyết định niêm yết và Viettel Construction hủy đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty sẽ tính toán giá tham chiếu và ban hành Nghị quyết HĐQT hoặc Quyết định của Tổng Giám đốc (nếu được HĐQT ủy quyền) về giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CTR. Viettel Construction sẽ báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, báo cáo các cơ quan có thẩm quyền và công bố thông tin theo quy định.

**7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Căn cứ Công văn số 5962/UBCK-PTTT của Ủy ban chứng khoán Nhà nước ngày 06/10/2021 về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty là 49%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 12/11/2021, Tổng Công ty có 137 cổ đông nước ngoài, sở hữu 3.268.614 cổ phần (tương đương 3,52% vốn điều lệ Tổng Công ty).

**8. Các loại thuế và phí có liên quan đến cổ phiếu niêm yết**

**8.1. Đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết**

**8.1.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Thuế suất</b>
Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel	20%
Viettel Construction Peru	30%
Viettel Construction Mozambique	32%
Viettel Construction Cambodia	20%
Viettel Construction Myanmar	25%
Viettel Construction Laos	24%

**8.1.2. Thuế giá trị gia tăng**

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Tổng Công ty đang áp dụng thuế suất 10%.

**8.1.3. Các loại thuế khác**

Thuế tài nguyên, tiền sử dụng đất, thuế môn bài, phí, lệ phí ... của Tổng Công ty được kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định của Nhà nước.



## **8.2. Đối với nhà đầu tư mua cổ phiếu**

### **8.2.1. Thuế thu nhập cá nhân**

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- i. Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là “**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**”).
- ii. Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/06/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- iii. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân;
- iv. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- v. Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- vi. Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên:

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

**(i) Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:**

(a) trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và

(b) trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

**(ii) Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu:** 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**8.2.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- i. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- ii. Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- iii. Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- iv. Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- v. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- vi. Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

- vii. Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- viii. Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ vào các văn bản trên:

***Đối với nhà đầu tư là tổ chức***

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, doanh nghiệp có các khoản thu nhập từ các hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước được chia từ thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 01/01/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 01/01/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

**8.2.3. Thuế giá trị gia tăng**

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng như sau:

- i. Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/06/2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 06/04/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế.

04  
V.G.C  
CỔ P  
ING  
IET  
INH-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

- ii. Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế; Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- iii. Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng.
- iv. Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- v. Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- vi. Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;
- vii. Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

Theo quy định trên, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng cổ phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức tư vấn niêm yết**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3914 3588 Fax: (028) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (024) 6262 6999 Fax : (024) 6278 2688

Website: www.vesc.com.vn

**2. Tổ chức kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC**

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số điện thoại: (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website: <https://aasc.com.vn/>

**VII. GIỚI THIỆU NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN TÓ CHỨC NIÊM YẾT**

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2019;
3. Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14/06/2005 và các văn bản sửa đổi, bổ sung
4. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 17/6/2020;
5. Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 23/11/2009;
6. Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 18/06/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
7. Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 25/11/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
8. Luật Điện lực số 28/2004/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 03/12/2004 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;
6. Nghị định 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Thông tư 118/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
8. Thông tư 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số

75.3  
CÔNG  
HÀ  
TR  
TE  
TP.

**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL**  
**BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT**

---

điều của Luật Chứng khoán.

**VIII. PHỤ LỤC**

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. **Phụ lục II:** Điều lệ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
3. **Phụ lục III:** Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết
4. **Phụ lục IV:** Các báo cáo tài chính riêng lẻ, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2019, 2020 và Báo cáo tài chính riêng lẻ, báo cáo tài chính hợp nhất được soát xét 06 tháng đầu năm 2021
5. **Phụ lục V:** Báo cáo về tranh chấp pháp luật

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL  
BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2021

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN THANH NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

A blue handwritten signature in cursive script.

PHẠM ĐÌNH TRƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

A blue handwritten signature in cursive script.

NGÔ QUANG TUỆ

KÊ TOÁN TRƯỞNG

A blue handwritten signature in cursive script.

BÙI DUY BẢO



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL  
BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

---

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM  
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



NGUYỄN QUANG BẢO



**PHỤ LỤC III: NHỮNG VĂN BẢN PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC ĐĂNG  
KÝ NIÊM YẾT**

STT	Văn bản pháp luật
1	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020
2	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019
3	Luật Xây dựng số 50/2015/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 18/08/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung
4	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 17/06/2020
5	Luật Điện lực số 28/2004/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 03/12/2004 và các văn bản sửa đổi, bổ sung
6	Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 23/11/2009
7	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
8	Thông tư số 116/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

VIETTEL